

Lâm Chung *Những Điều Nên Biết*



ĐD Thích Nguyên Liên Soạn Dịch

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 16-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

A. LÂM CHUNG NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT

LỜI NÓI ĐẦU

- I. LUẬN VỀ NGƯỜI NIỆM PHẬT, LÂM CHUNG ĐƯỢC VẮNG SANH HAY KHÔNG ĐƯỢC VẮNG SANH?
- II. NGƯỜI BÀ CON CẦN CHÚ Ý NHỮNG ĐIỂM SAU
- III. HỎI ĐÁP VẤN ĐỀ TRỢ NIỆM
- IV. THUYẾT LÂM CHUNG MỘT NIỆM VẮNG SANH
- V. NGƯỜI TRỢ NIỆM CẦN NHỚ NHỮNG ĐIỂM SAU
- VI. NHÂN QUẢ TỐI THẮNG CỦA NGƯỜI TRỢ NIỆM
- VII. PHÒNG NGƯỜI BỆNH CẦN PHẢI SẠCH SẼ
- VIII. PHÁ TRỪ CÁC MÔI NGHI GÂY CHƯỚNG NGẠI CHO VIỆC VẮNG SANH
- IX. NHỮNG LỜI KHAI THỊ LÚC LÂM CHUNG
- X. GIẢI THÍCH NHỮNG MÔI NGHI VỀ BỆNH KHỔ LÚC LÂM CHUNG
- XI. PHƯƠNG PHÁP TRỢ NIỆM
- XII. THỜI GIAN TẮM RỬA THAY QUẦN ÁO
- XIII. PHƯƠNG PHÁP TIỀN VONG
- XIV. HỎI ĐÁP VỀ THÂN TRUNG ẤM

XV. DẪN ĐOẠN CĂN BẢN TRONG KINH ĐỊA TẠNG PHẨM “TÔN VONG LỢI ÍCH” THỨ BẢY LÀM PHẦN KẾT

B. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG NHẤT TRONG CUỘC ĐỜI

LỜI MỞ ĐẦU

I. HỒI THỞ TUY CHẤM DỨT NHƯNG THẦN THỨC VẪN CHƯA RỜI THỂ XÁC

II. THẦN THỨC LÚC NÀO MỚI RỜI THỂ XÁC

III. THẦN THỨC RỜI THỂ XÁC ĐI VỀ ĐÂU

IV. NGƯỜI BỆNH CẦN NÊN CÓ NHẬN THỨC

V. NGƯỜI BÀ CON CẦN NÊN NHẬN THỨC

VI. VIỆC LÀM CỦA NHÀ MAI TÁNG CẦN CÓ SỰ CẢI TIẾN

VII. SAU KHI CHẾT BẢY NGÀY MỚI CỬ HÀNH HỎA TÁNG

VIII. MỌI Ý MUỐN CỦA MÌNH NÊN DẶN DÒ TRƯỚC CHO GIA ĐÌNH

IX. NHẬN TỰ LỰC VÀ DUYÊN THA LỰC

KẾT LUẬN

C. VÌ SAO CẦN LÀM PHẬT SỰ

LỜI TỰA

I. THỂ NÀO GỌI LÀ LÀM PHẬT SỰ

II. THỈNH NGƯỜI XUẤT GIA LÀM PHẬT SỰ CÓ TÁC DỤNG NHƯ THỂ NÀO ?

III. KHI LÂM CHUNG NÊN LÀM CÁC VIỆC GÌ

IV. VONG LINH LÀ GÌ ?

V. AI NÊN LÀM PHẬT SỰ

VI. TỤNG KINH ĐỂ LÀM GÌ ?

VII. BÁI SÁM ĐỂ LÀM GÌ ?

VIII. CÚNG CÔ HỒN ĐỂ LÀM GÌ ?

IX. PHẬT SỰ GIỮA NGƯỜI VÀ QUỶ

PHỤ KÝ

D. RỐT CÙNG CỦA CUỘC ĐỜI

CHƯƠNG 1 : LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 2 : LÚC BỊNH NẶNG

CHƯƠNG 3 : LÚC LÂM CHUNG

CHƯƠNG 4 : SAU KHI MẠNG CHUNG MỘT NGÀY

CHƯƠNG 5 : CÁC VIỆC CÚNG TẾ...

CHƯƠNG 6 : KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN CÁC HỘI TRỢ NIỆM KHI LÂM CHUNG

CHƯƠNG 7 : LỜI KẾT

E. CHUẨN BỊ CHO CÁI CHẾT

Tiết 1 : TRẠNG THÁI CHẾT CỦA CON NGƯỜI

Tiết 2 : TRẠNG THÁI SAU KHI CHẾT
Tiết 3 : CÁC CẢNH GIỚI TÁI SANH
Tiết 4 : CÁC CẢNH GIỚI TÁI SANH (tt)
Tiết 5 : CẢNH GIỚI TỊNH ĐỘ
Tiết 6 : DỰ BỊ LÚC LÂM CHUNG

---o0o---

A. LÂM CHUNG NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT

(Pháp sư Thế Liễu)

TỰA

Đức Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở cuộc đời. Đó là khai bày hiển thị tri kiến Phật cho tất cả chúng sanh để chúng sanh ngộ nhập vào tri kiến Phật ấy. Nhưng khai bày hiển thị tri kiến Phật để chúng sanh ngộ nhập tức phải có phương tiện. Phương tiện đó chính là ba tạng kinh điển mười hai phần giáo tám vạn bốn ngàn pháp môn tu. Cứu cánh tất cả các phương tiện đều đi về một mục đích đó là khai bày hiển thị tri kiến Phật khiến cho chúng sanh ngộ nhập vào tri kiến Phật.

Kinh Pháp Hoa nói “Ta dùng sức trí tuệ, biết lòng thích chúng sanh, phương tiện nói các pháp, đều khiến được hoan hỷ”. Lại nói: “Nay Ta vui không sợ, ở trong các Bồ tát, chánh thức bỏ phương tiện, chỉ nói đạo Vô thượng”. Phương tiện nói các pháp đó là phương tiện, chính thức xả bỏ phương tiện đó là chỉ bày pháp chân thật. Khai mở cửa phương tiện hiển bày tướng chân thật vì vậy kinh Pháp hoa được tôn xưng là vua trong các bộ kinh.

Pháp môn Tịnh độ được gọi là pháp môn phương tiện đứng đầu trong các phương tiện, liễu nghĩa nhất trong các kinh liễu nghĩa, viên đốn nhất trong các kinh viên đốn. Đại sư Ngẫu ích nói: “Chư Phật thương xót chúng sanh tùy theo căn cơ giáo hóa, tuy rằng cội gốc không hai nhưng phương tiện có nhiều cửa. Xét trong tất cả các môn phương tiện, về mặt rất thẳng tắt rất nhanh chóng cho đến chỗ tròn đầy, thì không có pháp môn nào vượt qua pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ.” Thế mới biết pháp môn Tịnh độ thật là cùng một vị với kinh Pháp hoa tức phương tiện cũng chính là chân thật. Đại sư Ấn quang thường dạy: “Chúng sanh trong chín cõi nếu xa lìa pháp môn này thì trên không lấy gì để thành Phật đạo; mười phương chư Phật

nếu bỏ pháp môn này thì dưới không lấy gì để hóa độ chúng sanh”. Công dụng của pháp môn Tịnh độ như thế cho nên mười phương chư Phật đều khen ngợi chín cõi chúng sanh đều quy về, ngàn kinh đều nói rõ vạn luận đều tuyên bày.

Còn về phần tu học pháp môn Tịnh độ điều cốt yếu nhất là ở chỗ tín sâu, nguyện thiết, chuyên trì danh hiệu Phật nhưng đến khi lâm chung việc đó vô cùng khẩn yếu. Xưa kia Đại sư Ấn quang từng viết một cuốn sách tựa đề “Lâm chung bờ bến” lưu thông xa gần lợi ích rất lớn. Nay các pháp sư Tây chân, Thế liễu... vì muốn phổ biến rộng rãi cho tất cả mọi giới nam phụ, lão ấu nên đã tuyển chọn lại trong cuốn “Lâm chung bờ bến” viết thành cuốn “Lâm chung những điều cần biết”. Văn tuy đơn giản nhưng ý tứ đầy đủ nếu có thể nghiên cứu kỹ lưỡng cuốn sách này, rồi nương theo phương pháp trong đó chỉ dạy mà thực hành thì người chết nhất định sẽ được vãng sanh Tây phương Cực lạc lợi ích của nó thật là lớn lao.

Về ý nghĩa pháp môn Tịnh độ mặc dù thiên kinh vạn luận đã trình bày rõ ràng không còn chỗ nào thiếu, nhưng vẫn còn có người hiểu lầm nên không thể không thêm đôi lời giải thích.

Hoặc có người cho rằng niệm Phật là niệm Thật tướng của Phật không phải niệm sáu chữ Hồng danh đây quả thực là đại sai lầm. Bởi vì ý nghĩa của chữ thật tướng là lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp lặng yên soi tỏ không hai, thân và cõi không hai tánh giác và sự tu không hai Chân thân và Ứng thân không hai, không có pháp nào là không thật tướng há có thể lìa sáu chữ hồng danh mà tìm cầu thật tướng bên ngoài hay sao? Vì vậy hồng danh vừa cử lên, pháp giới đều rỗng suốt, sáu chữ cử trì mãi thì diệu thể toàn sáng. Với quan niệm về thật tướng sai lầm như thế vì hồng danh đã là hai thì theo cái thấy này không thể biết được thật tướng .

Hoặc có người cho rằng phải niệm Tỳ Lô Giá Na không nên niệm A Di Đà Phật. Tỳ Lô Giá Na là Pháp thân Phật, A Di Đà là Ứng thân của Phật đây cũng là một nhận thức sai lầm! Vì Pháp thân, Báo thân và Ứng thân tuy ba mà một tuy một mà ba, tức Tỳ Lô là Di Đà, Di Đà là Tỳ Lô sai lầm lại chia làm hai như vậy thì theo cái thấy đó cũng không thể biết được Tỳ Lô.

Hoặc có người cho rằng nên cầu sanh về cõi Thường tịnh quang không nên cầu sanh thế giới Tây phương Cực lạc đây cũng là nhận thức sai lầm! Bởi vì bốn cõi Tịch quang, Thật báo, Phương tiện, Đồng cư tên tuy có bốn nhưng thể của nó chỉ là một. Chúng sanh nào chưa đoạn Kiến tư hoặc thì sanh ở cõi

Phương tiện, đoạn được từng phần Vô minh hoặc thì sanh về cõi Thật báo, đoạn hết Vô minh hoặc thì sanh về cõi Tịch quang.

Và lại cõi Thường tịch quang không phải sanh cũng không phải không sanh há có thể cầu sanh được sao? Đã hoàn toàn không có công hạnh sát, đoạn, chứng theo cấp bậc mà tiến tu, vọng chấp Tịch quang phá bỏ Cực lạc lại không biết cõi Cực lạc đồng cư là ở ngay cõi Tịch quang nên vọng luyến Tịch quang thêm nơi Cực lạc, cũng theo cái thấy đó không thể biết được Tịch quang.

Hoặc có người cho rằng tâm là quốc độ tâm tịnh thì quốc độ tịnh, chỉ nên cầu sanh cõi Cực lạc nơi tự tâm hà tất phải cầu sanh Cực lạc nơi cõi khác, đây cũng là một nhận thức sai lầm! Bởi vì tâm tức là pháp giới, cõi Cực lạc tuy ở ngoài mười vạn ức quốc độ vốn cũng chưa ra ngoài pháp giới này, tức chưa từng lìa nơi tự tâm. Nay đem duyên sáu trần làm tự tâm mà muốn nạp thế giới Cực lạc ở trong vọng tâm duyên bởi sáu trần để cầu sanh Tịnh độ há không phải sai lầm sao! Phàm những thứ mê hoặc sai lầm này nguyên do là đều mới chỉ nghe danh từ không truy cứu nghĩa lý, chạy theo những sự sai lầm không biết làm chướng ngại, há chẳng phải là những người thiếu nhận thức hiểu biết lắm sao. Người có trí tuệ chắc chắn không có những nhận thức sai lầm mê hoặc như thế.

Các sự nhận thức sai lầm trên đều là bệnh mà con người thời nay dễ mắc phải ưa thích những điều kinh dị cao xa rốt cùng đều là vọng cầu không thật, cho nên chúng ta không thể ngồi yên mà để tiếp tục có những người sai phạm. Rất mong những bậc thức giả nên suy xét điều này.

Đến như ý nghĩa trợ niệm lúc lâm chung cùng với phương pháp trợ niệm, trong sách này trình bày rất rõ ràng cho nên không cần luận bàn thêm.

Tháng 10 năm giáp ngọ

Tại Hoằng hóa xã tỉnh Thượng hải

Pháp Sư Diệu Chân đề tựa

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Việc đau buồn và thống khổ nhất trong cuộc đời này không gì hơn cái chết. Đối với cái chết không một người nào mà không biết cũng không có bất kỳ một người nào tránh khỏi. Nhưng nếu chỉ biết được cái chết là bị ai thống khổ mà không biết đi tìm cầu tu học Phật pháp vĩnh viễn thoát khỏi cái chết, đây không phải uổng công buồn khổ hoàn toàn không có chút ích lợi sao?

Tuy nhiên, dù có thể tìm được pháp môn nhưng không khéo cơ có tu nhưng không chứng mà vẫn ở trong sáu nẻo luân hồi, đây há cũng không phải là uổng công bị ai thống khổ không có chút lợi ích hay sao? Cho nên đức Thích Ca Thế Tôn của chúng ta hơn ba ngàn năm về trước ở trong kinh Đại tập đã từng nói: “Thời kỳ Mạt pháp vạn vạn người nếu nương vào sức tự lực tu hành Giới định tuệ, thì hiếm có được một người có thể diệt trừ hết phiền não hoặc nghiệp chướng đắc đạo quả Thánh vị, chỉ có nương vào pháp môn tín, nguyện, niệm Phật và sức thế nguyện của Phật A Di Đà cầu sanh Tây phương thì mới có thể thoát khỏi sanh tử”.

Lại vị tổ thứ mười ba của Liên tông là Ấn Quang đại sư ở chùa Linh nham (Tô châu) dạy: “Chín cõi chúng sanh nếu lìa pháp môn niệm Phật thì trên không thể lấy gì để thành Phật đạo, mười phương chư Phật nếu bỏ pháp môn niệm Phật thì dưới không thể lấy gì hóa độ chúng sanh”. Nên biết, Phật tử vô cùng bị tâm thương xót chúng sanh trong thời Mạt pháp căn lành mỏng manh trí tuệ kém cỏi không biết thời cơ, dùng sai pháp môn có tu không đắc uổng phí tâm lực luống mất một đời cho nên vì đây mà nói!

Nên biết pháp môn Tịnh độ tín, nguyện, niệm Phật nhiếp khắp mọi căn cơ, không luận là hàng Tăng tục, nam nữ, già trẻ, thông minh, ngu dốt cho đến kẻ mới phát tâm tội nặng hay nhẹ... Các loại người này nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, thành khẩn niệm Phật cầu nguyện vãng sanh Tây phương suốt đời không thôi chuyền, thì đến lúc lâm chung nhất định được Phật hộ niệm tiếp dẫn vãng sanh về thế giới Cực lạc.

Ngay cả những hạng người xưa nay chưa biết tín, nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây phương nhưng đến lúc lâm chung gặp được thiện hữu khai thị, khiến cho người đó phát lòng tin, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, những người thân quyến lại không ưu sầu khóc lóc gây ra trở ngại thay vào đó như pháp niệm Phật trợ niệm, người này nhất định sẽ được vãng sanh Tịnh độ. Nên biết, muốn được vãng sanh Tịnh độ tuy rằng phải tự thân làm chủ một niệm sau cùng nhưng cũng cần sự trợ niệm như pháp. Than ôi! khổ

nổi phương pháp trợ niệm lúc lâm chung này đối với người cư sĩ tại gia chưa được phổ biến rõ ràng.

Lúc gặp người lâm chung những người trong gia quyến thường thường không biết niệm Phật trợ niệm, để tiền đưa thần thức người chết đi trên con đường Thánh vãng sanh thế giới Tây phương Cực lạc, vĩnh viễn được hưởng sự an vui mà ngược lại bị ai khóc lóc làm cho thần thức người chết đọa lạc vào Địa ngục, hoặc đọa vào các đường ác Ngạ quỷ, Súc sanh ở mãi trong chốn đau khổ.

Nhân đây pháp sư Tây chấn vì lòng từ bi tha thiết thương xót người cư sĩ tại gia thế tục phần nhiều chưa nghiên cứu Phật học, không biết phương pháp trợ niệm khi có người lâm chung. Ngài có diệu dụng điểm sắt hóa thành vàng, cho nên ở trong các nơi tuyên truyền xiển dương những việc lợi hại lúc lâm chung cùng tổ chức các đoàn trợ niệm lâm chung, học tập phương pháp trợ niệm để gây nhân tịnh nghiệp cho người lúc lâm chung, trở thành đại sự nhân duyên vãng sanh Tịnh độ.

Lại nhân vì hai quyển “Lâm chung bờ bến” và “Rốt cùng của nhân sanh” văn nghĩa quá sâu xa không dễ học tập, vì thế cho nên pháp sư Tây chấn... đã ba lần khuyên tôi chọn lấy những lời căn bản dạy về lúc lâm chung của cô đức, dùng văn tự bạch thoại để soạn thuật lại ngõ hầu làm tư liệu cho người thời nay dễ dàng học tập.

Tôi khổ não vì ít học tuy nghiên cứu nhiều bản để soạn thuật cũng chỉ là miễn cưỡng, rất sợ văn nghĩa sai lệch làm thác loạn Phật pháp làm chúng sanh hiểu lầm, tuy có tâm lành ngược lại tạo thêm tội lỗi. Nhân đây, trước đem bản thảo trình lên các vị đại đức cao tăng nổi danh trong nước giám định rồi sau đó mới dám ấn hành. Nguyên xin khắp nơi đều là bạn hữu liên tri! Nếu có người nào đọc quyển sách này ngưỡng mong đừng chê văn từ nông cạn.

Ví như có thể nương theo thật nghĩa trong đây mà thực hành thì mọi người đều được vãng sanh, tức đều ra được khỏi Ta bà mãi mãi tạ từ khổ não sanh tử thấy đều tiến lên cảnh giới an dưỡng vĩnh viễn hưởng thụ niềm vui kỳ diệu của Niết bàn.

Phật lịch 2495 mùa thu ngày Phật hoan hỷ.

Tịnh xá Hương lâm nhất hạnh

Hậu học Thế liễu kính ghi.

Pháp Sư Diệu Chân giám định

Thích Thế liễu biên soạn

---o0o---

I. LUẬN VỀ NGƯỜI NIỆM PHẬT, LÂM CHUNG ĐƯỢC VÃNG SANH HAY KHÔNG ĐƯỢC VÃNG SANH?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại vườn Kỳ thọ cấp cô độc nước Xá vệ tuyên thuyết kinh A Di Đà. Ngài tán thán y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực lạc đồng thời khuyến khích chúng sanh phát nguyện cầu sanh về thế giới đó. Trong kinh dạy:

“Nhu Ta ngày nay tán thán sự lợi ích bất khả tư nghì công đức của Phật A Di Đà. Thế giới đông phương có đức Phật A Súc... thế giới nam phương có đức Phật Nhật Nguyệt Đăng... thế giới tây phương có đức Phật Vô Lượng Thọ... thế giới bắc phương có đức Phật Diệm Kiêm... thế giới hạ phương có đức Phật Sư Tử... thế giới thượng phương có đức Phật Phạm Âm... Các Ngài đồng hiện tướng lưỡi rộng dài, nói ra lời thành thật: Tất cả chúng sanh hãy nên tin theo kinh Xưng tán bất khả tư nghì công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm này”.

Vãng sanh thế giới Tây phương Cực lạc là một nhân duyên lớn hết thấy chư Phật trong sáu phương đồng thanh khen ngợi, phàm có bất kỳ chúng sanh nào khởi tín, phát nguyện, chuyên trì danh hiệu Phật cầu sanh thế giới Tây phương Cực lạc quyết định được vãng sanh, lý sự hiển nhiên chớ nên sanh tâm nghi ngờ.

Hỏi: Người phát tâm niệm Phật nếu nói hết thấy đều được vãng sanh Tây phương, thế sao tôi thấy có rất nhiều vị xuất gia cũng như tại gia, hàng ngày cũng siêng năng niệm Phật nhưng đến lúc lâm chung phần nhiều chết một cách mờ mịt chẳng được mấy người chắc thật vãng sanh. Vấn đề này như thế nào?

Đáp: Do vì thời điểm lâm chung của những người này nhân và duyên chưa được đầy đủ. Nếu lúc lâm chung nhân và duyên của họ đầy đủ quyết định

mười người vãng sanh cả mười, trăm người vãng sanh cả trăm, ngàn người vãng sanh cả ngàn.

Hỏi: Thế nào là nhân và duyên?

Đáp: Người niệm Phật thường ngày có lòng tin sâu, nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tây phương đến lúc lâm chung cũng giữ lòng tin sâu, nguyện thiết, tinh tấn niệm Phật như lúc bình thường, tâm niệm này chính là nhân tự lực. Nếu như vị đó thường ngày chưa có lòng tin sâu, nguyện thiết, tinh tấn niệm Phật cầu sanh Tây phương nhưng đến lúc lâm chung gặp được thiện tri thức khai thị khiến họ sanh khởi lòng tin sâu, nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tây phương. Tâm tin sâu, nguyện thiết, cầu sanh Tây phương đó cũng là nhân tự lực.

Đức A Di Đà Phật vị giáo chủ của thế giới Tây phương Cực lạc và vạn đức Hồng danh của Ngài, có năng lực tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Cực lạc đây là duyên tha lực.

Hỏi: Người niệm Phật đến lúc lâm chung nếu nhân duyên đầy đủ quyết định được vãng sanh đạo lý này như thế nào?.

Đáp: Người niệm Phật đến lúc lâm chung có lòng tin sâu, nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tây phương, Phật sở niệm là duyên tha lực tâm năng niệm là nhân tự lực. Ngay lúc tin sâu, nguyện thiết, niệm Phật này là dùng tâm năng niệm để niệm Phật sở niệm, Phật sở niệm là do tâm năng niệm mà hiển bày, tâm năng niệm nhờ Phật sở niệm mà thanh tịnh.

Thời điểm lâm chung là giai đoạn giữa tự lực và tha lực có sự cảm ứng lẫn nhau. Giữa nhân và duyên cùng hòa hợp, do vậy người niệm Phật quyết định được vãng sanh Tây phương đạo lý này là chắc thật.

Hỏi: Thế nào là nhân và duyên không đầy đủ khiến người niệm Phật lúc lâm chung không thể vãng sanh Cực lạc?

Đáp: Người niệm Phật lúc bình thường công phu tin nguyện niệm Phật chưa được thuần thực, đến lúc lâm chung tuy có tâm tin nguyện cầu sanh Tây phương (có nhân), nhưng vì bệnh nặng các sự phiền não khủng bố khiến tâm niệm Phật không thể phát khởi, lại chẳng có thiện tri thức an ủi khai thị cùng trợ duyên niệm Phật (không duyên), lại gặp cảnh bà con không biết Phật pháp thêm vào sự bi ai khóc lóc gây các món chướng ngại. Trong tâm

của người lâm chung lúc này vốn rất nhiều đau khổ muốn bà con không nên khóc lóc mà nên trợ duyên niệm Phật sớm được vãng sanh, nhưng họ không thể mở miệng ra nói được. Tâm người bệnh lúc này đã thống khổ lại càng thêm thống khổ.

Đến khi mạng chung người này đáng lẽ được vãng sanh Tây phương thế giới thanh tịnh trang nghiêm của Phật A Di Đà vĩnh viễn thọ hưởng khoái lạc cho đến ngày viên thành Phật đạo. Nhưng bị chính bà con gây chướng ngại để rồi không biết phải đọa lạc vào cảnh giới khổ đau nào. Đây là mối quan hệ có nhân không duyên không thể vãng sanh Tây phương Cực lạc được.

Lại có hạng người niệm Phật lúc bình thường tâm tín nguyện niệm Phật chưa được kiên cố, đến khi lâm chung gặp được sự trợ duyên rất tốt như được thiện tri thức trợ lực niệm Phật (có duyên), lại bà con không khóc lóc gây các sự chướng ngại. Ngặt nỗi, người niệm Phật này tâm vốn điên đảo tham luyến tình ái thế gian chí đến đả trước vợ con, tài sản... không chịu phát tâm niệm Phật cầu sanh Tây phương (không nhân). Đến khi lâm chung tâm niệm sau cùng người đó bèn chạy theo tình ái dục niệm đọa lạc vào cảnh giới sanh tử luân hồi. Đây là mối quan hệ không nhân có duyên không thể vãng sanh Tây phương.

Lại có hạng người niệm Phật lúc bình thường chỉ chuyên cầu nhà cửa an vui mạng sống dài lâu, đến khi lâm chung chỉ lo sợ chết. Người đó khi bệnh chưa nặng tuy cũng có niệm Phật nhưng chỉ mong cầu bệnh mau thuyên giảm không phát tâm cầu sanh Tây phương. Đến lúc bệnh nặng thống khổ phát hiện lúc đó không thể niệm Phật chỉ có kêu trời kêu đất gọi vợ gọi chồng.

Nếu lại gặp bà con không tin Tam bảo hoặc tuy có tin Tam bảo nhưng chưa hiểu rõ nghĩa lý kinh điển, lúc đó bà con không những không khai thị và trợ niệm (vô nhân) lại còn khóc lóc bi ai tạo ra các chướng ngại khiến cho người bệnh vô cùng thống khổ và phiền não. Ví như người té giếng lại bị đôi thêm đá nên sự thống khổ lại càng nhiều. Người đó tâm niệm mạng chung sau cùng sẽ tùy theo nghiệp nhân phiền não ác độc ra đi quyết đọa lạc trong tam đồ ác đạo, đây là mối quan hệ không nhân không duyên không thể vãng sanh Tây phương.

Trên đây là chúng tôi trình bày sơ lược ba hạng người niệm Phật lúc lâm chung, hoặc có nhân tự lực nhưng không duyên tha lực hoặc có duyên tha lực nhưng không nhân tự lực hoặc không đạt được nhân tự lực và duyên tha

lực. Ba trường hợp này đều không có sự cảm ứng nhân duyên không hòa hợp nên không thể vãng sanh.

Hỏi: Người niệm Phật lúc lâm chung thế nào nhân duyên đầy đủ được vãng sanh Tây phương?

Đáp: Nếu như hạng người đại căn cơ khi bình thường họ đã có lòng tin sâu, nguyện thiết, tinh tấn niệm Phật, người này tín nguyện đã chân thiết công phu niệm Phật đã thuần thực, đến khi lâm chung họ tự nhiên tín nguyện niệm Phật như lúc bình thường, trong tâm không có tư hào động tướng, tịnh tướng, khổ tướng, lạc tướng, thuận tướng, nghịch tướng mỗi mỗi tâm niệm đều an trú vào câu hồng danh “Nam mô A Di Đà Phật” (đây là Như lai quả hải thật tướng chánh định). Trong kinh A Di Đà dạy: “Một lòng không loạn liền được vãng sanh” là cảnh giới này (tâm niệm Phật là nhân tự lực năng cảm, Phật hiệu là duyên tha lực sở cảm) đây là mối quan hệ nhân và duyên đầy đủ.

Lại có hạng người căn tánh thuộc loại tâm thường tuy hàng ngày lòng tín sâu, nguyện thiết, công phu niệm Phật chưa được thuần thực nhưng đến lúc lâm chung tâm tín nguyện cầu sanh so với thường ngày lại càng chí thành tha thiết. Không luận bệnh khổ như thế nào phiền não phát hiện ra sao, tâm tín nguyện cầu sanh Tây phương của họ trước sau như một. Giai đoạn này câu Phật hiệu rất khó đề khởi bà con thiện hữu đều là những người có hiểu biết Phật pháp biết rõ các sự lợi hại lúc lâm chung nên không bi ai khóc lóc, lại thêm có thiện tri thức khai thị trợ duyên niệm Phật. Tâm người bệnh lúc này mỗi niệm mỗi niệm đều an trú vào hồng danh A Di Đà Phật đến lúc mạng chung tâm niệm niệm Phật sau cùng (nhân tự lực) duyên theo Phật sở niệm (duyên tha lực) mà vãng sanh đây là mối quan hệ nhân duyên đầy đủ.

Lại có hạng người lúc bình thường không có lòng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây phương nhưng khi lâm chung gặp được thiện tri thức khai thị, hoặc nói các việc trang nghiêm của thế giới Cực lạc khiến người bệnh tâm sanh hoan hỷ ưa thích cầu sanh. Lại nói bốn mươi tám đại nguyện tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh của đức Phật A Di Đà khiến người bệnh tâm sanh chánh tín phát lòng niệm Phật cầu sanh Tây phương. Lúc đó người bệnh nghe được lời khai thị của thiện tri thức tâm sanh hoan hỷ tín thọ niệm Phật quyết tâm cầu nguyện vãng sanh. Các người bà con đều tuân theo sự chỉ đạo của thiện tri thức không gây chướng ngại bi ai khóc lóc. Người đó lúc mạng chung niệm niệm đều niệm Phật tâm trạng như trẻ thơ nhớ mẹ hiền vô cùng khẩn thiết.

Người này mạng chung, nương từ lực của Phật vãng sanh đây là mối quan hệ nhân duyên đầy đủ.

Trên đây, là chúng tôi trình bày sơ lược ba hạng người niệm Phật lúc lâm chung có đầy đủ nhân tự lực và duyên tha lực đạt được sự cảm ứng nhân duyên hòa hợp quyết định vãng sanh Tây phương.

Hỏi: Người khi bình thường không biết tín, nguyện, niệm Phật, đến lúc lâm chung gặp được thiện tri thức khai thị nghe rồi sanh tâm hoan hỷ cầu sanh Tây phương, thêm nữa bà con không gây chướng ngại mà còn trợ duyên niệm Phật, người này mạng chung cũng được vãng sanh, sự tình này sao lại dễ dàng như thế?

Đáp: Trong sáu hạng người tôi đã trình bày đề biện luận người niệm Phật cầu sanh Tây phương, sự tình dễ dàng hay không dễ dàng tôi đã nói rõ ràng thế mà ông vẫn còn hoài nghi sao?

Ông nên nhớ hạng người khi bình thường chưa có lòng tín, nguyện, niệm Phật cầu sanh đây là bởi duyên không biết. Đến khi lâm chung nhờ thiện tri thức khai thị người này nghe rồi sanh tâm hoan hỷ đó chính là biểu hiện người này đời trước đã gieo trồng căn lành. Người như thế đem so với hạng người phổ thông bình thường thì cách xa lắm vậy. Lâm chung tâm tín nguyện niệm Phật cầu sanh là nhân thắng thiện tri thức khai thị cùng bà con trợ duyên niệm Phật là duyên cường, lại có sức từ bi tiếp dẫn của Phật A Di Đà, đây là nhân duyên hòa hợp người đó mạng chung nhất định sẽ được vãng sanh làm sao còn sự nghi ngờ?

Hỏi: Chúng tôi rất muốn trợ duyên niệm Phật cho người bà con lúc lâm chung khiến họ mau được vãng sanh. Giả sử lúc có người bà con sắp mạng chung thiện hữu mời chưa kịp đến, chúng tôi là người tại gia đối với đạo lý Phật pháp hiểu chưa thấu đáo, tuy rất cần khai thị nhưng phương thức khai thị mình không biết phương pháp trợ niệm mình lại không hiểu. Nay Ngài có biết kinh sách nào chỉ bày phương pháp trợ niệm văn tự rõ ràng dễ đọc dễ hiểu để chúng tôi thỉnh về nghiên cứu như thế há không tốt hơn hay sao?

Đáp: Các vị nếu đã có tâm chân thật muốn thực hành đạo lớn hiếu thuận, thân ái, từ ái muốn những người bà con của mình vĩnh viễn thoát ly sanh tử luân hồi, vãng sanh đến Tây phương Phật quốc trang nghiêm thanh tịnh hưởng thọ đầy đủ mọi khoái lạc cho đến ngày thành Phật rộng độ các loài chúng sanh. Để đạt ước nguyện như thế các vị chỉ cần y theo ý nghĩa các tiết

trong quyển sách này mà thiết thật chấp hành, thì người bà con của các vị lúc lâm chung nhất định sẽ được vãng sanh thế giới Cực lạc.

---o0o---

II. NGƯỜI BÀ CON CẦN CHÚ Ý NHỮNG ĐIỂM SAU

1. Cha mẹ là người có công ân sanh thành dưỡng dục chúng ta phận làm con cần phải hiếu thuận, đối với anh chị em, vợ chồng chúng ta cần phải thân ái, đối với con cháu, dâu rể chúng ta cần nên từ ái. Thế nào là hiếu thuận, là thân ái, là từ ái? Thế nào là không hiếu thuận, không thân ái, không từ ái?

Đối với các đạo lý này các vị cần triệt để thấu triệt. Nếu chúng ta làm qua loa nhất định sẽ khiến cho tâm hiếu thuận, thân ái, từ ái trở thành sự tình đại ngộ nghịch, đại tàn hại. Quý vị mỗi người muốn tránh khỏi sự tình nguy hiểm này thì đối với chỗ tôi sắp giảng dưới đây cần để tâm nghiên cứu.

2. Con người đến khi lâm chung là giai đoạn tối hậu của một đời người, chúng ta người bà con nên hết mình trong khoảng thời gian chốc lát này. Đối với người hấp hối chúng ta nên chân thành biểu hiện tâm hiếu thuận, thân ái, từ ái, giờ giờ phút phút nên quan tâm thăm hỏi. Bất luận sự tình như thế nào chúng ta mỗi mỗi đều nên tùy thuận theo ý muốn của người bệnh không nên làm cho tâm họ phiền não.

3. Thời điểm người bệnh sắp mạng chung nhất định nên thỉnh các vị niệm Phật đến trợ niệm. Các vị trợ niệm khi đã đến nhà rồi bà con nên nghe theo lời chỉ dạy của họ một chút cũng không trái ý. Cần hiểu các vị niệm Phật trợ niệm lúc này là người chịu trách nhiệm cứu độ thần thức của người bà con chúng ta để được vãng sanh Cực lạc. Vì thế, toàn gia quyến thuộc mỗi người đều nên nhớ tưởng ân đức hết lòng tiếp đãi các vị đó. Giả sử các vị trợ niệm do bận nơi khác hoặc chưa đến kịp, lúc này các người bà con nên như pháp đứng ra trợ duyên niệm Phật cho người bệnh công đức cũng đều giống nhau.

Có điều chúng ta cần tuân thủ theo phương pháp trợ niệm để tiến hành không nên đem phương pháp trợ niệm để cải biên, như thế mới có thể làm cho người bệnh được vãng sanh. Đồng thời cả nhà đều nên phát nguyện ăn chay tuyệt đối không được sát sanh phải vì người bệnh mà tu phước. Đến lúc bệnh quá nặng là thời điểm rất cần người trợ niệm. Vào thời điểm này chúng ta phải một lòng niệm Phật trợ giúp họ vãng sanh Tây phương. Chớ không nên một mặt khóc lóc bi ai một mặt kêu gọi lương y... điều này chỉ làm cho

người bệnh tăng thêm sự thống khổ trở ngại việc vãng sanh đây là trên nỗi khổ chồng thêm nỗi khổ. Mong các vị bà con hiểu rõ điều này để không làm hại người thân của mình.

4. Con người đến lúc lâm chung là thời điểm phân phàm rõ Thánh là thời điểm phân chia cảnh giới Tây phương Thánh đạo cùng cảnh giới lành thiên, nhân, A tu la và cảnh giới ác Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Các vị bà con lúc này trợ niệm bệnh nhân niệm Phật đó chính là trợ giúp bệnh nhân vãng sanh Tây phương thánh đạo hưởng thọ vô lượng sự an lạc. Giả sử đối với bệnh nhân mà bị ai khóc lóc đó chính là đẩy thần thức bệnh nhân đọa vào trong ba cảnh khổ Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh chịu vô lượng sự thống khổ. Nên biết, người bà con đối với bệnh nhân lúc này là lúc thể hiện tình nghĩa rõ ràng là hiếu thuận hay không hiếu thuận là thân ái hay không thân ái là từ ái hay không từ ái.

5. Chúng ta cần tin tưởng vào những lời Phật dạy trong kinh điển, như kinh dạy người nào đọa lạc vào ba cảnh Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thì phải chịu vô lượng sự thống khổ ngôn ngữ văn tự không thể diễn tả hết được thời gian thọ khổ cũng vô cùng vô tận. Nói sự thống khổ ở cảnh giới Địa ngục, chúng sanh ở cõi này một ngày một đêm phải trải qua vạn lần chết đi sống lại. Nỗi khổ của cảnh giới Ngạ quỷ, chúng sanh ở cõi này trong trăm ngàn vạn kiếp danh từ cơm nước còn chưa từng nghe hưởng gì là được ăn uống. Nỗi thống khổ của cảnh giới Súc sanh, chúng sanh trong cõi này phải chịu cảnh nước sôi lửa bỏng bị nhai nuốt vào trong bụng người. Nếu như chúng ta đọa lạc vào một trong ba cảnh khổ này thời gian tối thiểu cũng năm ngàn đại kiếp. Một đại kiếp thời gian bằng mười ba ức bốn ngàn ba trăm tám mươi bốn vạn năm ở cõi người. Nếu đã trải qua thời gian năm đại kiếp sau khi thọ khổ xong mới được xuất ly thời gian như thế là ngắn hay sao?

Nếu được vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc hàng ngày được nghe đức Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp; cùng Bồ tát Quan âm, Thế chí làm bạn lành. Mắt thấy các cảnh đều là cảnh diệu sắc trang nghiêm tai nghe các tiếng đều là tiếng tốt vi diệu... sự hưởng thọ mọi khoái lạc như thế ngôn ngữ văn tự không thể diễn bày. Mỗi khi đã vãng sanh đầy đủ thần thông đạo lực rồi nương bi nguyện trở lại Ta bà hóa độ bà con cần đến là đến cần đi là đi đến đi đều tự tại. Đồng thời chỉ trong một đời mà có thể thành Phật.

Do vậy chúng ta cần hiểu rõ ý nghĩa này, bởi cảnh giới Tây phương sự khoái lạc như thế vô cùng vô tận. Ai là người không chịu phát tâm niệm Phật trợ niệm cho người bà con của mình mau được vãng sanh Tây phương hưởng

thọ vô lượng khoái lạc? Ở cảnh giới Địa ngục, Nga quý, Súc sanh, sự thống khổ như thế vô cùng vô tận. Ai là người đang tâm ác độc đối với người bà con của mình bi ai khóc lóc chính là đẩy họ vào trong cảnh giới Địa ngục. Nga quý, Súc sanh để thọ các khổ báo hay sao? Chúng ta mỗi người đều phải hiểu rõ: Phàm con người lúc lâm chung hoặc vãng sanh Tây phương hoặc đọa lạc vào tam đồ ác đạo trách nhiệm này phần lớn là do người bà con tạo ra.

6. Nếu người bệnh lúc bình thường có tâm tín sâu, nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tây phương lúc này chúng ta là người bà con nên đối trước người bệnh giảng giải: “Chúng ta làm người nhưng không thể làm người dài lâu. Phật dạy có sáu cảnh giới luân hồi sanh tử trong đó ba cảnh Địa ngục, Nga quý, Súc sanh là ba cảnh khổ lại rất dễ đọa lạc. Nhưng ở cảnh giới Tây phương do đức Phật A Di Đà làm giáo chủ có vô lượng sự an vui. Trong cảnh giới Tây phương chẳng có nỗi khổ Tam đồ cũng chẳng có sáu cảnh luân hồi sanh tử.

Dân chúng cảnh giới Tây phương là do liên hoa hóa sanh ngồi trên tòa sen rất mềm mại, hương thơm tinh khiết cánh hoa to lớn rất đẹp và rực ánh sáng. Dân chúng cảnh Tây phương chỗ ở đều là lầu đài bằng trân bảo cung điện cao lớn rộng rãi. Dân chúng cảnh Tây phương nghĩ tưởng thức ăn thì có các món sơn hào hải vị hiện ra, cần áo mặc thì có các y phục thượng hạng lại hiện đến. Dân chúng cảnh Tây phương chỗ thọ hưởng khoái lạc ngôn ngữ văn tự không bao giờ diễn bày hết. Nay ông phát tâm trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà tâm nguyện tha thiết cầu sanh Tây phương, đến lúc lâm chung Phật A Di Đà tay bưng đài sen to lớn hiện thân trước mặt ông để nghinh đón ông vãng sanh Tây phương. Mỗi khi đã được vãng sanh lúc đó sự thọ hưởng khoái lạc không cùng tận. Ông nên phát tâm niệm Phật quyết định được vãng sanh Tây phương”.

Là người bà con chúng ta mỗi ngày nên đối trước bệnh nhân nói ba lần như thế. Cách thức nói không được quá nhanh nên nói một cách từ tốn rõ ràng. Cần biết tâm lý người bệnh lúc này họ rất dễ khởi phiền não và cũng rất sợ cảnh phiền não. Còn như người bệnh đã phát khởi tín tâm dốc lòng niệm Phật rồi chúng ta không cần tiếp tục khuyên đạo khai thị nữa. Từ đó về sau chỉ khuyên họ nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh là đủ.

7. Người bệnh nếu còn các việc nhà hoặc các việc quan trọng mà ngày thường chưa kịp nói, người bà con nhân lúc người bệnh bệnh tình chưa nặng còn nói được nên hỏi họ rõ ràng. Nếu như người bệnh tâm thức đã hôn mê

không thể nói được, lúc này người bà con không nên đối trước người bệnh nói các việc thế sự tránh làm loạn chánh niệm của người bệnh (chánh niệm chính là niệm Phật) . Nếu khi tâm thức người bệnh còn sáng suốt người bà con nên đối trước bệnh nhân nói lời sau: “Tất cả mọi công việc gia đình chúng tôi sẽ thay ông đảm đương tất cả mọi chuyện gia đình ông không nên để tâm lo lắng. Giờ đây ông chỉ nên một lòng niệm Phật A Di Đà để cầu nguyện vãng sanh mà thôi”.

Nói lời khai thị đó chỉ nói một lần từ đó về sau chỉ khuyến khích người bệnh một lòng niệm Phật cầu nguyện vãng sanh. Đồng thời người trợ niệm dùng ngón tay của mình chỉ rõ hướng tây đối người bệnh lại nói: “Cảnh giới Tây phương hiện đang ở trước mặt ông, ông nên một lòng niệm Phật trong tâm ông nên nghĩ tưởng mình đã vãng sanh Tây phương”. Làm người bà con mỗi ngày đối trước người bệnh khuyên răn vài ba lần như thế. Giả sử tâm thức người bệnh đã đến lúc hôn muội bây giờ không cần nói lời khuyến khích nữa mà chỉ nên chuyên tâm niệm Phật lớn tiếng mà thôi.

8. Nếu có các vị thân thích bạn bè đến thăm hỏi người bệnh, chúng ta nên mời các vị đó sang phòng bên để tiếp đãi đồng thời nói với khách rằng: “Cuộc đời con người giai đoạn lâm chung là giai đoạn quan trọng nhất. Do đó các vị đến trợ duyên người bệnh niệm Phật trong giai đoạn này có sự lợi ích rất lớn. Còn đối trước người bệnh khóc lóc bi ai thì sự chướng ngại vô cùng”. Chúng ta nói với khách câu này một mặt là tránh được tâm nghi ngờ của khách, một mặt là tránh được cảnh người khách đứng trước bệnh nhân bi ai sầu não gây chướng ngại cho người bệnh. Lại khuyến khích người khách phát tâm trợ giúp người bệnh niệm Phật, nếu khách làm được như thế mới thật sự là người có tâm từ bi đối với người bệnh.

9. Nếu như người bệnh nghiệp chướng phát hiện hoặc không hoan hỷ với người vì mình niệm Phật, nghe thấy người bà con niệm Phật tâm lại sanh mệt mỏi, hoặc thấy các oan hồn hiện ra để đòi mạng sống... Các việc như thế xảy ra vốn là do nghiệp chướng của người bệnh phát hiện chướng ngại cho việc vãng sanh. Lúc đó chúng ta nên vì họ đối trước Tam bảo chí thành khẩn thiết niệm Phật sám hối khiến nghiệp chướng của họ tiêu trừ sớm được vãng sanh Cực lạc.

Như năm ngoái có một vị cư sĩ, thân mẫu của vị này bệnh nặng sắp chết, vị cư sĩ bèn mời những người trợ niệm đến nhà vì thân mẫu mà niệm Phật. Thân mẫu của vị đó nghe mọi người niệm Phật trong tâm càng phiền muộn bảo các vị trợ niệm đừng niệm Phật nữa. Do vị cư sĩ này là đệ tử của tôi biết

rõ trường hợp mẹ mình là do nghiệp chướng phát hiện bèn thay mẹ đối trước Tam bảo tụng kinh Địa tạng, vị cư sĩ này cũng rất chí thành khẩn thiết vì mẹ sám hối. Sau đó, cư sĩ lại cùng các vị trợ niệm vì mẹ mà niệm Phật thân mẫu của cư sĩ trở lại sanh tâm hoan hỷ kết quả được vãng sanh Tây phương.

Trên đây là nói việc tụng kinh Địa tạng có thể tiêu trừ được nghiệp chướng, giả sử không tụng được kinh Địa tạng thì niệm danh hiệu Địa tạng Bồ tát vẫn có thể được. Lại có một vị cư sĩ nợ thân phụ của vị này bệnh nặng sắp chết thấy một cô gái dắt một con chó đến đòi mạng. Vị cư sĩ bèn thay cha niệm Phật sám hối giây lát không thấy cô gái và con chó nữa. Sau đó thân phụ của cư sĩ thấy hai vị Tăng đối trước nói rằng “Đòi trước ông đã từng gây chướng ngại vãng sanh cho chúng tôi nay chúng tôi cũng sẽ gây chướng ngại vãng sanh của ông”. Vị cư sĩ lại một lần nữa vì cha niệm Phật sám hối đồng thời khẩn vái: “Hãy để cho cha tôi vãng sanh sau này tôi sẽ đến trợ niệm cho hai vị vãng sanh Tây phương để tạ lỗi gây chướng ngại vãng sanh của hai vị trong quá khứ”. Nhân đây không thấy hai vị Tăng này đến nữa.

Sau cùng thân phụ cư sĩ lại thấy một vị lão Tăng đối trước người bệnh nói: “Oán nghiệp của ông nay đã tiêu trừ qua khỏi tam thất thì có thể vãng sanh, sen vị của ông là đệ ngũ cấp”. Đồng thời vị lão tăng lại nói: “Sở dĩ tam thất vãng sanh là do con ông biết đạo”. Các vị đừng hiểu tam thất là ba tuần trợ niệm nhiều ngày như thế sẽ mệt mỏi, các vị hiểu như thế là không đúng. Nguyên là chỉ qua khỏi hai mươi một giờ vị này sẽ vãng sanh, đệ ngũ cấp chính là Trung phẩm trung sanh. Nương đây để biết làm người bà con vì người bệnh niệm Phật sám hối, hoặc tụng kinh Địa tạng hay niệm danh hiệu Bồ tát Địa tạng đối với người bệnh có sự lợi ích rất lớn.

10. Người bệnh đến lúc sắp tắt hơi thở người trợ niệm nếu là nhiều thì nên cùng với người bà con hướng về bàn Phật, hoặc quỳ niệm hoặc lễ niệm chí thành khẩn thiết mong cầu Phật từ bi tiếp dẫn thân thức người chết mau được vãng sanh Tây phương. Còn bằng người trợ niệm ít thì cùng với người bà con đến gần người bệnh trợ lực niệm Phật. Có điều người bà con không nên đứng đối diện để người bệnh thấy. Chúng ta nên nhớ thời điểm người sắp tắt hơi thở, nếu thấy bà con tất khó tránh việc sanh tâm bi ai triu mến làm chướng ngại chánh niệm. Người bà con có thể ngồi bên trái bên phải hoặc ngồi sau lưng người bệnh.

Về âm điệu tiếng niệm Phật chớ bi ai tương tự như khóc lóc, nếu âm điệu niệm Phật bi sầu như thế người bệnh nghe nhất định sẽ sanh tâm sầu khổ bi luyến. Nếu người bệnh có tâm niệm sâu khổ sẽ mất chánh niệm cảnh giới

Tây phương không do đâu mà hiển bày. Vì thế lúc này chúng ta cần phải đặc biệt cẩn thận đặc biệt chú ý tuyệt đối cấm bi ai sầu khổ chỉ nên lớn tiếng niệm Phật, mỗi câu mỗi câu Phật hiệu phân minh mỗi chữ mỗi chữ rõ ràng. Lúc đang niệm Phật người trợ niệm nên quán tưởng đức Phật A Di Đà phóng hào quang cứu độ gia hộ người chết thân tâm an lạc chánh niệm phân minh sớm được vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc.

11. Người chết sau khi đã chấm dứt hơi thở trước lúc thân thể chưa lạnh hẳn ở giai đoạn trung gian này, chúng ta là người bà con càng đặc biệt chú ý không để cho mèo chuột... đụng đến. Nên biết người chết tuy hơi thở đã chấm dứt nhưng cơ thể vẫn còn hơi nóng, nếu có vật nào xúc chạm vào cơ thể người chết sẽ rất thống khổ. Có đôi người nghĩ muốn thăm dò thân thể người chết xem hơi nóng đang còn ở chỗ nào để xác định cảnh giới tái sanh. Việc này đối với người chết hoàn toàn có hại không một chút lợi ích gì.

Nếu sau mười giờ đồng hồ như muốn thăm dò thân thể người chết đã lạnh hẳn hay chưa cũng nên mời một vị có công đức tu hành tương đương dùng tay nhẹ nhàng thăm dò. Ở thời gian này người bà con nên thấy đều nên nghe theo lời chỉ giáo của các vị trợ niệm để tránh sự tác hại cho người chết. Nếu không có các vị trợ niệm chúng ta nên y theo phương thức trợ niệm để thực hành. Đến như các vị trợ niệm cũng cần nghe theo lời chỉ giáo của vị lãnh đạo không được tự tiện thăm dò hơi nóng thân thể người chết.

Chúng ta nhất nhất không nên nghe theo những lời nói mê tín vô căn cứ của một số người thế tục, bọn họ nói: “Người mới chết nhân lúc thân thể còn ấm xương thịt mềm mại, thời điểm này mà tắm rửa mặc quần áo là rất tốt”. Lại nói: “Người chết rồi nên dời sang chỗ khác kéo không sẽ bị thần giường quả trách”. Lại nói: “Con cháu cần phải khóc lóc nếu không hung tin sẽ không đi hết”. Những lời nói mê tín như thế truyền tụng đến ngày nay khiến chúng ta làm tổn hại cho người chết vô lượng vô biên oan uổng thọ đại khổ não đọa lạc trong cảnh ba ác đạo Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Xưa vua A kỳ đạt bình sanh tin tưởng Tam bảo kiến tạo chùa tháp công đức vô lượng, đến khi mạng chung đang lúc sắp dứt hơi thở, người thị vệ đứng hầu quạt trong tay rơi vào mặt nhà vua, lúc đó vua vô cùng thống khổ nổi tâm sân hận đầu thai làm thân rắn. Nhân nhờ vua Kỳ đạt bình sanh có công đức kính trọng Phật pháp kiến tạo chùa tháp nên sau gặp được vị Tăng đối trước rắn thuyết pháp. Rắn nhờ duyên nghe lại công đức Phật pháp của mình ba ngày sau chết thân thức sanh lên cõi trời.

Lại xưa có hai vợ chồng rất đỗi thương yêu lẫn nhau, bình sanh đồng tin Tam bảo phụng trì trai giới. Ngày nọ người chồng bệnh chết người vợ vô cùng bi ai khóc lóc. Thân thể người chồng tuy đã chết nhưng thần thức vẫn chưa rời, nghe âm thanh bi ai của người vợ tâm sanh khởi ý niệm triu mến, nhân đây thần thức đi theo ý niệm triu mến đăm nhiệm này lạc vào trong cơ thể người vợ làm con sâu bò trong mũi. Vì chồng chết người vợ khóc lóc bi thảm nước mắt nước mũi giàn dụa, bấy giờ trong mũi rơi ra một con trùng người vợ xấu hổ định dùng chân đạp nát may có một vị Tăng khuyên can: “Chớ đạp nát thân chồng chị”. Người vợ hỏi duyên cớ, vị Tăng đáp: “Chồng chị lúc còn sống giữ gìn trai giới đáng lẽ được sanh thiên nhưng vì chị khóc lóc bi thảm quá khiến nội tâm khởi dậy lòng thương yêu thần thức theo tâm niệm thương yêu đó mà nhập vào người chị làm con sâu trong lỗ mũi”. Người vợ nghe rồi lấy làm hối hận cầu xin vị Tăng thuyết pháp cho trùng. Con trùng nhờ nghe pháp mà thoát được thân trùng thần thức tái sanh lên cõi trời.

Hai câu chuyện trên đều từ trong kinh nói ra là có nguồn gốc còn những sách vở của thế tục hư truyền mê tín là chẳng có căn cứ, chúng ta cần biết rõ một số loại sách mê tín để tránh gây cho vong nhân sau này gặp phải cảnh oan uổng thọ đại khổ não, đọa lạc trong cảnh ác đạo Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Vì vậy sau khi người chết châm dứt hơi thở trước khi toàn thân chưa lạnh hẳn chúng ta là người bà con, nhất định châm dứt việc khóc lóc khổ não và xúc chạm thân thể người chết để tránh tai họa người chết không được vãng sanh.

Tóm lại, người bà con phải nên nghe theo lời chỉ giáo của các vị trợ niệm, nếu như không có các vị trợ niệm người bà con nên cẩn thận thăm dò thân thể người chết, đợi khi toàn thân lạnh hẳn mới tiến hành thủ tục tắm rửa thay quần áo.

---o0o---

III. HỎI ĐÁP VẤN ĐỀ TRỢ NIỆM

Hỏi: Hai chữ trợ niệm có ý nghĩa gì ?

Đáp: Trợ là trợ giúp niệm là chánh niệm. Trợ niệm có nghĩa là trợ giúp cho người lâm chung có chánh niệm hiện tiền.

Hỏi: Thế nào là chánh niệm?

Đáp: Chánh niệm còn gọi là tịnh niệm. Chánh niệm hay tịnh niệm đều là tâm niệm niệm Phật. Nhân vì tâm niệm Phật không cùng sáu trần duyên hợp, vì tâm này duyên thanh tịnh do đó gọi là tịnh niệm. Tịnh niệm chính là chánh nhân tịnh nghiệp để vắng sanh Tây phương. Ý nghĩa tịnh niệm và chánh niệm đại để tương đồng.

Hỏi: Vì sao khi lâm chung phải nhờ sự trợ niệm của người khác?

Đáp: Con người đến lúc lâm chung là thời điểm tứ đại phân ly, các nỗi khổ chồng chất tay chân quờ quạng; thí như con cua rơi vào nước sôi thống khổ như thế nào thì người khi lâm chung cũng có sự thống khổ như thế.

Người bình thường công phu niệm Phật nếu chưa thuần thục đến khi lâm chung ai mà không cần người khác trợ niệm? Bình thường công phu niệm Phật có sáu bảy phần nhưng đến khi lâm chung cũng khó có tác dụng được hai ba phần. Huống gì hạng người hoàn toàn chưa có công phu niệm Phật đến lúc lâm chung làm sao lại không cần người khác trợ niệm? Nên biết con người vào thời điểm này tự thân họ một chút cũng đã khó làm chủ được hoàn toàn là nương theo người khác trợ giúp họ làm chủ trong giai đoạn hoang mang này.

Hỏi: Người bệnh đã chết rồi mà vẫn trợ duyên họ niệm Phật làm sao có tác dụng?

Đáp: Người bệnh vừa mới chấm dứt hơi thở tuy đã chết rồi nhưng thần thức vẫn chưa lìa thể xác, đời sau họ tái sanh vào cảnh giới lành hay dữ vẫn chưa quyết định, thời điểm này chúng ta trợ giúp họ niệm Phật có tác dụng rất thù thắng. Nên biết con người lúc lâm chung là thời điểm phân phàm rã Thánh. Chúng ta luân hồi từ vô thủy đến nay đã tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ là vô lượng vô biên, trong tâm niệm niệm thiện ác phát hiện nối tiếp không bao giờ gián đoạn. Tâm thức con người phần nhiều đều niệm ác còn niệm lành thì rất ít.

Con người đến lúc lâm chung một niệm sau cùng nếu là niệm ác thì trong tâm ác này sẽ hiển hiện ra cảnh giới Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Khi mạng chung với tâm niệm như thế thần thức sẽ duyên theo cảnh ác đọa vào ba ác đạo. Nếu niệm sau cùng là niệm thiện thì trong tâm thiện này sẽ hiển hiện ra cảnh giới trời, người. Khi mạng chung với tâm niệm như thế thần thức sẽ duyên theo cảnh lành sanh vào cảnh giới lành. Còn bằng niệm sau cùng là

niệm Phật trong tâm niệm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh sẽ hiển hiện cảnh giới Tây phương Cực lạc và đức Phật A Di Đà cùng chúng Hiền Thánh hiện thân trước mặt đưa tay tiếp dẫn. Khi mạng chung với tâm niệm như thế thần thức sẽ duyên theo hồng danh Phật A Di Đà mà vãng sanh thế giới Tây phương Cực lạc.

Nên biết con người lúc mạng chung vấn đề trợ niệm chính là làm cho một tâm niệm sau cùng của họ là niệm Phật. Một niệm sau cùng của họ nếu niệm Phật Phật A Di Đà ở trong tâm niệm Phật của người sắp chết sẽ hiện thân tiếp dẫn. Người chết đó chính là ở trong tâm niệm Phật của họ nương theo Phật mà vãng sanh. Mỗi khi sanh về Tây phương thì việc sanh tử luân hồi của thế giới Ta bà này hoàn toàn đoạn trừ, thọ hưởng mọi khoái lạc của thế giới Tây phương lâu dài vô tận. Vì thế việc trợ giúp người sắp chết niệm Phật có sự lợi ích to lớn vô cùng thù thắng như thế.!

---o0o---

IV. THUYẾT LÂM CHUNG MỘT NIỆM VÃNG SANH

Hỏi: Thế giới Cực lạc cách thế giới Ta bà này mười vạn ức cõi Phật, người niệm Phật lâm chung chỉ có một niệm làm sao có thể vãng sanh được?

Đáp : Sở dĩ người niệm Phật lâm chung chỉ một niệm được vãng sanh, một mặt là nương nhờ Phật lực đó chính là bốn mươi tám đại nguyện đại từ đại bi của Phật A Di Đà tiếp độ hết thảy chúng sanh nào tín, nguyện, niệm Phật. Phật lực trợ duyên chúng sanh vãng sanh là bất khả tư nghì. Một mặt là nhờ tâm lực đó là tâm niệm hiện tiền của mỗi chúng ta. Tâm niệm hiện tiền có ba nghĩa.

1. Tâm thể: Là bản thể của một niệm này cùng với chư Phật tương đồng chẳng có hào ly sai biệt. Chẳng qua tâm chư Phật là thường ngộ không mê bội trần hiệp giác, tâm thanh tịnh đó có đầy đủ vô lượng vô biên công đức trí tuệ. Tâm chúng ta thường mê không ngộ bội giác hiệp trần, tâm uế nhiễm này có vô lượng vô biên hoặc nghiệp phiền não. Giả sử mỗi người chúng ta đều phát tâm niệm Phật A Di Đà chính lúc đang niệm Phật ngay đó là phản mê quy ngộ bội trần hiệp giác thì vô lượng hoặc nghiệp phiền não sẽ hoàn toàn thanh tịnh vô lượng công đức trí tuệ sẽ hiển bày.

Tâm niệm Phật như thế đương thể đồng một dạng như tâm chư Phật. Do đó cổ đức nói: “Mỗi niệm tương ứng với mỗi niệm Phật, niệm niệm tương ứng

với niệm niệm Phật”. Đây là Thánh nhân cùng phàm phu cùng một tâm thể chư Phật cùng với chúng sanh đồng một nguồn tâm. Niệm Phật quyết định sẽ thành Phật ví như nấu gạo quyết sẽ thành cơm vấn đề này là tất yếu.

2. Tâm lượng: Tâm lượng một niệm này là rộng lớn vô biên. Kinh dạy: “Tâm bao trùm thái hư, lượng đồng với sa giới”. Đây chính là nói tâm lượng của chúng sanh rộng lớn vô lượng vô biên. Sự rộng lớn của tâm như thế nào?

Trong kinh nói: “Trong mỗi thái hư có bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới chúng. Trung ương có thế giới chúng tên là Phổ chiếu thập phương xí nhiên bảo quang minh, thế giới chúng này có hai mươi tầng thế giới, thế giới Ta bà chúng ta hiện nay ở cùng thế giới Cực lạc ngoài mười vạn ức Phật độ đồng ở tầng thứ mười ba của thế giới chúng Phổ chiếu thập phương xí nhiên bảo quang minh này”. Chỉ trong một thế giới chúng mà đã có sự rộng lớn như thế huống gì là Phật sát vi trần số thế giới chúng ư?

Số thế giới chúng Phật là vô lượng vô biên thì có thể thấy tâm lượng một niệm của mỗi chúng ta, vốn thật rộng lớn vô lượng. Vì vậy nói tâm bao trùm thái hư lượng đồng với hằng sa giới. Nếu ông có thể rõ tâm lượng một niệm của bản thân mình, thì đối với người niệm Phật lâm chung một niệm vãng sanh thế giới Cực lạc tự nhiên sẽ không còn sanh tâm nghi ngờ gì nữa.

3. Tâm cụ: Một niệm này vốn đầy đủ mười pháp giới là Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, Thiên, Nhân, A tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục. Mười pháp giới này lại là cảnh do một niệm tạo thành. Một niệm của chúng ta nếu tạo mười nghiệp ác đó chính là tạo ra ba cảnh ác Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Một niệm của chúng ta nếu niệm Phật A Di Đà đó chính là tạo ra cảnh giới Tịnh độ của chư Phật.

Trong kinh nói: “Tâm này là Phật tâm này làm Phật. Tâm này là chúng sanh tâm này làm chúng sanh”. Vì vậy, một niệm của mỗi chúng ta nếu là niệm Phật đó chính là làm Phật. Tâm niệm niệm Phật này đương thể chính là Phật. Nên biết mỗi người chúng ta đều có tâm thể này xưa nay vốn đầy đủ công đức trí tuệ, một niệm nếu là niệm Phật đó chính là Phật. Đây là đạo lý tâm cụ.

Về đạo lý tâm tạo, giả sử mỗi cá nhân chúng ta ai cũng đều hiểu rõ ý nghĩa này, như thế đối với lý niệm Phật sẽ thành Phật tự nhiên không còn sanh tâm nghi ngờ. Tâm thể, tâm lượng, tâm cụ trên đây tuy nói ba kỳ thật chỉ là một

không thể phân ly. Một niệm của mỗi chúng ta có diệu dụng vô cùng như thế vì vậy nói tâm lực là bất khả tư nghì.

Mặt khác nữa là nhờ pháp lực, pháp lực chính là tín, nguyện, hạnh cảm ứng đạo giao bất khả tư nghì. Người nào tín sâu, nguyện thiết, chí thành niệm hồng danh A Di Đà Phật thì Phật lực, pháp lực và tâm lực ba lực bất khả tư nghì này đều dung nhiếp vào trong một câu hồng danh A Di Đà Phật. Nhân có ba lực dung nhiếp vào trong một niệm vì thế lâm chung một niệm liền được vãng sanh. Cổ nhân nói : “Nhiếp ba lực vào trong một lực, thâm thành công vào trong một niệm”, chính là đạo lý này .

---o0o---

V. NGƯỜI TRỢ NIỆM CẦN NHỚ NHỮNG ĐIỂM SAU

1. Phát tâm trợ niệm người khác niệm Phật vãng sanh Tây phương chính là thay thế đức Như lai đảm nhận trách nhiệm lớn cứu độ chúng sanh liễu sanh thoát tử. Chúng ta đã tự nhận trách nhiệm lớn giáo hóa chúng sanh nhất định cần phải đem tâm chân thật mà làm, không được phô diễn hình thức bên ngoài làm sai lạc nhân duyên lớn liễu sanh thoát tử của người khác. Cần thận! Cần thận!

2. Người trợ niệm khi đến nhà người bệnh để trợ niệm trước nhất mời bà con thân thuộc lại nói rõ cho họ biết: “Phàm con người đến lúc lâm chung là giờ phút quyết định cho sự siêu thăng hay đọa lạc, trách nhiệm này tùy thuộc vào toàn gia người bệnh. Các vị là người bà con muốn làm cho người bệnh siêu thăng tránh sự đọa lạc, mỗi mỗi nên nghe theo sự chỉ đạo của những người trợ niệm không được trái lời”. Đây là sự bảo chứng cho người lâm chung quyết định vãng sanh thế giới Cực lạc.

3. Người trợ niệm vào trong phòng người bệnh thái độ đối với người bệnh phải hết sức thương yêu thành khẩn, lời nói phải từ tốn nhẹ nhàng sao cho bệnh nhân nghe hiểu rõ ràng để trong tâm người bệnh không có sự hoài nghi. Trước hết người trợ niệm nên tán thán những công đức trong đời người bệnh tạo được khiến bệnh nhân sanh tâm hoan hỷ; kể lại nói những cảnh thù thắng vi diệu của thế giới Cực lạc khiến người bệnh sanh tâm an ổn và khởi lòng chánh tín cầu sanh Tây phương. Người trợ niệm nên quán sát bản thân họ xem họ như người bà con của mình. Bởi vì người bệnh tuy không phải là thân tộc trong hiện đời nhưng hoặc một đời, hai đời, ba đời trước cũng là bà con trong quá khứ, không thể cho rằng chúng ta với họ không liên quan tình

huyết thống. Người trợ niệm nếu có thể xem người bệnh như là người bà con thì tâm trợ niệm niệm Phật lúc này mới có được sự chí thành khẩn thiết vô cùng.

4. Trong phòng bệnh ngoại trừ người khai thị ra còn lại tất cả mọi người không được phép đến bên người bệnh hỏi chuyện cũng không được ở trong phòng bệnh nói chuyện tạp, nếu người bệnh nghe thấy sẽ phân tâm khiến mất chánh niệm. Nếu có người bà con lối xóm muốn đến rờ rẫm thăm hỏi người bệnh, người trợ niệm nên ngăn họ: “Ông đến đây là để trợ niệm cho người bệnh niệm Phật phải không? Nếu như vậy thì ông nên nghe theo lời chỉ đạo của người trợ niệm, hầu tránh phát sanh sự chướng ngại cho người bệnh”.

Còn bằng họ không phải đến để trợ giúp người bệnh niệm Phật, lúc đó tùy thời đôi quyền thuộc bảo họ mời những người này sang phòng khác để tiếp đãi, hầu tránh cho người bệnh gặp mặt phát sanh tình ái dục niệm chướng ngại chánh niệm. Đây là trách nhiệm của người trợ niệm không nên ngại khó hay vị tình mà không làm. Nếu chúng ta để cho họ gặp người bệnh thì làm cho duyên tình ái phát sanh chướng ngại chánh niệm, khiến cho người chết không được vãng sanh và cũng không hợp với tông chỉ trợ niệm.

5. Niệm Phật bốn chữ hay sáu chữ, hoặc nhanh chậm cao thấp nhất định cần phải hỏi qua ý người bệnh. Nếu lúc đó người bệnh không mở miệng trả lời được thì tiếng niệm Phật không nên quá nhanh, nếu nhanh quá nghe không rõ ràng; cũng không nên quá chậm nếu chậm quá tiếng niệm Phật sẽ rời rạc làm cho người bệnh dễ rơi vào hôn trầm; cũng không nên quá cao nếu cao quá người trợ niệm cũng khó niệm được lâu; cũng không nên quá thấp nếu thấp quá người bệnh sẽ nghe không được rõ ràng. Vì thế tiếng niệm Phật không nhanh không chậm không cao không thấp, mỗi câu mỗi câu trong treo mỗi chữ mỗi chữ rõ ràng khiến người bệnh mỗi câu mỗi câu đều lọt vào tai, mỗi chữ mỗi chữ đều sanh tâm khoái lạc. Người trợ niệm niệm Phật được như thế mới đúng cách thức trợ niệm.

Người trợ niệm nên nhớ không được tùy tiện theo ý mình, thích nhanh niệm nhanh thích chậm niệm chậm, ưa cao niệm cao ưa thấp niệm thấp, nếu niệm Phật như thế tuy có tâm trợ niệm nhưng người bệnh khó đạt được sự lợi ích. Nên nhớ lúc trợ niệm là thời điểm người bệnh khí lực rất yếu bản thân họ niệm Phật không nổi hoàn toàn nương nhờ vào câu hồng danh Nam mô A Di Đà Phật do người khác niệm. Tiếng niệm Phật nếu rõ ràng trong suốt khiến

tâm người bệnh duyên theo tiếng niệm Phật, mỗi niệm mỗi niệm đều quy hướng về câu hồng danh A Di Đà Phật.

Người trợ niệm nên quán sát hết thấy sự tình làm sao đừng để cho tâm người bệnh dao động khiến họ đạt được chánh niệm niệm niệm tương tục, một niệm sau cùng khi mạng chung sẽ tùy theo chỗ niệm Phật mà được vãng sanh Tây phương. Bởi vì, người trợ niệm là người thay thế đức Như lai đảm nhận trách nhiệm cứu độ chúng sanh liễu sanh thoát tử kia mà.

6. Trợ niệm qua một thời gian dài người bệnh đột nhiên tinh thần có sự phân minh, sáng khoái lại có thể nói chuyện hoặc thở dài cho đến tay chân cử động... Lúc đó người trợ niệm nên đặc biệt chú ý không để cho bất cứ một ai đến thăm hỏi rờ rẫm. Nên nhớ, kể từ thời điểm xảy ra tình huống này của người bệnh thì không quá hai giờ đồng hồ sau bệnh nhân sẽ chấm dứt hơi thở. Ví như cây đèn dầu đang cạn dần ánh lửa đang từ từ tối dần, đến lúc đèn hết dầu lúc đó ánh lửa đột nhiên lóe sáng khoảnh khắc rồi tắt. Tất cả mọi người đến lúc chấm dứt hơi thở phần nhiều đều rơi vào tình trạng này.

Thường thường hay xảy ra cảnh người trợ niệm niệm Phật lâu ngày, đến lúc người bệnh đột nhiên tỉnh táo hoặc nói chuyện, thở dài... các tình huống như thế xảy ra khi đó người trợ niệm chẳng có kinh nghiệm hay kiến thức tương đương, lại làm cho người bệnh buồn phiền hoặc đình chỉ sự trợ niệm. Vì vậy đối với cảnh xảy ra như thế người trợ niệm cần nên nhận biết để làm cho người mạng chung được sự lợi ích.

Người trợ niệm đến nếu gặp người vừa mới chấm dứt hơi thở hoặc trải qua một, hai, ba giờ đồng hồ, bảy giờ người trợ niệm không nên thăm dò hơi nóng người chết. Người trợ niệm nên nhớ thời điểm này là thời điểm vô cùng quan trọng khẩn thiết. Tốt nhất người trợ niệm trước nên lớn tiếng khai thị qua một lần sau đó mới niệm Phật. Nhân vì người sau khi mới chấm dứt hơi thở không luận bà con có than khóc hay không tâm người chết thấy đều có sự sàu sảo. Nếu người trợ niệm lớn tiếng khai thị tâm người chết có sự rõ biết. Do hiểu được lời khai thị tâm người chết có chỗ (tiếng niệm Phật) để quy hướng, thứ nữa còn biết phát nguyện cầu sanh Tây phương (tâm hoan hỷ nghe Phật hiệu, sẽ phát nguyện cầu sanh Tây phương).

Người trợ niệm khai thị cần phải lớn tiếng lời nói phải rõ ràng : “Ông trong quá khứ đã gieo trồng các nghiệp lành cũng như đã tạo các nghiệp ác, giờ phút này không nên nghĩ tưởng đến. Con cháu, tài sản trong nhà tất cả ông đều nên buông bỏ một chút cũng không để nơi tâm. Lúc này ông chỉ một

lòng niệm hồng danh Phật A Di Đà phát nguyện cầu sanh Tây phương. Chúng tôi sẽ niệm Phật trợ niệm cho ông, ông nên để tâm nghe tiếng niệm Phật của chúng tôi, mỗi niệm mỗi niệm nương tựa hồng danh A Di Đà Phật để cầu sanh Tây phương” (từ câu Ông nên để tâm lắng nghe... để cầu sanh Tây phương nên nói hai lần).

Sau khi người chủ trợ niệm nói lời khai thị xong rồi người trợ niệm tùy theo đó mà niệm Phật. Âm thanh Phật hiệu lúc này cần phải lớn tiếng. Nếu người chết lúc sanh tiền có tâm tín, nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây phương quyết định sẽ được vãng sanh, nếu khi sanh tiền không có tâm tín, nguyện cầu sanh, lúc lâm chung nghe Phật hiệu cũng đạt được công đức bất khả tư nghì. Kinh Địa tạng nói : “Người sắp mạng chung nghe được danh hiệu một vị Phật sẽ tiêu diệt được tội ngũ vô gián”. Vì thế công đức trợ niệm người khác lúc lâm chung thật không sao kể xiết.

---o0o---

VI. NHÂN QUẢ TỐI THẮNG CỦA NGƯỜI TRỢ NIỆM

Có nhân tức có quả có quả tức có nhân. Chúng ta nếu phát tâm trợ niệm người khác niệm Phật cầu sanh Tây phương, như thế tương lai chúng ta đến lúc lâm chung tự nhiên cũng sẽ có người phát tâm đến trợ niệm chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây phương. Người khác nhờ chúng ta trợ niệm được vãng sanh tương lai họ sẽ theo hầu đức Phật A Di Đà đồng đến tiếp dẫn dùng thần lực gia hộ chúng ta, khiến chúng ta lúc lâm chung chánh niệm hiện tiền vãng sanh thế giới Cực lạc. Do vậy, chúng ta thường trợ niệm người khác vãng sanh đối với vấn đề lợi hại lúc lâm chung thật rất rõ ràng. Sau này đến thời điểm lâm chung, chúng ta cũng sẽ nhất định vận dụng kinh nghiệm quá khứ khiến tất cả đều như pháp. Do đó sẽ không có các sự tình phát sanh ngoài ý muốn quyết định được vãng sanh Tây phương.

Nên biết, đức Như lai sở dĩ xuất hiện ở thế gian là vì độ thoát tất cả chúng sanh khiến các chúng sanh đều thành Phật. Đức Như lai thuyết pháp bốn mươi chín năm là vì sự kiện này; đức A Di Đà phát bốn mươi tám đại nguyện trang nghiêm Tịnh độ cũng vì sự kiện này. Tất cả mọi con đường chung giáo lý là đều nương vào sức tự lực tu hành, người tu cần phải đoạn trừ phiền não mới có thể thoát ly sanh tử đây là pháp môn khó hành.

Còn pháp Tịnh độ là nương nhờ nguyện lực tiếp dẫn của Phật A Di Đà mà được vãng sanh thế giới Tây phương, không cần đoạn trừ phiền não mà

được ra khỏi sanh tử, tu hành chỉ trong một đời mà viên thành Phật đạo đây là pháp môn dễ hành.

Chúng ta hiện nay trợ duyên người khác niệm Phật vãng sanh Tây phương đó là thay thế đức Như lai gánh vác trách nhiệm cứu độ chúng sanh, khiến họ nhờ sự trợ niệm mà được vãng sanh. Từ pháp môn dễ hành này chúng ta nương nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà rất mau ra khỏi sanh tử sớm viên thành Phật đạo thành tựu công đức cao vời. Công đức cao vời này là nhân để chúng ta thành Phật, dùng nhân thành Phật cảm quả thành Phật đây là điều tất yếu vậy.

---o0o---

VII. PHÒNG NGƯỜI BỆNH CẦN PHẢI SẠCH SẼ

Trong phòng người bệnh cần quét dọn sạch sẽ tất cả những vật nào không cần thiết nên dọn ra ngoài, chỉ để phòng trống không một mặt là tránh sự chật chội gây chướng ngại người bệnh, kê nữa là tránh sự va chạm cho người trợ niệm ra vào. Tâm người bệnh khi còn thanh tỉnh, người trợ niệm chỉ dạy họ nằm nghiêng hông phải khuôn mặt quay về hướng tây và trong tâm nghĩ rằng mình đã vãng sanh Tây phương. Giả sử người bệnh vì bệnh khổ bức bách tâm không an định, như thế thì nên để người bệnh tùy nghi. Còn bằng người bệnh đã biết cách làm thế nào để tâm an định, làm thế nào để dễ phát khởi chánh định, lúc đó nên tùy thuận theo ý của người bệnh.

Trước giường bệnh nên an trí Thánh tượng Tây phương tam Thánh hoặc tượng đức tôn Phật A Di Đà; bàn Phật nên dâng hương hoa... Tượng Phật nên thiết trí hướng mặt đối người bệnh khiến người bệnh khởi tâm kính ngưỡng. Giả sử người bệnh có đại tiểu tiện xú uế, vị trợ niệm nên bảo người nhà lau quét sạch sẽ. Người bệnh đến lúc sắp chầm dứt hơi thở nơi thân có đại tiểu tiện xú uế, lúc đó cũng không cần lau rửa, chỉ lo phát tâm trợ niệm Phật. Giả sử có mùi xú uế, người trợ niệm nên nghĩ rằng mình đang thay thế đức Như lai đảm nhận trách nhiệm cứu độ chúng sanh ra khỏi sanh tử, há vì một vài duyên ô uế như thế mà bỏ đi trách nhiệm lớn lao đó sao.

Hướng gì thân thể của chúng ta khi lâm chung là thân thể của phần đoạn sanh tử, ai dám bảo đảm thân thể của mình lúc này đều không có xú uế sao? Nếu ai cũng nghĩ như thế thì tự nhiên tâm mỗi người sẽ không có lo ngại xú uế. Đối với việc xú uế trên thân thể bệnh nhân nhất định cần đợi đến khi toàn thân lạnh hẳn mới lau rửa. Vẫn biết trước chỗ thờ Thánh tượng không

được để mùi xú ố xông lên, nhưng vì sự chánh niệm của người bệnh khi sắp chấm dứt hơi thở thì dù có ô ố cũng không nên lau quét, sợ gây chướng ngại đại sự vãng sanh cho người bệnh. Thời điểm này không nên quét dọn là việc bất đắc dĩ tuy có mùi xú ố xông lên Thánh tượng, nhưng cũng không có tội lỗi.

---o0o---

VIII. PHÁ TRỪ CÁC MỐI NGHI GÂY CHƯỚNG NGẠI CHO VIỆC VÃNG SANH

Nếu bệnh tình của người bệnh quá nặng người trợ niệm nên nhắc người bệnh: “Giờ phút này ông còn có các sự tình gì nghi ngờ nữa không?”. Giả sử người bệnh tâm còn nghi ngờ, người trợ niệm nhân lúc khai thị nên phá trừ các mối nghi cho họ hầu tránh sự chướng ngại cho việc vãng sanh Cực lạc. Nếu người bệnh không còn có sự tình nghi ngờ lúc đó chỉ hỏi qua một lượt rồi về sau khỏi cần hỏi lại, tránh cho bệnh nhân phân tâm khiến mất chánh niệm! Cần chú ý! Chú ý!

Người bệnh nếu còn nghi ngờ nói : “Bản thân tôi tuy đã phát tâm niệm Phật nhưng thời gian chưa được bao lâu, sợ rằng tội nghiệp quá nặng thế giới Tây phương e có được vãng sanh hay không?”. Lúc đó người trợ niệm đến trước người bệnh nói : “Ông đã phát tâm niệm Phật sớm hay muộn đều không e ngại. Điều quan trọng nhất là từ khi ông phát tâm niệm Phật cho đến khi lâm chung tâm không thôi chuyển là được. Dù ngay lúc ông sắp lâm chung, sau khi được thiện tri thức khai thị mới hiểu được mà phát tâm niệm Phật cũng có thể vãng sanh.

Trong kinh Phật dạy: “Người nào khi sanh tiền thường tạo các nghiệp ác cực trọng nhưng đến khi lâm chung gặp được thiện tri thức khai thị mới biết được mà phát tâm niệm Phật, người đó cũng được vãng sanh Tây phương”. Lại trong kinh cũng có nói : “Niệm một câu A Di Đà Phật có thể tiêu trừ tám mươi vạn ức kiếp sanh tử trọng tội”. Vì thế ông nay dù phát tâm niệm Phật chưa được bao lâu hoặc ác nghiệp đã tạo quá nặng, ông không nên sanh tâm lo sợ chỉ cần một lòng niệm Phật quyết chí cầu sanh Tây phương, đến lúc mạng chung nhất định sẽ thấy đức A Di Đà Phật hiện thân tiếp dẫn, vãng sanh Tây phương không nghi ngờ”.

Nếu như người bệnh còn có tâm niệm luyến ái bà con tài sản, lúc đó người trợ niệm đôi trước họ có lời khai thị : “Chúng ta làm người trong cuộc đời

này sự khốn khổ là tràn đầy. Già là khổ, bệnh là khổ và chết là khổ, những nỗi khốn khổ này nói ra không bao giờ hết. Còn chúng sanh ở thế giới Tây phương thì sự khoái lạc vô tận vĩnh viễn không bao giờ có nỗi khổ, già, bệnh, chết. Những sự khoái lạc này nói ra cũng không bao giờ cùng tận. Nay ông nên phát nguyện cầu sanh Tây phương lại nên cầu cho những người bà con của ông cũng được vãng sanh đồng thọ hưởng khoái lạc. Nếu ông còn tâm niệm luyến ái bà con cùng tài sản là sẽ gây chướng ngại cho việc ông vãng sanh, nên mau buông bỏ tất cả những ý niệm đó khiến bản thân ông trước được vãng sanh.

Một khi ông đã vãng sanh lúc đó sẽ có vô lượng thần thông đạo lực, nương bi nguyện trở lại Ta bà hóa độ hết thấy những người bà con quyến thuộc của ông đều được vãng sanh, đồng làm pháp quyến của Phật A Di Đà vĩnh viễn hưởng thọ khoái lạc. Từ nay trở đi nếu ông còn tâm đắm trước bà con và tài sản, lúc đó ông nên răn trách bản thân : “Thế giới Ta bà có vô lượng nỗi thống khổ còn thế giới Cực lạc có vô lượng sự an vui, cứ sao ta vì duyên điền đảo đắm trước quyến thuộc và tài sản gây chướng ngại khiến bản thân không được vãng sanh, lại nhận làm bà con đời đời kiếp kiếp nên không có người nào được độ”. Nếu ông tự răn trách bản thân như thế thì có thể nhất tâm niệm Phật, đồng mãi cầu nguyện vãng sanh Tây phương”.

Người bệnh nếu vẫn còn tâm nghi ngờ “Bản thân tôi đã niệm Phật tại sao không thấy Phật đến rước”. Lại có tâm hoài nghi : “Tôi sắp đến lúc lâm chung không biết đức A Di Đà có đến tiếp dẫn tôi hay không?”. Lúc đó người trợ niệm nên đối trước người bệnh khai thị : “Hiện nay việc thấy Phật hay không thấy Phật đều chẳng quan hệ. Giả sử hiện nay ông chưa thấy Phật nhất định đến lúc lâm chung ông sẽ thấy. Điều quan trọng là lúc này một câu hồng danh A Di Đà Phật ông nên niệm niệm hiện tiền là được. Đến lúc lâm chung đức Phật A Di Đà tự nhiên trong tâm niệm Phật của ông sẽ hiện thân ra tiếp dẫn. Ông cũng sẽ ở trong tâm niệm Phật đó theo Phật mà vãng sanh Tây phương.

Bây giờ ông cần phải chú tâm niệm Phật nhất thiết không nên sanh tâm nghi ngờ. Giả sử nếu có tâm nghi ngờ thì tâm ông lúc này cùng với tâm của đức Phật A Di Đà có sự ngăn ngại, gây chướng ngại bản thân không thể vãng sanh. Ông nếu không có tâm nghi ngờ một lòng niệm Phật tâm ông sẽ cùng với tâm Phật A Di Đà có sự cảm ứng nhất định sẽ được vãng sanh, một hào ly cũng không sanh tâm nghi ngờ. Nên biết người niệm Phật lâm chung thấy Phật hiện thân tiếp dẫn là có sớm có muộn. Sớm hoặc thấy trước một hai ngày hoặc thấy trước vài ba giờ đồng hồ hoặc thấy trước vài ba phút. Chậm

là sau khi người bệnh chấm dứt mạng căn, một sát na sau cùng (thời điểm thần thức rời khỏi thể xác) Phật mới ứng niệm hiện tiền cũng là lúc người bệnh thấy Phật và vãng sanh Tây phương”.

Nếu người bệnh ở ban ngày hay ban đêm hoặc ở trong định niệm Phật, hoặc trong giấc mộng như thấy các hình tướng quái ác, nghe các âm thanh ác khiến tâm kinh sợ làm chướng ngại vãng sanh. Lúc này người trợ niệm nên đối trước người bệnh khai thị : “Những hình tướng quái ác những âm thanh ác đó vốn là những oan gia mà nhiều đời nhiều kiếp trước đã bị ông bức hại. Nay chúng biết ông phát tâm niệm Phật quyết định sẽ vãng sanh Tây phương, vì thế nó hiện ra các cảnh giới hung ác này làm cho tâm ông run sợ gây chướng ngại khiến ông không thể niệm Phật vãng sanh. Tâm ông không nên run sợ không cần nhìn họ, không nên nghe họ mà chỉ chuyên tâm chú ý vào nột câu hồng danh A Di Đà Phật, niệm niệm khẩn thiết chí thành, không nên có một niệm nào gián đoạn. Lúc đó oan gia đời trước hiện ra ma quỷ oán trách không có chỗ nương cậy tự nhiên họ sẽ tiêu diệt.

Hoặc nhân thấy các vong nhân trong giòng tộc như thấy ông, bà, cha, mẹ... đến đòi tiếp dẫn ông. Ông nên biết những vong nhân này đều là do quý thần biến hóa, từ trong ba cảnh ác Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh hiện ra lừa gạt ông vào trong ba cảnh ác đạo đồng chịu khổ. Ông không được đi theo họ bản thân chỉ một câu hồng danh A Di Đà Phật niệm niệm không gián đoạn, thì những vong nhân ông, bà, cha, mẹ biến hóa ra quý thần đó sẽ tự nhiên tiêu diệt.

Hoặc như thấy các vị trời, thần nào đến đòi tiếp dẫn ông sanh thiên hoặc làm thần, tâm ông một hào ly cũng không nên bị họ làm giao động. Chỉ có đức Phật A Di Đà ở phương tây hoặc Bồ tát Quán thế âm, Bồ tát Đại thế chí đến tiếp dẫn như thế ông mới đi. Nên biết đức A Di Đà Phật cũng là do tâm niệm Phật của ông mà cảm ra. Tâm ông nếu mỗi niệm mỗi niệm đều niệm Phật thì đức Phật A Di Đà ở phương tây cũng là ở trong tâm thanh tịnh niệm Phật của ông hiện ra tiếp dẫn, còn ông cũng ở trong tâm thanh tịnh niệm Phật mà theo Phật vãng sanh. Nên chú ý! Chú ý!”

---o0o---

IX. NHỮNG LỜI KHAI THỊ LÚC LÂM CHUNG

Ông nên biết phàm con người ở thế gian không luận sự tình như thế nào, đều phải gánh chịu hai việc bệnh khổ và tử vong là điều không ai tránh

khỏi. Nay thân ông đang bệnh nhưng tâm ông không quá bi sầu thống khổ mà nên chuyên tâm trì niệm Thánh hiệu Phật A Di Đà, niệm niệm ông nên duyên theo tiếng niệm Phật mong cầu vãng sanh Tây phương, như thế ngay đây bệnh khổ sẽ không làm ảnh hưởng.

Chúng ta là người niệm Phật không luận sự tình như thế nào, đến lúc lâm chung tất cả mọi việc đều nên buông xả, trong tâm chỉ có một câu hồng danh A Di Đà Phật rõ rõ ràng ràng, niệm niệm đều chấp trì câu A Di Đà Phật. Ông nên tự nhủ : “Giờ đây tôi chỉ có một câu A Di Đà Phật dù ba ngày, năm ngày hoặc bảy ngày vãng sanh cũng tốt, trước sau chí nguyện của tôi không bao giờ dời đổi”. Ông nếu làm theo lời tôi thì câu Phật hiệu đó sẽ bảo chứng cho ông quyết được vãng sanh Tây phương. Nhất định ông không nên nghe theo những lời chỉ vẽ của hạng người không có trí thức, có chút bệnh khổ rồi kêu chồng kêu vợ, cầu trời, tiên, quý thần bảo hộ đây là điều sai lầm lớn. Nên biết chúng ta người niệm Phật, khi lâm chung không luận là có bệnh khổ hay không bệnh khổ đều nên thành khẩn cầu đức Phật A Di Đà sớm đến tiếp dẫn. Còn trời, tiên, quý thần ngay bản thân họ vẫn còn sanh tử luân hồi trong lục đạo làm sao có đủ sức mạnh đến cứu bạt được ông thoát ly sanh tử luân hồi.

Chỉ có đức A Di Đà Phật từ bi, Ngài có bốn mươi tám đại nguyện cùng thân thông đạo lực vô lượng, mới có thể cứu độ được ông vĩnh viễn thoát ly sanh tử luân hồi. Ông nếu còn tư tưởng mong cầu thiên, tiên, quý thần bảo hộ thì mau buông bỏ, một lòng niệm Phật cầu sanh Tây phương. Nếu như thọ mạng của ông chưa hết, nhờ công đức niệm Phật này sẽ tiêu trừ nghiệp chướng bệnh sẽ thuyên giảm. Còn bằng thọ mạng của ông đã hết cũng nhờ công đức niệm Phật này quyết định được vãng sanh. Giả sử ông chỉ cầu lành bệnh không cầu sanh Tây phương, như vậy nếu thọ mạng của ông chưa hết sẽ không được vãng sanh, bệnh của ông cũng khó lành, chẳng những bệnh của ông khó lành mà còn tăng thêm sự thống khổ. Chúng ta làm người trong thế giới Ta bà này phải chịu vô vàn sự khổ não, nếu như được vãng sanh Tây phương thì sự hưởng thọ khoái lạc là vô cùng vô tận.

Giả sử ông có tâm mong cầu chư thiên tiên bảo hộ mạng sống như thế ông còn có tâm sợ chết, nếu như ông có tâm sợ chết thì tâm ông đã cùng với bản nguyện đức Phật A Di Đà có sự ngăn ngại cảnh giới Tây phương sẽ không hiện tiền, lúc đó sẽ vĩnh viễn lặn hụp trong biển khổ sanh tử luân hồi chẳng có thời gian trông mong giải thoát. Nếu ông còn tâm sợ chết nay nên tự răn trách : “Tôi đã phát tâm niệm Phật vì sao còn tâm ngu si sợ chết, khiến bản thân chướng ngại không được vãng sanh Tây phương? Từ nay về sau tôi

nguyện khấn thiết chí thành một lòng niệm Phật cầu nguyện Phật từ bi sớm đến tiếp dẫn”.

Nên biết lúc lâm chung bệnh khổ phát hiện là do ác nghiệp của ông nhiều đời nhiều kiếp đã tạo mà cảm thành, hoặc những oan gia do nhiều kiếp đến nay đã bị ông bức hại họ kéo đến để đòi lại nợ xưa. Vì thế có nhiều bệnh khổ phát hiện khiến tâm ông sanh phiền não làm chướng ngại không thể an tâm niệm Phật. Nếu ông hiểu rõ được nghĩa ý này như thế tâm ông sẽ không bị phiền não xoay chuyển, niệm Phật mới có thể tăng thêm lòng chí thành khấn thiết, niệm niệm không rối loạn tâm an trụ vào câu hồng danh A Di Đà Phật, quyết được vãng sanh thế giới Cực lạc”.

---o0o---

X. GIẢI THÍCH NHỮNG MỐI NGHI VỀ BỆNH KHỔ LÚC LÂM CHUNG

Người niệm Phật đến lúc lâm chung nếu có các bệnh nặng phát hiện, không nên sanh tâm nghi ngờ cũng không nên kinh sợ. Trước đây, pháp sư Huyền Trang lúc lâm chung cũng có bệnh nặng huống gì chúng ta là hàng cụ phước phạm phu làm sao tránh khỏi bệnh khổ. Nên biết những bệnh khổ này là do ác nghiệp đời trước của ông cảm ra, bây giờ nếu ông không đồng mãi niệm Phật thì ác nghiệp này sẽ chiêu cảm quả báo đời sau. May ông có căn lành biết niệm Phật nên một số ác nghiệp nương vào từ lực của Phật A Di Đà, chuyển sang quả báo nhẹ một vài bệnh khổ trong kiếp hiện tại. Bệnh khổ này chỉ là tạm thời sau khi chịu xong rồi ngay đó ông sẽ được vãng sanh Cực lạc.

Ông nên đồng mãi đề khởi một câu A Di Đà Phật, niệm niệm chuyên chú vào câu Phật hiệu không nên có một niệm bệnh khổ xen vào. Ông nên biết thời điểm lâm chung là sự phân ranh đời sau ông thác sanh về cảnh giới Tây phương hay đọa lạc vào Địa ngục. Tâm ông nếu giờ phút này duyên theo bệnh khổ phiền não đó là đang đọa lạc vào cảnh giới Địa ngục, nếu duyên theo danh hiệu A Di Đà Phật đó là vãng sanh thế giới Cực lạc. Nên cẩn thận! Cẩn thận!

Lúc này hơi thở của ông nếu quá ngắn, bốn chữ A Di Đà Phật niệm không nổi thì chỉ niệm một chữ Phật là được. Tâm ông duyên theo chữ Phật nghĩ tưởng mình đã vãng sanh. Nếu vì các bệnh khổ quá bức bách thậm chí một chữ Phật niệm cũng không nổi, lúc đó tâm ông nên tưởng trước mặt mình rõ

rõ ràng ràng có đức Phật A Di Đà hiện thân đưa tay tiếp dẫn. Tâm ông mỗi niệm mỗi niệm nghĩ rằng mình đã vãng sanh Cực lạc, khi lâm chung thần thức quyết định nương theo tâm nguyện cầu sanh đó mà được vãng sanh.

Cổ đức có dạy : “Người nào khi lâm chung không thể quán tưởng hay niệm Phật được, thì chỉ cần khởi ý biết có Phật, người đó mạng chung quyết được vãng sanh, trong kinh Pháp cổ đã dạy như vậy”.

(Giải thích sơ lược câu nói trên của cổ đức).

Người nào khi sanh tiền tu pháp quán tưởng nhưng chưa thành tựu Quán tưởng tam muội, hoặc tu pháp trì danh nhưng chưa thành tựu công phu nhất tâm bất loạn. Một mai khi lâm chung do bệnh nặng bức bách thân tâm không được an định cho đến có vô lượng sự chướng ngại, lúc đó quán tưởng không thành trì danh cũng không được. Người đó nếu có thể nghĩ tưởng trước mặt mình có Phật A Di Đà từ bi duỗi tay tiếp dẫn, niệm niệm nghĩ rằng mình đã vãng sanh. Một niệm sau cùng với tâm mong cầu vãng sanh, tâm này sẽ duyên theo niệm mong cầu mà vãng sanh Tây phương. Đây là lời nói chân thật xuất phát từ trong kinh Pháp cổ chính đích thân Phật tuyên thuyết.

---o0o---

XI. PHƯƠNG PHÁP TRỢ NIỆM

Đối với việc trợ niệm trước hết người chủ lễ phải nên quán sát bệnh tình người bệnh như thế nào. Nếu như bệnh đang nhẹ chưa hệ trọng lắm, lúc đó khởi đầu tán bài Liên trì hải hội, tụng một biến kinh Di Đà ba biến Vãng sanh thần chú (tốt nhất là hai mươi một biến) ; kệ tán Phật (A Di Đà Phật thân kim sắc...) tiếp theo niệm câu Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật, niệm sáu chữ hồng danh Nam mô A Di Đà Phật khoảng mười câu rồi chuyển sang niệm bốn chữ hồng danh A Di Đà Phật. Nếu như bệnh nặng hệ trọng (chuẩn bị lâm chung) thì khởi đầu niệm bốn chữ hồng danh A Di Đà Phật. Pháp khí sử dụng trợ niệm chỉ nên dùng khánh âm thanh mõ quá trầm không nên dùng.

Người trợ niệm ban ngày chia thành hai ban, ban đêm chia thành ba ban, số người mỗi ban tối thiểu là hai người hạn định một giờ đồng hồ đổi ban. Phương pháp trợ niệm ban ngày ban một niệm Phật lớn tiếng ban hai mặc niệm qua một giờ đồng hồ đổi lại ban hai niệm lớn tiếng ban một mặc niệm, cũng niệm một giờ đồng hồ rồi đổi ban. Ban đêm, ban một niệm lớn tiếng

ban hai và ban ba mặc niệm hoặc có thể nghỉ ngơi, niệm một giờ đồng hồ đổi lại ban hai niệm Phật lớn tiếng, ban một và ban ba mặc niệm hoặc có thể nghỉ ngơi, lại niệm một giờ đồng hồ đổi lại ban ba niệm Phật lớn tiếng, ban một và ban hai mặc niệm hoặc có thể nghỉ ngơi.

Như thế cứ luân phiên thay ban nên không luận là ba ngày, năm ngày, bảy ngày, nửa tháng, một tháng đều có thể trợ niệm lâu dài. Các ban trợ niệm luân phiên theo thứ tự, bắt đầu là ban một tiếp theo là ban hai và ban ba kế lại bắt đầu là ban một, như thế hết các ban rồi lại từ đầu khiến cho ngày đêm âm thanh Phật hiệu tương tục. Mỗi ngày ba bữa cơm ăn nước uống đều phân chia người khác phục vụ. Người trợ niệm nếu sau khi dùng cơm xong thời gian tiếp ban chưa đến có thể mọi người trong ban thay nhau nghỉ ngơi đôi chút để phục hồi tinh thần.

Trước khi trợ niệm người chủ lễ nhất định cần đối trước bệnh nhân khai thị :” Ông nên biết giờ phút này mọi người đang niệm Phật trợ niệm cho ông, ông nên cùng mọi người đồng niệm. Nếu như sức khỏe quá suy nhược không thể niệm theo, ông nên lưu tâm chú ý lắng nghe mọi người niệm Phật thì cũng như ông đang niệm. Có điều tai ông nghe câu Phật hiệu phải rõ một câu nghe một chữ rõ một chữ, tai nghe rõ rõ ràng ràng, trong tâm nên biết ghi nhớ rõ rõ ràng ràng. Ông nên toàn tâm toàn ý hướng về âm thanh danh hiệu Phật A Di Đà”. Sau khi nói lời khai thị đó xong mới cử hành nghi thức niệm Phật trợ niệm.

Nếu như người bệnh có lúc rơi vào trạng thái hôn mê không còn hay biết, lúc đó người trợ niệm nên dùng khánh kê sát tai người bệnh đánh một vài tiếng, đồng thời âm thanh Phật hiệu phải lớn hơn khiến cho tâm người bệnh lần lần thoát khỏi sự hôn mê.

Người bệnh sắp đến lúc chấm dứt hơi thở với người trợ niệm nếu là số nhiều, tốt nhất là cùng bà con đối trước Tam bảo, hoặc quỳ niệm hoặc lễ niệm, đồng thời trong tâm mỗi người đều quán tưởng đức Phật A Di Đà hiện đang phóng ánh sáng lớn tiếp độ người chết, người chết đang ở trong hào quang của Phật chấp tay trang nghiêm mà vãng sanh Tịnh độ. Sau khi đã chấm dứt hơi thở độ mười phút người trợ niệm nên chia thành hai ban, mỗi ban luân phiên niệm Phật khoảng nửa giờ đồng hồ, bắt đầu từ thời điểm này trở đi nhất định cần phải niệm Phật lớn tiếng. Rồi cứ tuần tự đổi ban niệm Phật như trước.

Lúc người bệnh chuẩn bị chắm dứt hơi thở người trợ niệm cần đặc biệt chú ý. Nếu khuôn mặt người bệnh ra mồ hôi hoặc hiện tướng sần khô, hoặc đầu, thân, tay chân cử động. Các tướng trạng đó là biểu hiện của bệnh khổ hành hạ. Hoặc người bệnh đôi lúc rơi vào trạng thái hôn mê không hay biết. Nếu có các tình huống như thế phát hiện thì biết bởi người bệnh khi sanh tiền công phu niệm Phật chỉ là tâm thường, rất khó làm chủ chánh niệm. Lúc đó người trợ niệm nên đến gần người bệnh răn nhắc : “Cảnh giới Tây phương hiện đang ở trước mặt ông, ông nên cố gắng trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà để được vãng sanh Cực lạc”. Lại để ý thân sắc người bệnh nếu vẫn tương tự như trước, người trợ niệm nên nhắc lại lời đó một lần nữa, tối đa không quá ba lần sau đó chỉ niệm Phật lớn tiếng trợ niệm mà thôi.

Người bệnh sau khi đã chắm dứt hơi thở trước khi thân thể chưa lạnh hẳn, ở trong giai đoạn trung gian này những vị trong ban trợ niệm cần hết sức chú ý, tuyệt đối cấm thăm dò hơi nóng và bà con khóc lóc chỉ nên phát tâm niệm Phật lớn tiếng trợ niệm. Cần phải trải qua mười hoặc mười hai giờ đồng hồ mới có thể mời một vị có sức tu hành tương đương và kinh nghiệm dùng tay nhẹ nhàng thăm dò hơi nóng thân thể người chết, cho đến khi toàn thân lạnh hẳn việc trợ niệm mới tạm dừng. Lúc đó người trợ niệm hướng về trước Phật, thay mặt người chết hồi hướng công đức niệm Phật, cầu nguyện người chết được vãng sanh Tịnh độ.

Nếu toàn thân người chết vẫn chưa lạnh hẳn thì không luận một ngày, hai ngày, ba ngày mọi người đều nên phát tâm niệm Phật lớn tiếng. Cá nhân mỗi người trợ niệm đều nên nghĩ, đây là lúc chúng ta thay thế đức Như lai cứu độ chúng sanh thoát ly sanh tử. Mọi người không nên vì chút thời gian này mà sanh tâm nhọc nhằn biếng nhác khiến cho người chết lạc lối không được vãng sanh Tây phương. Chúng ta mỗi người cần phát tâm đồng mãnh, niệm Phật lớn tiếng trợ niệm cho đến khi người chết toàn thân lạnh hẳn mới tạm đình chỉ việc trợ niệm. Chúng ta nếu trợ niệm với tâm như thế mới chân chánh phát Bồ đề tâm hành Bồ tát đạo biểu hiện sự tu hành một cách thực tế.

---o0o---

XII. THỜI GIAN TẮM RỬA THAY QUẦN ÁO

Người chết sau khi toàn thân lạnh hẳn qua hai giờ đồng hồ mới có thể tắm rửa và thay y phục. Nếu các đốt tay chân cong cứng thì dùng vải cũ nhún nước nóng hóp vào chỗ cong, khoảng vài ba phút tay chân sẽ mềm

mại. Hai mắt nếu chưa nhắm cũng dùng vải nhún nước nóng hóp vào mắt, khoảng vài ba phút sẽ nhắm lại.

Đối với việc mặc y phục cho người chết, tốt nhất là khi sống họ mặc y phục gì thì nên liệm y phục đó. Áo quần liệm không phải sang trọng và mặc nhiều là tốt. Nên biết, nếu có lòng thương người chết điều tốt nhất là làm cho họ vãng sanh Tây phương hưởng thọ mọi sự khoái lạc. Chỉ có việc làm cho người chết vãng sanh mới thực được tính là hiếu thuận, là thân ái, là từ ái. Nếu chỉ lo trang điểm hình thức chỉ cầu người khác tán thán, nhất định phải mặc đồ tẩm liệm cho sang trọng, quan tài cho đắt tiền, phát tang rầm rộ, ăn uống linh đình... mà hoàn toàn không đoái hoài đến sự lợi ích chân thật của người chết, đây quả thật là đại sai lầm.

---o0o---

XIII. PHƯƠNG PHÁP TIÊN VONG

Sau khi người chết đã vãng sanh Tây phương, đối với việc tang lễ cúng tế vong linh nên lấy việc cúng chay niệm Phật làm chính (cấm sát sanh, rượu thịt, cử ngũ tân). Nếu muốn làm công đức tốt nhất nên thỉnh vài ba vị Tăng Ni đến trợ giúp niệm Phật. Số ngày nhiều hay ít nên xem qua tình hình kinh tế gia đình để quyết định. Đối với việc niệm Phật cúng tế vong linh trong bà con nhiều người tham dự là rất tốt, nhân vì người bà con có mối quan hệ huyết thống, do đó tâm niệm Phật so với người ngoài sẽ tha thiết chí thành hơn. Với việc niệm Phật không luận người xuất gia hay tại gia nếu ai có tâm khẩn thiết chí thành sẽ đạt được công đức to lớn. Công đức sau mỗi thời niệm Phật đều đối trước bàn linh thay mặt cho người chết hồi hướng vãng sanh Tây phương. Giả sử người chết đã vãng sanh nhờ công đức niệm Phật này có thể tăng cao phẩm vị Liên hoa, bằng như chưa được vãng sanh cũng có thể nương nhờ công đức này mà sớm vãng sanh Cực lạc.

Người thế tục phần nhiều đều cho các việc tụng kinh, lễ sám, chẩn tế là kỳ đặc còn niệm Phật là chuyện tầm thường, một số người có quan điểm như thế là không thông hiểu Phật pháp. Công đức của câu niệm Phật kinh Quán vô lượng thọ có nói : “Niệm một câu Phật hiệu có thể tiêu trừ tám mươi vạn ức kiếp sanh tử trọng tội”, như thế ai là người dám cho công đức niệm Phật là tầm thường. Lại trong phần Hạ phẩm hạ sanh của kinh này nói : “Nghe được tên gọi tựa đề mười hai bộ kinh có thể tiêu trừ một ngàn ức kiếp ác nghiệp cực nặng, niệm một câu A Di Đà Phật có thể tiêu trừ năm trăm vạn đại kiếp sanh tử trọng tội”. Lại nói: “Chỉ cần nghe một câu A Di Đà Phật có

thể tiêu trừ vô lượng đại kiếp sanh tử trọng tội”. Lời dẫn trong kinh là có căn cứ chúng ta có thể biết được công đức niệm Phật là bất khả tư nghì.

Việc thỉnh các pháp sư đến tụng kinh, lễ sám, chẩn tế nếu có tâm chí thành thì công đức rất lớn, đáng tiếc người ngày nay tâm chí thành rất ít. Đại sư Ấn Quang nói : “Các vị Tăng hiện nay khi làm pháp sự, phần nhiều đều là phô diễn bên ngoài không đúng như pháp, chỉ đặt nặng hình thức đạo tràng dễ xem, thành ra việc làm chỉ là hư sáo. Giả sử chuyên tâm niệm Phật mọi người ai cũng có thể niệm được, công đức càng rộng lớn lại thiết thực. Nếu như đem công đức niệm Phật hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đồng sanh Tây phương thì công đức lại càng tăng thêm rộng lớn, đối với người chết đạt được sự lợi ích vô cùng vô tận”.

Người chết sau khi đã vãng sanh Tây phương, bà con trong thời gian bốn mươi chín ngày ăn chay niệm Phật giữ năm giới thì người còn kể mất cả hai đều được sự lợi ích không thể nghĩ bàn.

---o0o---

XIV. HỎI ĐÁP VỀ THÂN TRUNG ẤM

Hỏi : Con người sau khi chết nếu bà con trong thời gian bốn mươi chín ngày ăn chay niệm Phật làm mọi công đức để hồi hướng cho người chết, người chết có được sự lợi ích như thế nào?

Đáp : Người chết xác thực đã vãng sanh Tây phương, bà con trong thời gian bốn mươi chín ngày ăn chay niệm Phật làm mọi công đức để hồi hướng cho người chết, một mặt có thể làm cho người chết tăng cao phẩm vị Liên hoa, một mặt bà con đạt được phước đức vô lượng. Giả sử người chết chưa được vãng sanh như vậy tuy đã chết nhưng còn chưa quyết định đi đâu thai nơi nào thì ở vào giai đoạn thân trung ấm. Thời gian này nếu người bà con vì họ niệm Phật làm mọi công đức, khai phát thiện căn Tịnh độ cho họ khiến họ đang ở thời kỳ trung ấm được sanh lòng tín sâu, nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tây phương. Chỉ cần người bà con trợ giúp cho họ đầy đủ ba món tư lương tín, nguyện, hạnh, quyết định họ sẽ nương nhờ từ lực của Phật mà sớm được vãng sanh.

Hỏi : Ý nghĩa thân trung ấm như thế nào?

Đáp : Con người chết rồi sau khi thần thức lìa khỏi thể xác trước lúc chưa đi đầu thai, ví như người từ trong nhà bước ra ngoài nhưng chưa vào nhà khác vẫn còn ở trung gian, đây là chỉ ý nghĩa thân trung ấm. Người nào có tín sâu, nguyện thiết, tinh tấn niệm Phật khi mới chết ngay đó liền vãng sanh Tây phương, hoặc người có căn lành sâu dày thì trực chỉ sanh về cõi trời, hoặc kẻ tạo ác nghiệp nặng liền đọa vào Địa ngục Vô gián, ba hạng người này là không trải qua gian đoạn thân trung ấm. Hạng người phổ thông bình thường đã không phải cực thiện cũng không phải cực ác đều phải trải qua giai đoạn thân trung ấm. Thời gian thân trung ấm thọ sanh có nhanh chậm không đồng. Nhanh thì trong khoảng khảy móng tay liền đầu thai vào một trong sáu đạo luân hồi, chậm thì khoảng bốn mươi chín ngày hoặc hơn bốn mươi chín ngày.

Hỏi : Duyên có gì con người sau khi chết không đi đầu thai mà phải rơi vào giai đoạn thân trung ấm, trải qua bốn mươi chín ngày mới đi đầu thai?

Đáp : Bởi do người chết trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ đã tạo các nghiệp thiện ác lẫn lộn. Trong vọng tâm vô minh nghiệp thức đó, một niệm lành một niệm ác cứ sanh rồi diệt diệt rồi lại sanh khiến nghiệp thiện ác liên tục không phân định. Nếu như trụ vào nghiệp thiện, tâm này thuần thiện thì do trong tâm thiện phát hiện ra cảnh giới lành Thiên, Nhân, A tu la tâm thức này tùy theo nghiệp lành đó mà đi đầu thai. Nhưng vì, trong tâm thiện cũng có duyên thượng phẩm thiện, trung phẩm thiện, hạ phẩm thiện mới cảm thành ba cõi Thiên, Nhân, A tu la không đồng nhau.

Nếu như trụ vào nghiệp ác, tâm này thuần ác do trong tâm ác phát hiện ra ba cảnh giới ác Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, trong tâm thức này tùy theo cảnh giới ác đó mà đi đầu thai. Nhưng vì trong tâm ác cũng có duyên thượng phẩm ác, trung phẩm ác, hạ phẩm ác mới cảm thành ba cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh không đồng. Nên biết, bởi có mối quan hệ tâm và cảnh tương đồng như thế, vì vậy người bà con ở trong thời gian bốn mươi chín ngày cần ăn chay niệm Phật thay hương linh tu tạo công đức, khiến người chết nương nhờ công đức đó mà tiêu trừ tội ác tăng trưởng phước lành, vãng sanh Tây phương hoặc siêu thăng trong cảnh giới Thiên đạo hay Nhân đạo.

Bằng như người bà con trong thời gian này không phát tâm ăn chay niệm Phật mà gây tạo các ác nghiệp như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, uống rượu ăn thịt như thế tức nghiệp (nghiệp đời trước) người chết nếu là nghiệp lành sẽ chuyển thành nghiệp ác; như tức nghiệp người chết nếu là nghiệp ác thì

ngiệp ác lại thêm tăng trưởng. Nên biết nghiệp ác nếu tăng thêm sẽ thành thượng phẩm ác, nghiệp đó nhất định khiến cho người chết đọa lạc vào Địa ngục vĩnh viễn chịu vô lượng sự thống khổ.

Hỏi : Nếu kinh tế gia đình khó khăn, mà bảo họ trong thời gian bốn mươi chín ngày ăn chay niệm Phật làm mọi công đức, e rằng cuộc sống của họ khó có thể duy trì được?

Đáp : Trong tất cả mọi công đức để hồi hướng cho người chết thì công đức niệm Phật là lớn nhất, nếu như gia đình kinh tế khó khăn lúc này không cần thỉnh Tăng Ni đến làm lễ, chỉ cần toàn gia quyên phát tâm ăn chay niệm Phật là đủ. Thời gian niệm Phật, quy định sáng sớm niệm Phật xong đối trước bàn thờ người chết hồi hướng rồi dùng cơm sáng. Buổi trưa niệm Phật trước hay sau bữa cơm tùy theo công việc bản thân sao cho thích hợp mà sắp xếp. Buổi chiều sau bữa cơm mới niệm Phật, niệm xong đối trước bàn vong mà hồi hướng, mỗi ngày quy định ba thời niệm Phật ba lần hồi hướng, thời gian còn lại khi làm công việc cũng nên cố gắng mặc niệm niệm Phật.

Phương pháp niệm Phật siêu độ người chết như thế, đối với cuộc sống kinh tế gia đình sẽ không bị ảnh hưởng. Phương pháp này vừa đơn giản nhưng lại tiện lợi hoàn toàn không chướng ngại cuộc sống mà công đức rất lớn. Gia đình lại có thể bình an thanh khiết, bà con mỗi người đều được phước đức mà người chết cũng được sự lợi ích vô cùng. Đây là phương pháp thù thắng làm cho cả hai người sống lẫn kẻ chết đều được sự lợi ích không thể nghĩ bàn.

---o0o---

XV. DẪN ĐOẠN CĂN BẢN TRONG KINH ĐỊA TẠNG PHẨM “TỒN VONG LỢI ÍCH” THỨ BẢY LÀM PHẦN KẾT

Trưởng giả Đại biện chấp tay cung kính hỏi Bồ tát Địa tạng : “Kính bạch Đại sĩ! Chúng sanh ở cõi Nam diêm phù đề này sau khi mạng chung, quyền thuộc lớn nhỏ vì người chết mà tu tạo các công đức cho đến thiết trai cúng dường, tạo nhân lành đó thì người chết kia có được sự lợi ích và giải thoát chăng?”

Ngài Địa tạng đáp : “Thưa trưởng giả! Các chúng sanh ở hiện tại và vị lai trong ngày lâm chung, nếu họ được nghe danh hiệu của một vị Phật, một vị

Bồ tát, hoặc một vị Bích chi Phật thì không luận là kẻ có tội hay không có tội đều được giải thoát (vãng sanh thế giới Tây phương Cực lạc).

(Lại nói) : Quý dữ vô thường không hẹn mà đến, lúc đó thần hồn mờ mịt chưa biết tội phước, trong bảy tuần thất như si như điên, hoặc ở các ty để luận nghiệp quả, sau khi thẩm định tùy nghiệp mà thọ sanh. Giữa lúc tội phước chưa được ngã ngũ thì người chết kia ngàn muôn sầu khổ, hướng gì đọa lạc vào chốn ác thú Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Kẻ mạng chung này khi chưa thọ sanh, thì trong bảy tuần thất lúc nào cũng mong ngóng bà con quyến thuộc tạo phước lực để nhờ cứu vớt. Qua bảy tuần thất rồi theo nghiệp chiêu báo. Nếu như người chết là kẻ có tội thì qua trăm năm hay ngàn năm (thường ở trong ba ác đạo Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh chịu mọi khổ báo) không ngày giải thoát. Nếu người này mắc tội ngũ vô gián tức đọa vào Địa ngục lớn đến ngàn kiếp vạn kiếp, chịu mãi các sự thống khổ (một đại kiếp tính theo số năm cõi người là 1 344 000 000 năm).

(Lại nói) : Nếu người bà con có thể vì người chết trong bảy tuần thất, rộng tu các công đức (ăn chay niệm Phật, trì giới cúng dường Tam bảo...) thì làm cho các chúng sanh này vĩnh viễn thoát ly ác thú (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh) được sanh Nhân, Thiên hưởng thọ các sự diệu lạc, bà con hiện tại cũng được sự lợi ích vô lượng.

Hai câu hỏi đáp

Hỏi : Có người bình thường tín, nguyện, niệm Phật, nhưng khi lâm chung trúng gió cầm khẩu thần thức hôn mê, lúc đó có người khác vì họ niệm Phật trợ niệm có tác dụng hay không? Nếu có tác dụng thì thần thức người đó đã hôn mê không còn hiểu biết làm sao tác dụng? Nếu không tác dụng như thế công đức một đời tín, nguyện, niệm Phật của họ há trở nên vô nghĩa sao?

Đáp : Công đức niệm Phật là bất khả tư nghì. Như có người bình thường tín, nguyện, niệm Phật nhưng khi lâm chung trúng gió cầm khẩu thần thức hôn mê, nếu được thiện tri thức vì họ trợ niệm thì người đó sẽ đạt được sự lợi ích bất khả tư nghì. Hoặc như người đó thần thức trước khi chưa lìa thể xác, trở lại tỉnh táo có thể nghe được tiếng niệm Phật thì có thể phát khởi tâm tín, nguyện, niệm Phật như lúc bình thường, khi mạng chung sẽ nương nhờ Phật lực tiếp dẫn mà được vãng sanh thế giới Cực lạc, vấn đề này là tất nhiên.

Giả sử người đó hôn mê đến chết thần thức lìa khỏi thể xác, nhân vì nghiệp đời này đời trước chưa phân định nên phải trải qua giai đoạn thân trung ấm. Nếu được bà con hay thiện tri thức niệm Phật trợ niệm, người chết lúc đó có thể nhớ lại và phát khởi tâm tín, nguyện, niệm Phật, nương nhờ Phật lực tiếp dẫn vãng sanh. Nếu không được như thế chỉ được thiện tri thức tạo thắng duyên trợ niệm, giả sử không được vãng sanh cũng có thể tăng trưởng căn lành Tịnh độ sau này. Như trong kinh có đoạn : “ Vào thời Phật tại thế có một ông lão giữa đường gặp cọp, ông leo lên cây, do quá kinh sợ mà buộc miệng kêu một chữ Phật, nhờ công đức đó cảm quả báo đời sau gặp Phật được hóa độ”. Huống gì người cả một đời tín, nguyện, niệm Phật ư? Quan sát như thế đủ chứng minh công đức niệm Phật tuyệt đối là không vô ích.

Hỏi : Người điếc khi lâm chung tuy được người khác trợ niệm, nhưng họ không thể nghe tiếng niệm Phật thì sự trợ niệm đâu có tác dụng?

Đáp : Người điếc là do nhĩ căn đời trước tạo nghiệp nên cảm thành quả báo. Họ tuy không nghe tiếng niệm Phật nhưng khi lâm chung có người vì họ trợ niệm vẫn được vãng sanh. Vì sao? Bởi người điếc tuy nhĩ căn bị khuyết nhưng tánh nghe không mất. Chỉ cần tâm họ tỉnh táo tín nguyện kiên cố, lúc mạng chung sẽ cảm Phật hiện thân đến tiếp dẫn. Lại được thiện tri thức vì họ trợ niệm do tâm lực của chúng sanh là bất khả tư nghì, công đức của hồng danh A Di Đà Phật là bất khả tư nghì quyết định người đó sẽ vãng sanh Tây phương, như thuyền trống thuận gió xuôi buồm, xe nhẹ chạy trên đường vắng.

Hoặc khi người đó lâm chung thân đời trước đã chết thân đời sau chưa sanh, lúc đó chỉ có thức thứ tám là có tác dụng, người này sanh tiền vì nghiệp chướng nhĩ căn tuy không có nhưng không phải là không có nhĩ thức, đến đây quả báo trước đã trả hết thì thức thứ tám tự có khả năng nghe hiểu biết như lúc bình thường .

---o0o---

Lời bạt

Kinh nói: “Xa lìa ba đường ác, được thân người là khó”. Chúng ta tuy được thân người nhưng mạng sống khó bảo đảm trăm năm. Nghĩa là tứ đại giả hợp thành sắc thân rốt cùng tán diệt. Chỉ có một niệm thân thức là tùy nghiệp thọ sanh. Như người mắc nợ kẻ nào mạnh kéo trước. Giả sử đời này

có sức thiện nghiệp sâu lại kiêm tu Giới, Định, Tuệ, sau khi chết thác sanh thiên đạo thọ mạng vạn kiếp, nhưng đến khi hưởng hết phước trời vẫn bị đọa lạc rốt cùng không thể giải thoát.

Đức Phật diệt độ đã lâu cách Thánh hiền càng xa, người tu hành phần nhiều nghiệp chướng sâu nặng căn cơ chậm lụt, tuy có diệu lý thiên giáo nhưng thử hỏi có được mấy người thích tu. Bởi sự tu hành cạn cợt như thế mà hy vọng liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập Thánh là điều làm sao có được.

Do đó trong kinh Đại tập đức Phật có dạy: “Đời Mạt pháp ực ực người tu hành nhưng ít có ai đắc đạo, chỉ nhờ nương vào pháp môn niệm Phật mà được thoát luân hồi”. Quán sát câu kinh trên chúng ta có thể biết được, đức Thích ca Như lai trước đây ba ngàn năm đã thấy trước mọi việc, nên bi tâm triệt để thương xót chúng sanh mà ở trong giáo pháp Tam thừa riêng thuyết một môn Tịnh độ đặc biệt bao trùm ba căn, dạy khắp loài chúng sanh phát tâm tu tập. Hoặc chuyên tu diệu quán hoặc chấp trì danh hiệu rồi tùy theo sức mình tu tạo công đức phát nguyện hồi hướng Tây phương, khi lâm chung nương nhờ Phật lực tiếp dẫn mà được vãng sanh Cực lạc. Ở nơi Liên hoa hóa sanh thọ mạng vô cùng từ đây lần lần tiến tu vĩnh viễn không còn thoái chuyển thẳng đến khi thành Phật mới thôi.

Như thế pháp môn này vừa thẳng đường mà an ổn thù thắng mà vi diệu, xứng danh là phương tiện trong các phương tiện đường tắt trong các đường tắt . Từ xưa đến nay số người niệm Phật được vãng sanh dù trải qua nhiều kiếp cũng khó có thể tính hết được.

Tuy nhiên, hoặc có người niệm Phật nhưng chưa được vãng sanh do vì nhân duyên chưa đầy đủ cùng các nhận thức sai lầm khiến họ mê mờ mất chánh niệm cùng Phật ngã cách mà không được vãng sanh, chứ không phải là do Phật không đến tiếp dẫn. Những nguyên nhân đó có thể như sau.

Hoặc do bình sanh tuy phát tâm niệm Phật nhưng chỉ vọng cầu phước báu không biết phát nguyện cầu sanh Tây phương; hoặc do bình sanh tuy có tín nguyện nhưng không chân thiết niệm Phật không có liên tục; hoặc do khi lâm chung thiếu thiện hữu trợ niệm như pháp hộ trì; hoặc có thiện hữu trợ niệm nhưng bị kẻ khác luận bàn chuyện tạp khiến trong lòng phiền chán bất an; hoặc do bà con bị ai khóc lóc khiến tình ái dục niệm phát khởi trói buộc khó mở khó bỏ.

Hoặc do lúc mới chết bà con mời thầy tính thuốc vọng cầu sống lại khiến cảm phải sự thống khổ vô vàn; hoặc do hơi thở vừa tuyệt thần thức chưa rời người sống xoa rờ va chạm thăm dò nóng lạnh; hoặc do sau khi toàn thân mới lạnh đã vội tắm rửa thay quần áo vuốt tay vuốt chân... Bởi do nhân và duyên chưa đầy đủ cùng các nhận thức sai lầm trên, khiến người chết mất chánh niệm mà không được vãng sanh. Vì thế người niệm Phật cần phải biết và tránh những điều này.

Trước đây có quyển “Lâm chung bờ bên” đã chỉ bày rõ ràng, có điều văn chương trác tuyệt ý tứ sâu xa khiến cho kẻ ít học khó bề lãnh hội. Năm ngoái ở Ôn châu các pháp sư Tây chấn...thỉnh cầu pháp sư Thế liễu dùng văn bạch thoại nương vào quyển “Lâm chung bờ bên” biên soạn lại sách này, ý nghĩa rất đầy đủ.

Sau khi biên soạn xong lại thỉnh cầu Hòa thượng Diệu chân ở Hoảng hóa xã giám định và đề tựa. Ấn hành lần đầu gồm hai mươi ngàn bản không bao lâu đã hết, rất nhiều người thỉnh về đọc. Nay dự trù tái bản bèn mời tôi viết lời bạt. Tôi then mình văn chương quê mùa đâu dám múa bút, bèn đem những câu chuyện đích thân mấy năm qua đã thấy đã nghe lược thuật đôi điều mượn đó để chứng minh, chỉ mong người đọc sách này tin chắc không nghi người người truyền nhau tất tránh được những việc làm sai lầm về sau.

Tôi nghe có một vị cư sĩ trước làm quan ở Tô châu, sau phát tâm xuất gia trụ am nhỏ gần Linh nam. Người vợ vị đó cũng rất thâm tín Tam bảo thường đến cúng dường khuyến vị đó trở về nhà: “Ông đã xuất gia tức là Bồ tát thì nên độ chúng sanh chứ không nên tu một mình. Ông nếu trở về nhà tu tất cả mọi nhu cầu cuộc sống tôi nguyện sẽ phụng sự”. Nhân người vợ khuyến dụ nhiều lần khiến ý chí khó giữ vững, phần nữa quanh tịnh thất có nhiều sự nhiễu loạn thường cảm thấy bất an. Ông ta nghĩ nếu trở về nhà được người vợ lo toan, tất dễ an tâm niệm Phật bèn nghe theo lời vợ.

Ngày nọ vị này kêu vợ lại bảo : “Đức Phật A Di Đà đã hiện thân đến tiếp dẫn tôi tôi sắp vãng sanh thế giới Cực lạc”. Người vợ nghe thế liền khóc lóc lễ bái mà nói: “Bồ tát, nay ông bỏ tôi mà đi tôi biết nương vào đâu mà sống”. Nhân bị tình ái lôi kéo khó thể thoát được khiến vị đó mê mờ mất chánh niệm tuôn rơi dòng lệ. Lại nhìn trước không thấy Phật A Di Đà nữa, chuyện này chính tôi nghe cư sĩ Hồ tùng mậu kể lại.

Lại nghe pháp sư Thường thanh ở chùa Hộ quan kể, thân phụ pháp sư là người trường trai lâu năm. Tuy hằng ngày niệm Phật nhưng chỉ vọng cầu

giàu sang chứ không chịu cầu vãng sanh Tây phương. Năm Thanh chín tuổi thân phụ tạ thế, gia đình tắm rửa thay quần áo chuẩn bị liệm vào quan tài. Ngày sau người chị gái đến đứng kề bên em mình mà khóc lóc, Thanh thấy hai mắt của thân phụ tuôn dòng lệ.

Quán sát hai câu chuyện trên, chúng ta có thể biết được người sắp chết hay mới chết toàn thân chưa lạnh hẳn thân thức chưa rời thể xác, bà con chớ nên khóc lóc để tránh tình cảm lôi kéo khiến họ mê mờ mất chánh niệm không được vãng sanh. Giả sử nhân không nổi cũng nên tránh xa đừng đến gần mà khóc. Bởi nhân duyên vãng sanh trăm ngàn vạn kiếp khó mong có được vô cùng trọng yếu. Làm người bà con nếu biết phát tâm vì họ niệm Phật, giúp họ vãng sanh lìa khổ đặc lạc, đây thật sự là hiếu đạo xuất thế, hiếu thế gian không thể sánh bằng.

Với việc hỏa táng sau khi chết sách này chưa có đề cập. Nhân việc hỏa táng người tại gia hay xuất gia đều có sử dụng. Trong các Tông lâm lớn thông thường sau khi chết bảy ngày mới cử hành pháp hỏa táng. Ngoài ra các chùa am nhỏ số ngày không nhất định, thậm chí có nơi buổi sáng mới chết buổi chiều đã đem hỏa táng. Vấn đề hỏa táng này chúng ta cần phải hiểu rõ ngõ hầu tránh những sự sai lạc. Tôi xin phân biệt như sau.

Người chết cũng có tánh chất thời tiết nóng thời tiết lạnh khác nhau, như gặp thời tiết lạnh trong thời gian bảy ngày cơ thể vẫn chưa biến đổi, nếu chưa quá bảy ngày mà đã hỏa táng sợ rằng người đó vẫn còn thống khổ. Như gặp thời tiết nóng mới trải qua một ngày các lỗ chân lông đã rỉ máu e đợi qua bảy ngày không thể để được. Căn cứ vào đó mùa nóng người chết tuy chưa qua bảy ngày cũng không có sự thống khổ.

Tôi nhớ lúc mới xuất gia ở Long phụng nam, Quảng xương tỉnh Giang tây có Viên minh Thượng nhân buổi sáng tháng tư năm đó viên tịch, Tăng chúng sau khi tắm rửa thay y phục đỡ Ngài dựa vào ghế. Lúc đó đệ tử là Thánh kim xem lịch thưa với chúng : “Hôm nay là ngày hỏa táng thầy tôi rất tốt”. Rồi sau giờ ngọ trai bèn đi quan đến lò thiêu cử hành pháp hỏa táng. Lúc đó tôi có việc sang chùa Đại thừa mấy hôm sau mới trở về, nghe chư Tăng kể lại khi hỏa táng thấy hai cánh tay của Thượng nhân bỗng từ từ đưa lên cao.

Sau tôi trú chùa Thừa ân ở Nam xương, vào rằm tháng tám năm đó có một vị Tỳ kheo viên tịch. Giám viện chùa là pháp sư Hiền mật dùng gỗ đóng quan tài liệm Tỳ kheo và cử chúng luân phiên niệm Phật. Ngày mai sau buổi tiểu

thực bèn đi quan ra khu đất trống ngoài chùa để hỏa táng. Tôi theo đại chúng nhưng chỉ đưa ra khỏi cổng chùa rồi trở về. Sau nghe sư Giám viện kể ngay khi hỏa táng thấy hai tay của vị Tỳ kheo này xô mạnh bên hông quan tài hai bên hông đồng lúc buông ra.

Quán sát hai câu chuyện trên chúng ta có thể biết, nếu không phải mùa nóng người chết chưa qua bảy ngày vẫn còn sự thống khổ. Do vậy chẳng những không được vãng sanh mà e họ sanh tâm sân hận tất đọa vào Địa ngục. Phàm con người có chút tâm từ bi thấy cảnh đó ai mà chẳng thương xót.

Lại khi tôi ở núi Bách trượng gặp một vị Tỳ kheo tên Đức Nhã, vị này tự kể lại câu chuyện sau. Năm ngoái vị đó ở Lê xương bệnh nặng chết đi một lúc, chư tăng đã tắm rửa thay quần áo đặt tạm trên giường và luân phiên niệm Phật. Sáng mai bỗng nhiên tỉnh lại.

Tôi hỏi: “Thầy có thấy cảnh giới gì không?”. Vị đó đáp : “Tôi thấy có một người đang đi sang sông, tôi cố ý đi theo bỗng nhiên nghe tiếng quát: Về đi, đừng qua sông nữa” Tôi giật mình mà tỉnh dậy, bảy giờ chư Tăng đang niệm Phật thấy tôi hỏi dương, ai nấy đều sanh tâm hoan hỷ hỏi rằng : “Ông đã chết một ngày rồi ông có biết không?”.

Lại khi tôi ở núi Phổ đà nghe pháp sư Duy sùng (mọi người thường gọi là Quý vương) ở núi Liên hoa tỉnh Giang tây, tháng mười năm đó chết đi sáu ngày. Ban đầu để ở liêu Như ý ba ngày sau đó đưa đến lò thiêu ba ngày, vào nửa đêm thứ sáu bỗng hồi dương không ai hay biết. Sáng hôm sau các pháp sư Thông huệ... đến hỏa táng, lúc sắp châm lửa bỗng nghe tiếng nói : “Tôi chưa chết các vị đừng thiêu tôi”. Pháp sư Thông huệ thất kinh : “Quý vương ông đừng dọa người khác”. Duy Sùng đáp : “Sur Thông huệ tôi thật chưa chết mà không thể thiêu được” . Mọi người nhân đó bèn mở cửa lò đem về chùa điều dưỡng không bao lâu trở lại khỏe mạnh.

Bảy năm sau vào tháng sáu Duy sùng đến triều bái Phổ đà, sẵn lúc ông ta lên núi tôi tìm đến hỏi thăm. Đem chuyện đó ra hỏi ông ta đáp : “Chuyện đó hoàn toàn là có thật”. Tôi hỏi : “Ông có thấy gì không?”. Ông ta đáp: “Tôi thấy một cánh cửa lớn có rất nhiều người đi vào, tôi cũng theo họ cùng vào. Bảy giờ người giữ cửa ngăn lại không cho vào. Tôi bỗng nhiên tỉnh giấc thấy rõ hai bên vai vô cùng lạnh, đưa tay sờ quanh đều thấy là ván gỗ, nhìn xuống thấy đầy than củi, mới biết mình đang ở trong lò thiêu. May nhờ chư Tăng đem về điều dưỡng mới được khỏe mạnh”.

Quan sát hai câu chuyện trên chúng ta có thể biết được, người chết trong vòng bảy ngày vẫn có thể từ Âm ty trở về. Sau nghe từ khi Duy sùng hồi dương sống thêm được mười mấy năm nữa, nếu như hỏa táng sớm ông ta có sống lại cũng không được. Việc này nên cẩn thận!

Tóm lại, nội dung toàn bộ quyển sách này dành thuật lại phương pháp trợ niệm con người lúc lâm chung không luận Tăng hay tục đều cần phải biết. Do đó quyển sách có tên là “Lâm chung những điều cần biết”. Quả thật tên đặt đúng nội dung chủ trương của quyển sách. Cầu mong mọi người sau khi đọc cuốn sách này phát tâm niệm Phật, sớm thoát ly Ta bà mau sanh về Cực lạc. Được như thế thì thật không phụ công của pháp sư Thế liễu một phen vì tâm đại từ bi mà biên soạn.

Ngày vía Địa tạng năm Ất mùi Phật lịch 2496

Linh nham chúc phạn Tăng hiệu Liễu nhiên viết lời bạt.

---o0o---

B. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG NHẤT TRONG CUỘC ĐỜI

Pháp Sư Tịnh Không

LỜI MỞ ĐẦU

Con người vốn do tâm thức và thể xác hòa hợp thành, tâm thức không biến hoại nhưng thể xác thì biến hoại tuân theo quy luật sanh lão bệnh tử. Mỗi khi tâm thức rời khỏi thể xác hơi thở không còn hơi ấm tiêu tan đời sống chấm dứt gọi là chết, sự thật thể xác có chết nhưng tâm thức thì không mất.

Khi hơi thở người bệnh không còn nữa tâm thức không phải lúc đó đã rời khỏi thể xác. Vậy ngay khi người bệnh chấm dứt hơi thở tâm thức bao lâu thì rời khỏi thể xác? Nhanh lắm là ngay sau khi mới chết chậm lắm là một hai ngày. Trên thực tế trường hợp nhanh và chậm rất ít xét chung là khoảng từ mười đến mười hai giờ đồng hồ thần thức sẽ rời khỏi thể xác. Đôi khi người bệnh đã chấm dứt hơi thở trong khoảng một vài ngày đột nhiên sống lại việc đó do hai nguyên nhân. Một là thần thức chưa rời khỏi thể xác hai là thần thức đã rời nhưng nhập trở lại.

Căn cứ trên thực tế đã xảy ra, vì thế chúng ta đối với việc lớn lâm chung ngàn vạn lần nên thận trọng. Người đời nhận thức sai lầm cho rằng người bệnh sau khi hơi thở chấm dứt là chết, ngay đó bèn khám nghiệm tử thi va chạm khiến người bệnh phải chịu vô vàn sự thống khổ. Nhân đây, quyển sách nhỏ này sẽ cung cấp các kiến thức thông thường khi lâm chung, đề kêu gọi mọi người trong xã hội đối với việc trước và sau khi chết cần nên để ý và làm cho đúng pháp.

Thể xác thì biến hoại nhưng tâm thức không bao giờ mất. Gia đình nên chú trọng tâm thức của người chết, cần làm cách nào để thần thức không thống khổ; cần làm cách nào để có sự an tịnh; thần thức có những nhu cầu gì; cần tiếp dẫn thần thức đi về thế giới nào; cần làm việc gì để thần thức có lợi và tránh những việc gì gây tổn hại cho thần thức... Các vấn đề nêu trên là vô cùng quan trọng.

Người đời tuy có kiến thức sâu rộng nhưng đối với việc lớn lâm chung thì hoàn toàn không biết. Họ thường bảo : “Con người khi hơi thở chấm dứt là chết, chết là hết là đoạn diệt đó là lẽ tự nhiên”. Họ chỉ lo làm cách nào để tang ma to lớn, mọi người khen ngợi mà chẳng quan tâm đến sự lợi ích của người chết. những nhận thức của việc làm nông nổi này khiến người chết vô cùng bị ai thống khổ, việc làm như thế không phải là người có trí tuệ.

Họ không biết hơi thở tuy không còn nhưng thần thức người chết vẫn chưa rời thể xác, người chết không chỉ còn ở trạng thái hấp hối có cảm giác mà cảm thọ của họ lúc này tốt cùng đau đớn như rùa bị lột mai. Do đó, trước khi thần thức chưa rời thể xác người bà con cần đặc biệt quan tâm, nên đem những lời Phật pháp khai thị, với âm thanh trong trẻo dịu dàng để an ủi người bệnh khiến cho tâm họ được an lạc và có chỗ quy hướng.

Cho nên khi người bệnh vừa mới chấm dứt hơi thở, bà con không được di chuyển thân thể không được bị ai khóc lóc khiến thần thức người bệnh phải bị lụy. Đồng thời phải nên để tâm suy nghĩ giờ này thần thức đang ở đâu? Cần biết thần thức sẽ tùy theo nghiệp lực thiện ác để cảm thọ cảnh giới khổ đau hay hạnh phúc nào? Cần làm cách nào để tiếp độ thần thức ra khỏi ba cõi đạt đến sự an vui Niết bàn tịch tịnh? Những việc này người đời hoàn toàn không hay biết.

Người đời không biết lúc nào thần thức rời khỏi thể xác; không biết xót thương nỗi thống khổ của người chết; không biết tác dụng của việc cứu độ;

không biết tầm liệm đúng cách thức... Nói cách khác, đối với người chết việc cần làm thì họ không làm việc không nên làm thì họ lại làm, có thể nói không quá đáng đó là hạng người điên đảo không trí. Đối với vấn đề quan trọng “Chết” họ quy về thái độ bàng quang không hay biết, đã phụ ơn bà con lại phụ ơn hiếu đạo, chỉ làm cho xong việc cam tâm biến thành nhận thức sai lầm, như thế người sống đối với người chết há không phải là quá lạnh lùng hay sao?

Nhân đây, quyển sách này gióng lên những lời kêu gọi thống thiết : “Chết” là việc lớn nhất của đời người, chỉ có y cứ vào Phật pháp mới có được sự nhận thức chính xác mới có được sự lợi ích triệt để đối với người chết. Các vị nhân sĩ nếu có chỗ nào hoài nghi nên thân cận các vị pháp sư để thưa hỏi, không những giải nghi mà còn nâng cao tầm nhận thức làm kiên cố tín tâm. Sự việc liên quan đối với người chết chúng ta không thận trọng hay sao? Nay tôi đem các yếu điểm của việc trước và sau khi lâm chung xin biện giải một cách rõ ràng.

---o0o---

I. HƠI THỞ CHẤM DỨT NHƯNG THẦN THỨC VẪN CHƯA RỜI THỂ XÁC

Người bệnh sau khi hơi thở chấm dứt nhưng thần thức vẫn chưa rời thể xác nên họ vẫn còn tri giác. Phải trải qua một thời gian đến khi toàn thân lạnh hẳn thần thức rời thể xác ngay đó mới được gọi là chết.

Sau khi chấm dứt hơi thở trước khi thần thức chưa rời thể xác, thời điểm này tâm thức vô cùng thống khổ. Bởi do cảm thương thân phận đã chết mà rơi nước mắt; cũng nhân tham luyến thế gian thương yêu vợ con tài sản mà khó buông bỏ; hoặc nhân tâm nguyện chưa thành đột nhiên cái chết đến mà bị ai sâu não; hoặc nhân oan ức chưa bày tỏ mà không chịu nhắm mắt, vì thế vào thời điểm này là thời điểm mà mọi sự bi ai khổ não chồng chất. Nếu thể xác bị người sống xô dịch hoặc nghe tiếng kêu khóc, há chẳng làm cho thần thức muôn rời thể xác nhưng không rời được cảm thọ nỗi đau đớn vô vàn. Người sống nữ nào lại nhẫn tâm như thế để làm hại người chết hay sao?

Người đời phần nhiều không hay biết cho rằng con người khi hơi thở chấm dứt là chết, do sự ngộ nhận này mà kết thành đại họa. Cho nên với những việc làm có hại bà con và con cháu hiếu thuận không thể không biết để tránh.

Lấy việc xê dịch thể xác người chết mà nói, chỉ cần người bệnh vừa mới chấm dứt hơi thở ngay đó bị ai khóc lóc hoặc sờ mó cơ thể mà kêu gào, hoặc tự ý chuyển đổi thể nằm, hoặc trước khi thân thể chưa lạnh hẳn mà vội tắm rửa thay quần áo, hoặc tiêm thuốc hồi dương, hoặc tiêm thuốc đề phòng thân sinh thối, hoặc mới chấm dứt hơi thở đã tống vào nhà xác, hoặc ngay trong ngày đã tắm liệm, hoặc mới hai ba ngày đã hỏa táng ... Tất cả những việc làm tàn nhẫn này, vì thân thức chưa rời thể xác nên người chết vẫn còn cảm giác vẫn phải cảm thọ tận cùng của sự thống khổ. Người sống làm các việc như thế tác hại đối với người chết không nhỏ khiến họ lâm chung thống khổ đọa lạc, thế là từ chỗ thương yêu mà trở thành tàn hại như thế không đáng sợ hay sao.

Không biết rằng lúc thân thức chưa rời thể xác, người chết vẫn có sự thống khổ đồng như người sống. Người sống còn có thể kêu la cầu cứu kháng cự lại; còn người chết lúc này tuy vô cùng đau khổ nhưng không có cách nào kêu cứu kháng cự khiến họ nổi tâm sân hận. Người thế gian không hiểu một số vấn đề bình thường khi lâm chung khiến dẫn đến một số hậu quả bi thảm như thế há không đau đớn lắm sao. Người bệnh do sự thống khổ nên sanh tâm sân hận khiến thân thức đọa lạc trong ác thú, thế mà kẻ làm con hiền cháu thảo vẫn cứ dửng dưng không hay không biết.

Nhân đây tôi xin kêu gọi mọi người, với người bệnh sau khi mới chấm dứt hơi thở trước khi thân thức chưa rời thể xác, trong khoảng thời gian từ mười đến mười hai giờ đồng hồ, phòng người bệnh nên duy trì sự yên lặng không có các việc chuyển động như trên đã nói, để bảo hộ thân thức người chết được yên tịnh và an ổn. Tư thế người bệnh nằm nên để tự nhiên không được xê dịch.

Sau khi toàn thân lạnh hẳn, chúng ta lấy vải cũ nhúng vào nước nóng rồi hóp vào các bộ phận cong rút của cơ thể khiến cho mềm mại. Còn bằng trong khoảng thời gian trước mười đến mười hai giờ đồng hồ, chúng ta không nên dùng tay thăm dò hơi nóng không được để mào chó va chạm, trong phòng bệnh không được nói chuyện tạp hoặc khóc lóc. Cần vận dụng trong khoảng thời gian này có biện pháp cứu độ hướng dẫn thân thức người bệnh hướng đến cảnh giới an lạc làm cho họ được vắng sanh Tịnh độ hưởng thọ mọi điều vui, đây là trách nhiệm của người bà con cũng là việc làm đúng hiểu đạo của con cái đối với người quá cố.

II. THẦN THỨC LÚC NÀO MỚI RỜI THỂ XÁC

Thần thức rời thể xác nhanh hay chậm cùng với nghiệp lực con người tạo ra có mối quan hệ trực tiếp. Nói một cách đơn giản, người nghiệp lực cực thiện hay cực ác cho đến người được vãng sanh thì thần thức rời thể xác rất nhanh. Còn hạng phổ thông bình thường việc thần thức rời thể xác chậm hơn. Ví như người khi sống có tâm hiếu dưỡng cha mẹ nhân từ bất sát giúp đời cứu người...bởi nghiệp nhẹ nên khi chấm dứt hơi thở, thần thức trực tiếp sanh về cõi lành (Nhân đạo, Thiên đạo). Lại hạng người khi sống nham hiểm độc ác ngỗ nghịch bất hiếu sát sanh hại vật... do vì nghiệp nặng nên khi mới chấm dứt hơi thở, thần thức trực tiếp sanh về cõi ác (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh).

Còn người sanh tiền phát tâm niệm Phật lâm chung mong cầu từ lực Phật tiếp độ; hoặc tu thiện định chứng Vô sanh pháp nhãn đã ra khỏi Tam giới. Hạng người đó sẽ biết trước giờ chết, thân không bệnh khổ tâm không phiền não vui vẻ niệm Phật hoặc nhập định mà rời thể xác, trực tiếp vãng sanh Tịnh độ hay chứng đắc Thánh quả hưởng thọ vô lượng điều vui. Còn lại hạng người phổ thông bình thường nghiệp lực không thuộc cực thiện hay cực ác, thần thức rời thể xác sẽ chậm hơn. Thời gian nhanh và chậm có khác nhau, do đó ước định từ khoảng mười đến mười hai giờ đồng hồ sau khi người bệnh chấm dứt hơi thở là vậy.

Sau khi thần thức đã rời thể xác trước khi chưa thọ thân quả báo đời sau, trong khoảng thời gian này thần thức sẽ thọ thân trung âm. Có người sau khi thọ thân trung âm chỉ qua một hai ngày thì thọ thân quả báo đời sau có người một hai tuần thọ thân quả báo đời sau, nhưng tối đa là bảy tuần quyết định sẽ có chỗ cho thần thức thọ sanh.

Nói chính xác, chỗ thần thức rời thể xác là phần lạnh sau cùng của cơ thể, nhưng tối kỵ việc dùng tay thăm dò hơi nóng trên thân thể người chết. Vì thế, từ khoảng mười đến mười hai giờ đồng hồ là có liên hệ tình hình như bài trên đã nói. Nhưng nên xem thời tiết nóng hay lạnh hoặc địa phương có thích nghi hay không thích nghi, rồi ước lượng khả năng mà đem thời gian thăm dò hơi nóng người chết co lại hoặc kéo dài một chút đều có thể được.

---o0o---

III. THẦN THỨC RỜI THỂ XÁC ĐI VỀ ĐÂU

Không gian không ngăn mé gọi là vũ, thời gian không cùng tận gọi là trụ. Ở trong khoảng vô cùng vô tận của vũ trụ, tất cả thân thức đều có sự tiếp xúc với các cảnh giới mà cảnh giới đó cũng vô lượng vô biên. Nói khái quát, cảnh giới Thánh nhân có bốn cảnh giới phàm phu có sáu. Tâm thể của mười cảnh giới này vốn đồng, nhưng vì sự mê ngộ nhiễm tịnh của mỗi loài bất đồng mà hình thành phàm Thánh, giải thoát hay trói buộc ngàn muôn sai biệt. Đây là nói việc làm Thánh hay phàm, hoặc hưởng thọ khoái lạc giải thoát tự tại, hoặc lãnh thọ thống khổ nghiệp chướng trói buộc đều do tự tâm cảm thành tự tâm là chủ tể.

Nhưng nay là thời Mạt pháp nếu hoàn toàn nương vào tự lực mà mong cầu chứng ngộ, vạn người tu khó được một hai người. Chúng sanh thời nay phần nhiều si ám mê nhiễm hư vọng điên đảo nghiệp trọng phước khinh chướng thâm huệ thiêm, như thế thì không mãi mãi trôi lăn trong Tam giới hay sao?

Đức Thích Ca Thế tôn nhân đó xót thương nên đặc biệt mở ra pháp phương tiện, chỉ bày pháp môn niệm Phật rất đơn giản mà dễ thành tựu. Ngài dạy rằng ở thế giới Tây phương có đức Phật A Di Đà, vị Phật đó nguyện lực rộng lớn, không luận là người thượng trí hay kẻ hạ ngu người hiền lương hay kẻ độc ác, chỉ cần hồi đầu hướng thiện phát tâm tín sâu nguyện thiết thành khẩn xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật một lòng cầu nguyện vãng sanh thế giới Cực lạc, khi mạng chung Phật và Thánh chúng sẽ đến tiếp dẫn. Người đó ở trong khoảng một niệm liền được vãng sanh, vĩnh viễn thoát ly nỗi thống khổ luân hồi mãi mãi thọ hưởng sự an vui thắng diệu.

Nhân đây, tôi xin diễn bày pháp cứu độ trước và sau khi lâm chung ứng dụng vào thời điểm nguy ách này. Ngoài việc không được xê dịch cơ thể không bị ai khóc lóc ra bà con và bạn bè ở trong phòng bệnh nên giữ yên lặng để tâm và cảnh an tịnh, nên vì người bệnh mà đồng thanh xưng niệm Phật hiệu A Di Đà để dẫn dắt thân thức người bệnh nghe danh hiệu Phật, sanh lòng hoan hỷ, trong tâm duyên theo tiếng niệm Phật, tâm cảnh người bệnh sẽ khai sáng có cảm giác an toàn một lòng cầu sanh nước Phật, quyết định được vãng sanh thế giới Tây phương Cực lạc.

---o0o---

IV. NGƯỜI BỆNH CẦN NÊN CÓ NHẬN THỨC

Tất cả các pháp trong thế gian đều do nhân duyên mà sanh huyễn hóa mà có. Bởi do nhân duyên hư vọng hòa hợp mà có sanh, nhân duyên hư

vọng biệt ly mà có diệt. Duyên tụ thì duyên tán thì duyên không. Cho nên tất cả các pháp từ xưa đến nay chẳng khác nào như bóng trên mặt nước, cảnh hiện trong gương, lửa xẹt điện chớp, tựa như nhậm mắt thấy hoa đốm giữa hư không. Thân tứ đại này vốn bọt bèo duyên chất không bền, già suy bệnh chết khổ không vô thường. Đó là quy luật tất nhiên của sanh diệt biến dị đời đời trong sát na không dừng. Cho nên cuộc đời con người rốt cùng cũng có một điểm cuối, thế gian chỉ là quán trọ ven đường ta chỉ là kẻ lữ khách tạm nghỉ chân đôi chút mà thôi.

Đời người vài mươi năm, không những đã ở trong vòng danh lợi vật dục, được mất hơn thua, hội hợp chia ly, oán tắng ái biệt, thiên tai hỏa hoạn, sanh kế bức bách, phiền muộn lo toan, thù địch oán đối mà còn đời đời kiếp kiếp bỏ thân này lại thọ thân khác, nhân quả nối tiếp kiếp mãi xoay vần không thoát ngoài tứ sanh, trầm luân ngũ thú, trong cảnh huyễn sống huyễn chết vạn khổ chồng chất, thân tâm huyễn thọ sự thống khổ như thế nhưng chưa bao giờ có sự tỉnh ngộ.

Nên nghĩ tất cả các pháp trong thế gian đều là sanh diệt vô thường, đều là mộng huyễn không thực. Lại nghĩ nỗi thống khổ của ba ác đạo dễ vào mà khó ra, cõi người thì trước ác, phước trời thì dễ hết nhưng nghiệp nhân mỗi khi đã tạo khó mà tránh khỏi. Giả sử bị trầm luân trong ba cõi thì uổng thọ sanh tử luân hồi không có hạn kỳ. Vì thế chúng ta nên tinh tấn nhanh chóng hồi đầu, đem tất cả việc nhà thầy đều buông bỏ, đối với các pháp đều không tham luyến mà một lòng quy hướng về với Phật A Di Đà cầu nguyện vãng sanh thế giới Cực lạc.

Mỗi niệm mỗi niệm đều kiên cố đến khi mạng chung nhất định sẽ được Phật hiện thân đưa tay tiếp dẫn. Nghĩa là đức A Di Đà Phật cùng với Thánh chúng đồng đến đón tiếp, trong khoảng khảy móng tay liền được vãng sanh thế giới Di Đà thanh tịnh. Từ đây siêu phàm nhập Thánh thần thông tự tại thọ mạng không cùng, ra khỏi Tam giới thoát hẳn sanh tử, đây là hạng người có đại trí tuệ. Hoặc như mạng sống chưa hết thì nhờ công đức niệm Phật, quyết định tiêu trừ tội chướng thọ mạng thêm bền

Nếu thấy bệnh tình của mình mỗi ngày mỗi nặng nên dặn dò phó thác mọi việc cho người nhà, như có người nào đến thăm đều xin họ vì mình niệm Phật không nên cùng họ nói chuyện tạp. Công đức niệm Phật là bất khả tư nghĩ. Kinh nói : “Niệm một câu A Di Đà có thể tiêu trừ các tội nặng trong nhiều kiếp sanh tử. Niệm một câu A Di Đà Phật, trên thấu đến trời Hữu đánh dưới chí đến ngục Phong luân, chúng sanh nhiều như cõi vi trần thầy đều

hưởng thọ sự lợi ích”. Do đó, công đức niệm Phật có thể siêu thoát quỷ thần có thể cứu độ được thân trung ấm. Nếu khi bệnh nặng thấy các oan hồn quỷ dữ đến khủng bố, hoặc biến thành các cảnh ưa thích để dụ dỗ, lúc đó chỉ nên thành khẩn niệm A Di Đà Phật, tà ma quỷ dữ nghe tiếng niệm Phật có thể siêu thoát hoan hỷ mà đi. Nhân đây, nhờ niệm Phật mà oán kết được hóa giải nghiệp chướng sớm tiêu trừ, bản thân rất thuận lợi vãng sanh thế giới Cực lạc.

Người niệm Phật là hoàn toàn nương nhờ vào nguyện lực đại bi của Phật A Di Đà nhiếp thọ. Vì thế nếu chúng ta một lòng xưng danh hiệu Phật thì trong ao thất bảo ở Tây phương có hiện ra một đóa hoa sen đề tên họ chúng ta, ngày kia khi chúng ta mạng chung sẽ thác sanh trong đóa sen đó. Nếu ở Ta bà này niệm Phật tinh tấn không giải đãi thì hoa sen ở Tây phương phóng ra bốn tia sắc báu ngày càng thêm rực rỡ. Thế giới Cực lạc sự thanh tịnh thù thắng trang nghiêm vi diệu, lầu các đều do bảy báu tạo thành, các báu kỳ dị thanh nhã hương khiết, ao báu nước bát công đức tẩy trừ tâm cấu bản, nhạc trời thường trỗi không đánh tự kêu, khí hậu không nóng không lạnh điều hòa thích nghi, cơm ăn áo mặc tùy ý hiện bày, chim báu rực rỡ hát ra diệu âm diễn nói lý khổ, không, vô thường, vô ngã, gió hiu hiu thổi cây báu giảng bày đều diễn nói vô lượng pháp âm vi diệu, sáu căn thanh tịnh không có các khổ, mọi trần lao cấu nhiễm tự nhiên tiêu trừ, trí tuệ thâm tiến đạt sâu thực tướng, thân thông tự tại mạng sống không cùng không còn các khổ chỉ hưởng thọ các điều vui .

Hạng người sau khi chết chỉ mong bà con vì mình làm Phật sự để siêu thoát, hoặc làm đám lớn cho dễ xem mà không biết khi sống nương vào bản thân tu học để cầu giải thoát chứng Thánh đạo là dễ, còn sau khi chết nương vào bà con làm công đức để cầu siêu thoát là khó. Giả sử bà con, con cái có tâm chí thành cung kính mời các vị cao Tăng đến làm Phật sự, lễ bái sám hối cầu Phật gia bị tất cả công đức đó trong bảy phần người chết chỉ hưởng được một phần, sáu phần công đức còn lại là thuộc về người sống cho đến thuộc về người xuất gia làm Phật sự.

Vì thế trước khi lâm chung, người bệnh nên vì bản thân mình mà làm tất cả mọi công đức, lúc đó bản thân sanh tâm hoan hỷ, tâm chí thành, tâm sám hối, tâm niệm Phật, bản thân đã biết rõ nương vào sức gia bị sẽ đạt được sự lợi ích rất lớn, rất dễ cứu độ. Tốt nhất là khi thân thể còn khỏe mạnh cố gắng phát tâm tu phước huệ, tụng kinh lễ sám, trai giới niệm Phật. Hiểu rõ được lẽ thật của vũ trụ nhân sanh, phát nguyện lớn lập chí lớn, tu Thánh đạo thành

Thánh quả. Nhưng khi lâm chung có người khác trợ niệm lễ đương nhiên là vô cùng cần thiết.

Nên mở máy niệm Phật, người bệnh phải giờ giờ phút phút lắng nghe niệm theo hoặc lắng nghe niệm thầm. Nếu tai người bệnh thường huân tập tiếng niệm Phật, khí lực sẽ tĩnh lại có thể tịnh hóa thân tâm tăng trưởng duyên lành, trưởng dưỡng Thánh thai, trong ruộng tám thức thường gieo giống đạo. Lâm chung lại được người khác trợ niệm trợ thành việc lớn vãng sanh, thực là trong khi bệnh không thể thiếu người bạn đồng tu tịnh nghiệp.

---o0o---

V. NGƯỜI BÀ CON CẦN NÊN NHẬN THỨC

Nếu người bệnh bệnh tình quá nặng khó lành thuốc thang vô hiệu, gia đình nên mời các vị thiện tri thức đến khai thị cho người bệnh. Thiện tri thức nên đến trước người bệnh mà nói : “Cuộc đời vốn là khổ, không, vô thường, vô ngã, chỉ có thế giới Tây phương Cực lạc là cực kỳ trang nghiêm thanh tịnh. Con người dù giàu sang phú quý nhưng trong nháy mắt đã thành không. Cõi Tây phương thì sự khoái lạc vô cùng. Bà con nay sẽ vì ông mà đối trước Tam bảo lễ Phật sám hối, tụng kinh niệm Phật, bố thí phóng sanh ngõ hầu tăng trưởng phước đức cho ông”.

Giả sử người bệnh vui mừng phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh, cảm giác có sự an toàn tâm có chỗ quy hướng thì khuyến khích họ buông xả tất cả chuyên tâm nghe theo tiếng niệm Phật của người trợ niệm, hoặc chuyên tâm nghe theo Phật hiệu. Tâm người bệnh lắng nghe tiếng niệm Phật phải như con thơ nhớ mẹ một lòng quy hướng về Phật A Di Đà, lấy tín sâu nguyện thiết thành khẩn niệm Phật làm tư lương để cầu vãng sanh thế giới Cực lạc. Người bà con lại nên chí thành khẩn thiết vì người bệnh mà niệm Phật trợ niệm, cầu Phật lực gia hộ người bệnh nếu mạng sống chưa hết thì bệnh tình thuyên giảm tiêu trừ tật bệnh thọ mạng thêm dài, còn bằng mạng sống đã hết thì nhờ sức Phật tiếp dẫn sớm được vãng sanh. Nếu người bệnh do nghiệp chướng phát hiện mà sanh tâm chán ghét tiếng niệm Phật, lúc đó người bà con nên tụng vài ba bộ kinh Địa tạng, hoặc niệm danh hiệu Nam mô đại nguyện Địa tạng vương Bồ tát thì người bệnh có thể nghiệp chướng tiêu trừ sanh lòng ưa thích niệm Phật.

Người bà con không nên ở trước mặt người bệnh có nét ưu sầu thâm não để tránh người bệnh sanh khởi tình cảm luyến ái. Âm điệu niệm Phật không nên

xen lẫn bi ai để tránh người bệnh dẫn khởi tâm sầu thương mà mất chánh niệm. Bà con nhất định không được khóc lóc chỉ là tăng thêm tình ái trói buộc phiền não thông khổ, thậm chí làm cho người bệnh bực mình mà sanh tâm sân hận do tâm sân hận mà đọa ác đạo, như thế há chẳng làm sai lạc việc lớn vãng sanh của người bệnh hay sao.

Người bệnh khi sắp lâm chung bà con nếu có ăn thịt uống rượu không nên để cho người bệnh thấy, nếu không người bệnh dễ mất chánh niệm sẽ đọa vào Tam đồ ác đạo.

Nếu người bệnh hơi thở đã chấm dứt, do vì thần thức chưa lia thể xác nên lúc đó cơ thể người chết vẫn còn cảm giác, các vị lương y, người thăm viếng cần có thái độ cẩn thận nên nghe theo lời yêu cầu của gia đình. Trong thời gian mười đến mười hai giờ đồng hồ cần giữ sự yên lặng, đồng thời nên cung cấp khí lạnh hoặc nước đá để khí hậu phòng bệnh được mát mẻ. Lúc này cơ thể người bệnh không được di chuyển, không được đụng chạm các vật trong phòng. Đến như tư thế người chết nên để nằm tự nhiên sau đó dùng vải cũ nhúng nước nóng áp vào tay chân người chết thì cơ thể có thể mềm mại như khi sống.

Phòng bệnh phải tuyệt đối yên lặng không được cười giỡn nói chuyện tạp, nếu trước khi người bệnh chấm dứt hơi thở chưa kịp mời thiện tri thức đến khai thị thì lúc này mời ngay vị thiện tri thức đến bên tai người chết lớn tiếng khai thị (nội dung khai thị như đoạn trước). Tâm người chết còn có sự hiểu biết nhờ khai thị khiến họ có chỗ quy hướng tâm có nơi nương tựa. Bà con và bạn bè nên chia ban luân phiên niệm Phật, trước niệm đủ sáu chữ Hồng danh khoảng mười phút sau đó chuyển sang niệm bốn chữ Hồng danh “A Di Đà Phật” mỗi câu mỗi chữ phải rõ ràng phân minh.

Tốt nhất là mọi người nên hòa theo tiếng niệm Phật trong máy của pháp sư, trong tâm liền nghĩ tưởng cầu nguyện Phật A Di Đà từ bi phóng quang tiếp dẫn. Tiếng niệm Phật không được gián đoạn khiến cho thần thức người bệnh nghe được câu Phật hiệu liên tục rõ ràng, mới có thể sanh tâm hoan hỷ cảm ứng được nguyện lực của Phật, mà theo Phật vãng sanh thế giới Cực lạc. Có điều khi trợ niệm trong phòng bệnh nên tránh làm phiền nhiễu đến những người bệnh khác.

Một niệm sau cùng khi lâm chung là thời điểm quyết định cho việc siêu thăng hay đọa lạc. Một niệm sau cùng nếu là niệm lành thì sanh về cảnh giới nhân thiên, một niệm sau cùng nếu là niệm ác thì đọa lạc vào cảnh giới Tam

đồ, một niệm sau cùng nếu là niệm Phật thì vãng sanh về cảnh giới Tây phương. Một lòng niệm Phật là tâm lực, nguyện lực tiếp độ chúng sanh là Phật lực, sự cảm ứng là pháp lực. Ba lực bất khả tư nghị này dung hợp vào trong một câu Hồng danh, Phật A Di Đà sẽ tự nhiên trong tâm niệm Phật mà hiện thân tiếp dẫn, cho nên nếu tâm niệm sau cùng khi lâm chung là niệm Phật, người đó liền theo Phật vãng sanh về thế giới Cực lạc. Nhân đây, mục đích của bà con và bạn bè trợ niệm niệm Phật là hy vọng một niệm sau cùng của người bệnh là niệm Phật, theo Phật vãng sanh. Vì thế giờ phút lâm chung chúng ta trợ duyên người bệnh niệm Phật tức có sự diệu dụng thù thắng vô cùng.

Sau khi người bệnh chấm dứt hơi thở từ mười đến mười hai giờ đồng hồ, không luận là có vãng sanh hay không người trợ niệm đều nên luân phiên tiếp tục niệm Phật. Nếu thân thức người chết đã vãng sanh thì nhờ công đức niệm Phật có thể tăng cao phẩm vị. Nếu người chết do mất chánh niệm không được vãng sanh thì thân thức người chết ở trong khoảng thời gian bảy ngày, hoặc chậm lắm bảy tuần nhờ công đức trợ niệm mà càng mau siêu thoát. Bởi vì thân trung âm người chết vốn phiêu phiêu không định khổ sở trăm bề không nơi nương tựa. Trong thời gian sau khi chết đến bảy tuần, thân trung âm ở trong mỗi niệm mỗi niệm luôn mong ngóng người bà con cốt nhục vì mình mà tạo phước làm công đức để cứu bạt khổ nạn. Vì vậy lúc này người bà con, một mặt nên liên tục thay ban niệm Phật khiến thân trung âm nghe được tiếng niệm Phật mà được siêu thoát, giống như kẻ đói khát mà được uống nước cam lồ; một mặt cung thỉnh các bậc cao Tăng tụng kinh niệm Phật để cầu nguyện thân thức người chết mau được siêu thoát. Người bà con nên vì vong linh mà rộng tu phước huệ hồi hướng cho họ được tiêu trừ nghiệp chướng sớm được vãng sanh Tịnh độ.

Nếu người chết khi sanh tiền chưa từng biết Phật pháp, hoặc căn bản vốn không tin Phật pháp nhưng vì thân trung âm hiện đang rơi vào cảnh khổ nên họ rất mong ngóng được cứu độ. Do đó trong bảy tuần thất tiến vong là thời gian có thể chuyển hóa tâm thức mê lầm của họ. Ở trong thời gian quá độ nghiệp báo một đời chưa rõ ràng này người bà con nên vì người chết mà làm các công đức, vận dụng tâm chí thành tha thiết hồi hướng công đức cho người chết. Mục đích là chuyển hóa định nghiệp đọa lạc Tam đồ ác đạo của họ thành nhân tố vãng sanh Tịnh độ vĩnh viễn hưởng thọ mọi sự an lạc.

Sau khi mạng chung người bà con nên ở trong thời gian bảy tuần vì người chết mà tu tạo các công đức, bố thí phóng sanh cứu giúp kẻ nghèo đói, cúng

dường Tam bảo lễ bái sám hối tụng kinh niệm Phật, cầu Phật gia bị khiến người chết xa lìa nghiệp chướng vãng sanh Tịnh độ. Bà con và con cái nên lấy sự hiếu thuận sâu nặng và công đức chí thành tha thiết để niệm Phật, như thế hai bên kẻ sống người chết mới có sự cảm ứng mới có thể làm cho người chết cảm được công đức cứu độ.

Người chết thặng trầm trong khổ đau hay hạnh phúc trách nhiệm đó hoàn toàn tùy thuộc vào bà con. Tốt nhất là người bà con nên tránh đi tất cả những việc làm không có ý nghĩa mà chuyển thành những công đức cứu giúp kẻ nghèo khó... Vì thế không nên tẩm liệm những đồ quý giá, không cần phát tang to làm đám lớn, không nên tụ tập ăn uống linh đình, không nên quá chú trọng đến hình thức mà điều quan trọng là làm sao cho người chết đạt được sự lợi ích chân thật.

Trong thời gian bốn mươi chín ngày gia đình nên ăn chay niệm Phật đồng thời cử ngũ tân và cấm tuyệt sát sanh. Tang lễ đều nên cúng chay dọn chay cần làm các công đức để người chết tiêu trừ nghiệp chướng, sớm vãng sanh về thế giới thanh tịnh của Phật A Di Đà. Như thế người bà con không những đạt được phước đức vô lượng mà còn có thể cảm được thiện thần thường theo bên mình ủng hộ.

Cúng tế vong linh nên lấy việc niệm Phật làm chính bà con và bạn bè đều nên tham gia niệm Phật. Niệm Phật cứu độ người chết công đức rất lớn rất dễ làm rất tinh tế và có sự lợi ích chân thật. Có điều những người tham gia niệm Phật nên tránh ăn mặn uống rượu và cử ngũ tân.

Các chùa Thiện đạo, chùa Pháp vân, Hoa nghiêm Liên xã ở thành phố Đà Bắc đều có cho thỉnh máy niệm Phật, gia đình nên thỉnh về để mọi người hòa theo tiếng niệm Phật của pháp sư trong máy mà niệm. Muốn cho người chết đạt được sự lợi ích, gia đình ngoài việc tu tạo các công đức còn nên ngày đêm chia ban luân phiên niệm Phật, sao cho tiếng niệm Phật không gián đoạn, mong cầu Phật tiếp dẫn thần thức người chết vãng sanh Cực lạc. Chớ nên đốt giấy tiền vàng mã và chôn cất các vật dụng của người chết. Làm như thế chính là hy vọng người chết đọa lạc vào trong cảnh giới Nga quý. Gia đình cần nên nhớ điều này.

---o0o---

VI. VIỆC LÀM CỦA NHÀ MAI TÁNG CẦN CÓ SỰ CẢI TIẾN

Sau khi thần thức rời khỏi thể xác ngoại trừ những người có nghiệp lực cực ác hay cực thiện, hoặc vãng sanh Thánh đạo đều không phải trải qua giai đoạn thân trung ấm, còn lại hạng người phổ thông bình thường phần nhiều đều phải thọ thân trung ấm. Nay tôi xin nói rõ tình hình tại sao có một số người đã chết rồi mà sống lại, mong các vị để tâm tham khảo.

Thân trung ấm không nơi nương tựa phiêu phiêu không định, trong giai đoạn sau khi đã chết nhưng chưa có chỗ thọ sanh, hoặc chấp thân này là ta mà lấy đó làm đối tượng để thọ sanh, nếu tử thi chưa hoại có thể hồi dương trở lại. Có một số người hốt nhiên chết bất đắc kỳ tử nếu thọ mạng chưa đáng chết trong thời gian bảy ngày dưới âm ty trả về cũng có thể sống trở lại.

Lại có một số người vì phán đoán sai lầm, lúc người bệnh đang còn tình trạng hấp hối tâm chưa rời khỏi thể xác, thế mà người sống đối xử quá đáng với họ hoặc lập tức đem tử thi tổng vào nhà xác, hoặc ngay trong ngày đã vùi táng liệm, cho đến khi bệnh tình người đó giảm họ khỏe lại nhưng người khác vì không biết mà cho rằng người này chết rồi sống trở lại. Liên quan đến vấn đề người chết đi sống lại không những có ghi trong sách vở mà trong các bệnh viện, nhà mai táng đều có xảy ra cảnh người chết đi sống lại. Vì thế đối với việc lớn lâm chung chúng ta cần nên đặc biệt thận trọng.

Nhân đây, sau khi người bệnh chấm dứt hơi thở cho đến lúc táng liệm bà con đối với cơ thể người chết phải giờ giờ phút phút để tâm theo dõi, không luận thần thức đã rời thể xác hay chưa thấy đều nên đối xử như người đó đang còn ở trạng thái hấp hối. Đối với việc táng rửa thay quần áo người chết cho đến quá trình táng liệm người bà con cần phải trực tiếp trông xem. Tóm lại, từ khi người chết chấm dứt hơi thở cho đến lúc táng liệm bà con không được rời khỏi tử thi, nên thực tâm hiểu đạo “Theo hầu ở bên đích thân táng liệm”, đây là đạo lý muôn thuở. Nếu cho rằng nay là xã hội công nghiệp nên bỏ bớt các thủ tục rườm rà gây trở ngại, nhưng đâu có thể cho rằng xã hội công nghiệp là đem thân thể cha mẹ chết chưa lạnh mà tổng vào nhà xác hay nơi mai táng rồi không đoái hoài sao?

Các thành phố lớn trên thế giới đều có thiết lập nhà mai táng, gia đình người chết đối với mọi việc làm của nhà mai táng không nên quá tin tưởng khiến đang tâm làm cho người chết bị ngược đãi. Một số gia đình chỉ biết đem tử thi giao cho nhà mai táng, bản thân không quan tâm không để ý đến việc người chết phải chịu biết bao sự thống khổ. Gia đình và người phúng điếu chỉ quan tâm đám ma cho rình rang, người chết áo mũ cho chỉnh tề để táng liệm... mà không chú ý đến các việc trước và sau khi đưa tử thi vào quan tài.

Vì để hợp tình hợp lý đúng với sự hiếu đạo, hết thảy quá trình trước khi chết cho đến lúc tẩm liệm gia đình nên trực tiếp giám sát để tránh cho người chết khỏi phải chịu sự thống khổ; “Theo hầu ở bên đích thân tẩm liệm” là truyền thống văn hóa đạo đức của người Trung hoa là hiếu đạo luân thường cố hữu của con người.

Gia đình người chết nếu cho rằng cần nên tuân thủ theo các việc làm của nhà mai táng gia đình khỏi phải trực tiếp giám sát, đây quả thật là đại đại bất hiếu là hoàn toàn không phù hợp với tập tục tốt đẹp xưa nay của người Trung hoa. Nếu như nhà mai táng tự làm mà không có lương tâm nghề nghiệp đây không phải là tổn hại cho người chết lắm sao? Con cháu hiếu thuận há không cân cảnh giác mà yên tâm sao? Huống còn chạy theo một số hủ tục, có một vài nhà mai táng trước khi tẩm liệm họ dùng dao mổ bụng tử thi lấy nguyên phần ruột bên trong rồi độn mật cưa vải cũ vào. Hoặc dùng dao kéo mổ tử thi để tiện việc tẩy trùng. Cách đây mấy năm có một nhà mai táng ở xứ nọ bị gia đình khởi tố vụ cưỡng dâm xác chết.

Phàm các việc làm tàn bạo thảm hại này căn bản là do gia đình khi đưa tử thi vào không trực tiếp giám sát mọi việc làm của nhà mai táng. Còn nhà mai táng như thế chẳng khác nào cảnh Địa ngục ở trần gian? Nếu người chết thần thức chưa rời thể xác lúc này người chết vẫn còn có cảm giác như đang hấp hối, việc xử lý tử thi một cách tàn bạo của nhà mai táng há không phải là lò mổ hay sao? Tóm lại, không luận thần thức đã rời thể xác hay chưa với người chết chúng ta không được đối xử ngược đãi họ, nên lấy sự hiếu đạo của con người mà đặc biệt thận trọng việc này. Nhà mai táng ở các địa phương, việc làm của họ tuy không tận tình nhưng nếu gia đình trực tiếp giám sát quyết họ sẽ làm đúng quy củ.

Nhà mai táng là nơi mà tất cả mọi người đều phải trải qua, đây là công việc chung của xã hội; nhằm để tiêu trừ tội ác duy trì và bảo hộ sự hiếu đạo của con người, do đó mọi người không nên có tâm xem thường. Nhân đây, nhà mai táng ở các nơi nên mời các vị hiền nhân văn sĩ đóng góp các ý kiến để cải tiến, ngõ hầu kiến lập nội quy mô phạm cho mình. Tôi xin lược một vài ý kiến đối với các việc làm của nhà mai táng hiện nay mong các vị lưu tâm xét kỹ.

1. Tất cả mọi sự sinh hoạt cho đến phòng ốc, khuôn viên... của nhà mai táng chỗ nào còn thiếu thốn, người dân trong địa phương và chính quyền sở tại cần tạo điều kiện quan tâm giúp đỡ để cảnh quang được sạch đẹp.

2.Đối với người chết tuyệt đối không được làm các việc làm trái với sự hiếu đạo của con người.

3.Quá trình xử lý người chết của nhà mai táng nên công khai không được bí mật ngược đãi, gia đình người chết cần phải trực tiếp giám sát mọi việc làm của nhà mai táng đối với người chết.

4.Nếu gia đình có những ý kiến không đồng tình với việc làm của nhà mai táng trong quá trình xử lý người chết, nhà mai táng nên nghiên cứu cải thiện.

5.Nên lấy nguyên tắc phù hợp với sự hiếu đạo của con người để xử lý.

6.Trước khi tẩm liệm nên mời gia đình đến giám định mọi việc làm đối với người chết lấy đó làm nguyên tắc. Tại các thành phố lớn nên thiết lập thêm các nhà mai táng tăng thêm các bàn thờ vong để gia đình tiện việc cúng tế. Kêu gọi mọi người cần thực hành hiếu đạo “Theo hầu ở bên đích thân tẩm liệm”. Vì sự tiên bộ của xã hội nhà mai táng cần phải có đầy đủ nội quy mô phạm.

---o0o---

VII. SAU KHI CHẾT BẢY NGÀY MỚI CỬ HÀNH HÒA TÁNG

Việc hỏa táng có liên quan đến mùa nóng mùa lạnh không đồng, mùa lạnh trong bảy ngày xác chết vẫn chưa biến hoại nếu chưa quá bảy ngày mà đã hỏa táng sẽ xảy ra một số vấn đề; một là sợ thần thức chưa hoàn toàn rời khỏi thể xác; hai là lỡ có trường hợp người chết rồi hồi dương trở lại. Vì thế với mùa lạnh nên để sau bảy ngày tốt nhất là sang tuần thứ hai mới cử hành hỏa táng.

Mùa nóng xác chết rất mau sinh thối có thể quyết định sớm hơn. Một số nơi người chết mới chাম dứt hơi thở hai ba ngày liền cử hành hỏa táng, đây là việc làm vô cùng nguy hiểm và tàn nhẫn cần phải thận trọng. Người xưa từng nói : “Từ ba đến bảy ngày có khi thần thức vẫn chưa rời thể xác”, câu nói này là chỉ một số trường hợp đặc biệt nhưng chúng ta cũng nên lấy đó để cảnh giác.

---o0o---

VIII. MỌI Ý MUỐN CỦA MÌNH NÊN DẶN DÒ TRƯỚC CHO GIA ĐÌNH

Người lớn tuổi trong gia đình đừng nên cho rằng bàn luận về chuyện sống chết là không vui vẻ rồi kiêng kỵ mà không bàn luận, việc liên quan tới vấn đề trước và sau khi chết rất có sự lợi hại cho bản thân. Chết là vấn đề lớn mà mọi người không một ai có thể tránh khỏi, con cháu trong gia đình khi đến tuổi trưởng thành cũng đều phải hiểu rõ vấn đề sống và chết này.

Thời gian chóng qua tuổi thơ nháy mắt đã già yếu nên con người khi tuổi còn trẻ cần đem bản văn này để mọi người trong gia đình cùng tham khảo, mọi ý muốn của mình trước và sau khi lâm chung phải dặn dò rõ ràng với con cháu đó là thượng sách. Đối với một số người trẻ tuổi với việc sống chết họ không chút để tâm, người lớn nếu không đem những chủ trương của mình dặn dò trước với con cháu thì đến lúc lâm chung trong tâm tuy còn minh mẫn nhưng miệng không thể nói được, con cháu nếu xử lý các việc không như ý tâm sẽ khởi phiền não, thân thức sẽ oan uổng chịu phải những sự khổ nạn.

---o0o---

IX. NHÂN TỰ LỰC VÀ DUYÊN THA LỰC

Lâm chung niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ cần có đầy đủ nhân tự lực và duyên tha lực. Tự lực là chánh nhân để vãng sanh Tây phương, tha lực là trợ duyên để vãng sanh Tây phương. Nhân và duyên hòa hợp mới có sự cảm ứng thành tựu việc lớn vãng sanh.

Xét về phương diện tự lực, người nào khi bình thường có niềm tin về thế giới Cực lạc tin có Phật A Di Đà, ước nguyện được sanh về thế giới Cực lạc, ước nguyện được thấy Phật A Di Đà. Một lòng chí thành niệm Phật cầu sanh về Tịnh độ cầu thấy Phật A Di Đà. Câu câu chữ chữ từ tâm mà phát từ miệng mà khởi rồi vào trong tai, mỗi niệm mỗi niệm tương tục không có gián đoạn. Âm điệu hòa nhã nhu nhuyễn tiếng niệm Phật khẩn thiết chí thành. Niệm niệm có đủ tâm mong cầu câu câu đều nguyện vãng sanh Tịnh độ, cầu Phật từ bi nhiếp thọ mong Phật thương xót duỗi tay cứu độ.

Đức Di Đà thương nhớ chúng sanh chẳng khác nào như mẹ nhớ con, chúng sanh nào có tâm tín nguyện trì danh nhớ Phật niệm Phật như con nhớ mẹ, hai đàng có sự thương nhớ sâu nặng không lúc nào ngăn cách tất có sự cảm ứng

lẫn nhau người đó quyết sẽ được Phật nhiếp thọ. Không luận cảnh duyên thuận nghịch hay khổ vui ngay cảnh đó đều tuyệt hẳn ngoại duyên tâm không theo cảnh mà chuyển, ở trong mọi lúc mọi nơi đều chuyên cần trì danh niệm Phật thâm nhiếp cả sáu căn tịnh niệm nối nhau. Lâu ngày công phu sẽ thuần thực, đến khi lâm chung mới có thể buông bỏ mọi duyên đề khởi câu Phật hiệu. Lâm chung nếu chánh niệm hiện tiền tức sẽ được Phật tiếp dẫn, như trong khoảng khảy móng tay liền được vãng sanh về thế giới Cực lạc.

Người bệnh khi lâm chung người khác vì họ mà niệm Phật trợ niệm, một là có thể trợ giúp người bệnh đề khởi tâm niệm Phật, hai là có thể trợ giúp người bệnh sám hối nghiệp chướng. Nếu nghiệp chướng của họ tiêu trừ thì hoa sen báu và Thánh chúng tất cả mọi thắng cảnh Tịnh độ tự nhiên hiện tiền.

Người nào khi lâm chung có được tâm tín sâu nguyện thiết, có được tâm khẩn thiết chí thành niệm Phật như bình thường, người đó một niệm sau cùng là niệm Phật đó là nhân tự lực.

Người nào khi bình thường không có tâm tín sâu nguyện thiết chí thành niệm Phật, hoặc tuy có tâm tín sâu nguyện thiết chí thành niệm Phật nhưng công phu chưa được thuần thực, đến lúc lâm chung gặp được thiện tri thức khai thị mà sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm chánh tín phát nguyện cầu sanh, tâm chí thành niệm Phật đó cũng là nhân tự lực.

Đức A Di Đà thệ nguyện sâu rộng độ khắp các loài chúng sanh, thế giới Cực lạc thanh tịnh trang nghiêm đó là duyên tha lực.

Thiện tri thức khéo khai thị khiến người bệnh sanh tâm chánh tín, buông bỏ mọi duyên trần một lòng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Gia đình và liên hữu vì người bệnh mà niệm Phật trợ niệm, từ khi chấm dứt hơi thở cho đến mười hay mười hai giờ đồng hồ, lại không chuyển dịch cơ thể không bi ai khóc lóc đó cũng là duyên tha lực.

Nếu người nào khi lâm chung nhân tự lực và duyên tha lực cả hai đều đầy đủ thì sẽ có sự cảm ứng lẫn nhau, người đó nhất định sẽ được Phật tiếp dẫn, niệm trước vừa lâm chung niệm sau đã có mặt ở Tịnh độ. Nếu ai có sự ứng hợp nhân và duyên như trên thì vạn người niệm Phật vạn người vãng sanh.

Người nào thường ngày tuy có tâm tín nguyện niệm Phật nhưng đến lúc lâm chung vì bệnh khổ bức bách khiến tâm niệm Phật không đề khởi được, đề rồi khởi lòng tham luyến tình ái dục niệm thế gian cho đến vợ con tài sản, ý niệm tham luyến này buông không xuống, trường hợp này là không có nhân tự lực.

Người nào nếu lúc lâm chung chẳng có thiện tri thức đến khai thị cũng không có người niệm Phật trợ niệm, lại gặp gia đình không biết mà chuyển dịch cơ thể bị ai khóc lóc phá hoại chánh niệm, trong tâm người chết vô cùng phiền muộn nhưng không thể mở miệng nói được, do đó sự thống khổ phiền muộn càng tăng, trường hợp này cũng là không đủ duyên tha lực.

Người nào khi lâm chung có đủ nhân tự lực nhưng thiếu duyên tha lực, hoặc khi công phu niệm Phật thuần thực không cần phải người khác niệm Phật trợ niệm nhưng vì gia đình không biết mà chuyển dịch cơ thể bị ai khóc lóc khiến phá hoại chánh niệm, trường hợp này là có nhân mà không có duyên cũng không thể vãng sanh.

Người nào nếu khi lâm chung chỉ nương vào duyên thiện tri thức khai thị gia đình niệm Phật trợ niệm, không bị chuyển dịch cơ thể không bị ai khóc lóc nhưng bản thân vì bệnh khổ bức bách, hoặc tâm bị trói buộc vào sự tham luyến tình ái dục niệm thế gian vợ con tài sản mà buông không xuống, vì thế tâm tín nguyện niệm Phật không đề khởi được, trường hợp này là có duyên mà không có nhân cũng không thể vãng sanh.

Đức A Di Đà thệ nguyện sâu rộng như vàng trắng sáng tỏ không chỗ nào mà ánh trăng không chiếu. Chúng sanh phát tâm niệm Phật như ao trong yên tĩnh không động. Nước ao trong lặng thì bóng trăng tỏ hiện, tâm chúng sanh thanh tịnh thì chư Phật hiển bày. Người niệm Phật với công phu thuần thực sẽ cảm thông với Phật, người đó khi lâm chung nương vào nguyện lực của Phật quyết định sẽ được vãng sanh thế giới Cực lạc.

---o0o---

KẾT LUẬN

Chúng ta từ vô thi đến nay bởi một niệm bất giác mà chạy theo ngoại cảnh phan với duyên trần. Bởi sức nhân duyên si vọng huân tập khiến trong tâm sanh diệt niệm khởi phát sanh các món điên đảo, cho đến toàn thân thành vọng che đậy chướng ngại bản tánh diệu minh. Do vì tâm sanh nên các

pháp sanh do vì pháp sanh nên các tâm sanh, tâm cảnh níu kéo triển chuyển vô cùng. Bởi phiền não tham sân si phát từ thân miệng ý tạo thành hữu lậu khởi hoặc tạo nghiệp, nhân nghiệp mà cảm quả do quả mà nhân khởi, nhân và quả nối nhau không bao giờ có gián đoạn.

Vì thế chúng sanh đời đời kiếp kiếp bỏ thân này lại thọ thân khác lưu chuyển không hạn kỳ, mãi mãi trôi lăn nơi biển nghiệp luân chuyển trong Tam giới. Nhân đây, huyền hiện thăng trầm nơi sáu thú uổng thọ đại khổ của thân tâm, sự thống khổ bức bách vô cùng mà chúng sanh không hay không biết. Nên rõ, nhân vọng chấp mà có sanh vì sanh mà có diệt, sanh diệt gọi là vọng hết sanh diệt gọi là chân.

Bởi thấu tỏ được lý duyên sanh như huyền vọng niệm vốn không mà siêng tu Giới định tuệ để có ngày thể nhập chân như Phật tánh, thấy rõ được bản thể Bất động chặt đứt được sóng lớn sanh tử. Cũng ngay đây dứt hẳn vọng tưởng sanh diệt huyền hóa ngộ nhập thể tánh chân thật bình đẳng nhất như. Nhưng toàn nương vào sức tự lực để đoạn hoặc chứng chân phần bốn hoàn nguyên, ngộ hầu đạt mục đích xuất ly Tam giới liễu sanh thoát tử, trừ phi người nào đã trải qua nhiều kiếp tiệm tu tức thể đã lắm phen huân tập giống đạo, còn không thì tuy trải qua nhiều kiếp tu hành e rằng vẫn khó có thể chứng ngộ.

Duy có pháp môn Tịnh độ nương nhờ vào từ lực của Phật có thể đỏi nghiệp vãng sanh. Chỉ cần chúng sanh nào có tín sâu nguyện thiết chí thành niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là đều có thể vượt tất Tam giới không còn phải thọ thân đời sau. Cho nên lúc lâm chung niệm Phật cầu sanh thế giới Cực lạc đó là then chốt để siêu phàm nhập Thánh cũng là đường tắt mau chóng thành tựu Chánh giác, bỏ con đường tắt này thì không còn con đường nào an ổn hơn. Bởi tín nguyện trì danh là sanh lộ để liễu sanh thoát tử là phép mau để thoát khỏi nghiệp chướng buộc ràng. Lại dùng tịnh duyên tăng thượng mà mau chứng Vô sanh, tiếp lấy trí lực nguyện lực nhập vào trần lao mà bạt tế quần mê sanh tử.

Xét qua hai môn tự lực và tha lực thì tự lực tu hành phải nghiệp tận tình không mới phá được vô minh chứng pháp tánh, tất nhiên người tu phải trải qua nhiều kiếp mới thành chánh giác, việc khó và dễ thành Phật của hai môn khác xa trời vực. Cổ đức nói : “Chỉ thấy được Di Đà còn lo gì tỏ ngộ”. Vì vậy, chúng ta chỉ cần được vãng sanh Tịnh độ quyết định sẽ thấy Phật nghe pháp mở bày Tri kiến Phật. Nếu chứng được Vô sanh pháp nhãn được Phật thọ ký thì không khác gì được tăng cao Thánh vị. Từ đây tận cùng vị lai kiếp

thường hưởng thọ pháp lạc, thường ra vào trong mười cõi tuyên dương Chánh pháp, gắng sức tu hành nỗ lực hóa độ chúng sanh thực hành đạo lớn Bồ đề. Do đây, trong thì chứng Thánh trí để thoát ly sanh tử ngoài thì diễn bày vạn hạnh để thể nhập vào biển nguyện. Nhập Niết bàn nhưng không rời bỏ đại bi thường hành phương tiện độ người nhưng chưa từng ra ngoài bản thể.

Người học Phật nên lập chí nguyện lớn phát tâm Vô thượng Bồ đề mong cầu chứng được quả vị Vô sanh, sau khi được Phật thọ ký hưởng thẳng đạo lớn Bồ đề, dụng sức trí tuệ bi nguyện đi vào khắp biển khổ trần lao phiền não, khởi Vô duyên đại từ vận dụng Đồng thể đại bi bình đẳng làm lợi ích khắp tất cả chúng sanh, lấy Tứ nhiếp tịnh hóa chúng sanh sớm thoát khỏi Ta bà ngũ trược ác thế mau lên cõi phẩm nơi Cực lạc liên bang. Như thế, rộng độ khắp pháp giới chúng sanh trải qua cực vi trần số kiếp, viên tu vạn hạnh, viên mãn vạn đức bi trí song vận trí tuệ cụ túc mà chứng Vô thượng chánh giác, cũng ngay đó gọi là viên mãn Vô thượng đại Bồ đề. Đó là thành tựu mục tiêu cứu cánh “Thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh”. Đó là thay thế đức Như lai đảm nhận trách nhiệm độ thoát chúng sanh lợi khắp các loài hàm thức. Đó là bậc đại trọng phu thực hành Bồ tát đạo. Đó là chân tinh thần phát huy rực rỡ Đại thừa Phật giáo.

Biên soạn bản văn này chẳng có tánh chất thời gian chẳng có tánh chất phương sở, chỉ vì tất cả con người ở hiện tại và tận cùng vị lai mà đề xướng các kiến thức cơ bản trước và sau khi lâm chung. Mong các vị hiền nhân văn sĩ phổ biến rộng rãi bản văn : “Sự kiện quan trọng nhất trong cuộc đời” này. Mong cầu ở hiện tại và tận cùng vị lai có bao nhiêu người khi lâm chung đều được tiêu trừ nghiệp chướng xa lìa phiền não, trở lại nguồn tịnh tâm đồng lên bờ giác, đều được vãng sanh thế giới Tây phương Cực lạc của đức Phật A Di Đà.

Hoan nghênh các vị hiền sĩ đã đề xướng ấn tống tặng bản văn này cho người đọc ngõ hầu rộng kết tịnh duyên, triển chuyển lưu truyền khiến mọi người trong hiện tại và vị lai được hưởng sự lợi ích, công đức này vô lượng phước đức này vô biên, tổ tiên sớm được siêu thăng con cháu thấy đều được nhân từ hiếu đạo.

Tháng tư Phật lịch 2521

Pháp sư Tịnh Không

---o0o---

C. VÌ SAO CẦN LÀM PHẬT SỰ

Pháp Sư Thánh Nghiêm

LỜI TỰA

Quý vị vì các nhân duyên như truy tiền Tổ tiên để báo đáp thâm ân, hoặc siêu độ quyền thuộc để kỷ niệm người quá cố, hoặc gieo phước thọ mạng để cầu an tránh nạn... mà làm các Phật sự rất trang nghiêm và long trọng. Quý vị đã hao phí rất nhiều tài lực vật lực và nhân lực để thành tựu một nghĩa cử cao đẹp này. Có điều ý nghĩa của các việc làm Phật sự quý vị đã hoàn toàn hiểu rõ hay chưa đó là điều cần phải suy xét.

Mong quý vị nhín chút thời gian để tâm đọc hết quyển sách nhỏ này, lúc đó mọi việc làm Phật sự đã có ý nghĩa lại có công đức. Nhân vì nơi quyển sách nhỏ này sẽ hướng dẫn giới thiệu cho quý vị các yếu điểm như :ý nghĩa Phật sự, công đức Phật sự, vấn đề người chết, tánh chất vong linh cho đến các ý nghĩa của tụng kinh, bái sám, cúng cô hồn...

Nguyện cầu quý vị Bồ đề tâm kiên cố sở cầu như ý sở nguyện viên thành.

---o0o---

I. THẾ NÀO GỌI LÀ LÀM PHẬT SỰ

Nói theo nghĩa rộng, phạm làm các việc như tín ngưỡng Phật cầu thành Phật đều gọi là làm Phật sự. Phật dạy mọi người ai cũng đều có khả năng thành Phật, chỉ cần chúng ta đặt trọn vẹn niềm tin vào những lời Phật dạy y theo giáo pháp để thực hành tất tương lai quyết định thành Phật. Do đó, phạm vi chữ Phật sự có rộng có hẹp, cái gọi “Phật pháp vô biên” là theo nghĩa rộng mà nói, tức là có rất nhiều phương pháp để thành Phật, nơi đây không thể nào nêu ra hết được.

Đơn cử một vài việc Phật sự như lễ Phật, niệm Phật, làm lành lánh dữ, nói theo những lời Phật đã nói, làm theo những việc Phật đã làm. Cần làm được “Giữ tất cả tịnh giới không một giới nào mà không giữ, làm tất cả các pháp lành không một pháp lành nào mà không làm, độ tất cả chúng sanh không

một chúng sanh nào mà không độ”, Câu này có thể tóm lược là “Bỏ các điều ác, làm các việc lành”, đó không những là tích cực cứu mình mà còn tích cực cứu người.

Phật giáo chủ trương bước đầu để thành Phật là phải kiến lập nhân cách của con người cho hoàn thiện, do đó trước khuyên con người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo và không uống rượu. Ngũ giới của Phật giáo cùng với Ngũ thường nhân, lễ, nghĩa, trí, tín của Nho gia gần như tương đồng. Tiến lên một bước nữa là khuyến khích con người tu hành để trở thành bậc Thánh siêu xuất phàm phu. Thánh nhân theo quan điểm Phật giáo là chỉ con người đã giải thoát ra khỏi mọi khổ não hệ lụy của dân gian, như là sống và chết, già và bệnh, một vài cảnh giới sau khi đã giải thoát khổ não đó chính là mục đích tối hậu của Phật giáo.

Làm thế nào để đạt đến mục đích giải thoát sanh tử khổ não là cần phải tin tưởng vào những lời Phật dạy, nương theo đó để thực hành, tụng kinh xem kinh rồi làm theo những gì kinh điển đã dạy, đó là phương pháp để liễu sanh thoát tử cho đến thành Phật. Như thế, theo thật tế mà nói thì bản thân các vị đều đang làm Phật sự. Nhưng một số người không hiểu Phật pháp họ sẽ không có sự tu hành, gặp phải lúc cha mẹ người bà con họ chết, trong lúc không có biện pháp nào họ chỉ biết mời các vị xuất gia thay họ làm Phật sự, đích xác là vẫn có công dụng. Trong bản văn này sẽ giảng rõ hai chữ Phật sự phần lớn là chú trọng phương diện nghĩa hẹp để luận bàn.

---o0o---

II. THÌNH NGƯỜI XUẤT GIA LÀM PHẬT SỰ CÓ TÁC DỤNG NHƯ THẾ NÀO ?

Người xuất gia là người tu trì Phật pháp cũng là người hoằng dương Chánh pháp là chức nghiệp của người tu hành, là chức nghiệp của người hoằng pháp. Nhân vì, các vị đó làm Phật sự thì có công cho người mà cũng có đức cho mình, nếu chúng ta cung cấp nhu cầu đời sống để họ an tâm làm Phật sự tức chúng ta cũng có công đức. Vì thế Phật dạy Tăng Ni xuất gia là ruộng phước cho tất cả mọi người.

Xưa nay, chức trách của người xuất gia chẳng phải chuyên siêu độ người chết, thậm chí có thể nói đối tượng chủ yếu của người xuất gia cần siêu độ là người sống chứ chẳng phải là người chết, tuy nhiên người tu hành trong Phật giáo đích xác rất xem trọng pháp cứu độ người chết lúc lâm chung.

---o0o---

III. KHI LÂM CHUNG NÊN LÀM CÁC VIỆC GÌ

Con người ngay lúc mới sanh ra cũng là lúc đã quyết định vận mạng cái chết, vì thế sanh chưa hẳn là vui chết cũng chưa hẳn là buồn. Theo quan điểm của Phật giáo mà nói, người nào nếu không vượt ra ngoài cảnh giới sanh tử đều là hạng người đáng thương đáng xót vậy.

Nhân đây, người tin Phật học Phật ngày thường có làm được chút Phật sự nào, đến khi lâm chung có thể nhờ sức tu hành đó mà sau khi chết có thể vượt ra ngoài sanh tử khổ đau, vắng sanh về Tịnh độ chư Phật.

Con người sau khi chết thần thức sẽ đi về đâu? Có ba sức mạnh quyết định việc họ có thăng lên hay giáng xuống trong cảnh giới khổ đau hay hạnh phúc như sau:

1. Tùy trọng: Tùy theo nghiệp nặng nhất trong các việc thiện ác bản thân đã tạo mà đi đâu thai.

2. Tùy tập : Tùy theo tập khí mà thường ngày bản thân khó diệt trừ mà đi đâu thai trong hoàn cảnh đồng loại tương dẫn.

3. Tùy niệm : Tùy theo ý niệm sau cùng khi lâm chung của bản thân mà đi đâu thai trong sáu đạo hoặc vắng sanh Tịnh độ của chư Phật.

Do các nguyên nhân như thế, Phật giáo chủ trương con người nên bỏ các việc ác, làm các điều lành, cần dứt trừ thay đổi các tập khí không tốt, cần chú trọng vào các tâm niệm thường ngày, cho đến mỗi niệm mỗi niệm không quên Phật , Pháp, Tăng Tam bảo, niệm niệm nên đem các công đức mà bản thân đã tạo, làm tư lương để hồi hướng cầu vắng sanh về cảnh giới Tịnh độ của chư Phật.

Công phu học Phật, chủ yếu là nương vào sự tu hành thường ngày, quy y Tam bảo, thọ trì năm giới, cúng dường bố thí, lễ sám tụng kinh, tạo phước xã hội. Giả sử như người nào thường ngày chẳng có sự tiên nhập Phật pháp nhưng đến khi lâm chung vẫn có cách thức cứu bạt họ, đó là căn cứ vào đạo lý “Tùy niệm vắng sanh”. Chúng ta khuyên họ một lòng niệm Phật, khuyên họ nên buông bỏ tất cả mọi duyên cần phải không nên sợ chết, không nên

tham luyến gia đình bà con và tài sản sự nghiệp, không nên để tâm cuồng ý loạn mà một lòng niệm Phật, niệm sáu chữ hồng danh “Nam mô A Di Đà Phật” không để gián đoạn.

Nếu bệnh tình quá nặng không đủ sức niệm Phật thì ở trong tâm niệm thâm, gia đình nếu thật sự có tâm thương yêu lúc đó không nên ở bên người hấp hối lộ nét bi sầu than khóc, điều đó chỉ làm cho người chết tăng thêm sự thống khổ đọa lạc Tam đồ mà thôi. Đồng thời gia đình nên hợp sức với người trợ niệm cao tiếng niệm Phật, khiến cho tâm của người bệnh dung hợp với tiếng niệm Phật khẩn thiết chí thành. Nếu được như thế, người bệnh sau khi chết sẽ được vãng sanh về Tịnh độ của chư Phật. Nếu thọ mạng của họ chưa hết cũng có thể nhờ công đức niệm Phật mà họ sớm được khỏe mạnh phước thọ ngày một tăng trưởng.

Người bệnh khi sắp mạng chung nằm hoặc ngồi, nằm ngửa hay nằm nghiêng đều nên tùy theo ý thích của bản thân họ. Nếu khi họ đã hôn mê nhưng chưa chấm dứt hơi thở, chớ nên thấy họ sức yếu mà tiêm thuốc hoặc tắm rửa hay lau chùi cơ thể để tránh việc tăng thêm phiền não thống khổ cho họ, ảnh hưởng không tốt đến việc đầu thai sau khi chết. Sau khi người bệnh chấm dứt hơi thở chỉ cần nơi thân họ còn một chút hơi nóng là thần thức của họ vẫn đang còn ở thể xác, gia đình phải đợi qua tám giờ đồng hồ mới được tắm rửa thay quần áo. Nếu hỏa táng ít nhất cũng phải sau hai mươi bốn giờ đồng hồ.

Con người sau khi chết nếu ai không siêu phàm nhập Thánh, theo lẽ thường mà nói là người đó trở thành vong linh.

---o0o---

IV. VONG LINH LÀ GÌ ?

Nói đến việc siêu độ vong linh trước nên nói rõ tánh chất của vong linh. Sanh mạng chủ thể của con người sau khi chết gọi là vong linh. Một số quan niệm dân gian cho rằng con người sau khi chết trở thành quỷ và vĩnh viễn làm quỷ. Ở Phật giáo chúng ta hoàn toàn không chấp nhận quan điểm như thế, nếu không thì không thể bàn luận hai chữ siêu độ được.

Phật giáo cho rằng chúng sanh ở cõi phàm chia thành sáu loại là Thiên, Nhân, A tu la, Ngạ quỷ, Bàn sanh và Địa ngục. Chúng sanh trong sáu cõi này từ sanh đến tử, từ tử đến sanh gọi đó là lục đạo luân hồi. Vì thế con

người sau khi chết chỉ có một phần sáu khả năng trở thành quý. Phật giáo dạy con người phương pháp thoát ly sanh tử khổ đau đó cũng chính là độ thoát tất cả chúng sanh trong sáu đạo; gọi là siêu độ.

Nhân vì kẻ phàm phu sau khi chết, ngoại trừ những người nào tạo nghiệp ác cực trọng ngay lập tức đọa vào Địa ngục; hoặc người nào khi sống tu tạo các công đức lành cũng ngay lập tức sanh lên cõi trời. Còn lại một số người phổ thông bình thường không thể lập tức chuyển sanh. Vong linh khi chưa chuyển sanh không hẳn phải làm quý, giai đoạn này Phật giáo gọi là trung ấm thân, hoặc gọi trung hữu thân tức là một loại thân sau quá trình chết đến khi đi đầu thai. Thông thường có một số người ngộ nhận cho là quý kỳ thật đó là một loại linh chất phụ theo nơi phần khí thể mà tồn tại chứ không phải là quý.

Thọ mạng của thân trung ấm thông thường là bốn mươi chín ngày, trong giai đoạn này thân trung ấm luôn chờ đợi cơ duyên thành tựu để chuyển sanh. Vì thế người chết trong thời gian bảy tuần gia đình nên vì họ mà làm các Phật sự, sẽ có công dụng rất lớn đối với người chết. Gia đình nên đem các tài vật mà người chết khi sanh tiền yêu thích để cúng dường Tam bảo, bố thí kẻ nghèo khổ, đồng thời theo những lời nói trong bản văn này mà làm các công đức hồi hướng cho người chết, người chết sẽ nương nhờ công đức đó mà được tái sanh về các cảnh giới an lành.

Do đó Phật giáo chủ trương siêu độ vong linh tốt nhất là trong khoảng thời gian sau khi chết bốn mươi chín ngày. Nếu như qua bốn mươi chín ngày mà làm Phật sự hồi hướng, đương nhiên cũng có tác dụng nhưng lúc này chỉ tăng thêm phước phần cho họ chứ không thể cải biến được cảnh giới họ đã chuyển sanh. Giả sử một người khi sanh tiền đã tạo các điều ác, định sẵn đời sau họ phải đọa làm thân trâu bò hay mèo chó, ngay sau khi họ chết trong vòng bốn mươi chín ngày nếu gia đình vì họ mà làm các Phật sự đồng thời tạo cơ duyên cho họ đang ở trong giai đoạn thân trung ấm mà nghe được người xuất gia tụng kinh, nhân đó biết được một số đạo lý Phật pháp, ngay đó họ sẽ sanh tâm hối cải lập chí hướng thiện, nhờ đó có thể tránh được làm thân súc sanh mà tái sanh làm người.

Nếu như qua bốn mươi chín ngày họ đã tái sanh làm thân trâu bò, mèo chó, lúc này gia đình vì họ mà làm các Phật sự thì chỉ cải thiện được hoàn cảnh sanh hoạt của trâu bò, mèo chó như làm cho họ được ăn uống đầy đủ, không bị cày bừa lao nhọc, được mọi người yêu mến cho đến tránh được cái kiếp phải bị dao đâm. Còn bằng người chết đã sanh làm người liền có được thân

thể khỏe mạnh, sự nghiệp thuận lợi, bà con thương yêu bảo bọc. Nếu như họ đã vãng sanh cũng khiến cho phẩm vị Liên hoa của họ được tăng cao sớm được thành Phật.

---o0o---

V. AI NÊN LÀM PHẬT SỰ

Xưa nay một số người quan niệm rằng làm Phật sự là việc làm của Tăng Ni xuất gia điều này chỉ đúng có một nửa, nhân vì người xuất gia cố nhiên phải làm Phật sự, còn bằng bất kỳ người nào muốn được thọ dụng Phật pháp, tức nhiên bản thân cũng cần làm Phật sự. Nếu như đợi sau khi chết rồi nhờ bà con vì mình mà làm Phật sự, sao không ở giai đoạn khi còn sống đích thân làm một vài Phật sự, việc này có phải là tốt hơn hay sao?

Đối tượng siêu độ của Phật giáo chủ yếu là người sống, nếu như bình thường không chịu nỗ lực tu hành đợi đến lúc lâm chung ôm chân Phật, công hiệu tuy cũng khả quan nhưng không bằng chuẩn bị sẵn chỗ nương tựa thiết thực khi còn sống. Nếu như bản thân không làm Phật sự sau khi chết gia đình mời Tăng Ni xuất gia đến thay mình mà làm, công hiệu tự nhiên sẽ kém đi rất nhiều. Vì thế trong kinh Địa tạng Bồ tát bản nguyện có nói, nếu người sống làm Phật sự để siêu độ cho người chết, người chết chỉ hưởng một phần trong bảy phần công đức ngoài ra sáu phần còn lại hoàn toàn là thuộc về người sống làm Phật sự.

Nhân đây, chúng ta cần khuyến khích người nào đã đến chùa thỉnh hàng xuất gia làm Phật sự, những người này nhất định là họ đối với Phật giáo có tâm cung kính, nếu như chưa quy y Tam bảo chúng ta khuyến khích họ sớm quy y, sau khi đã quy y lại khuyên họ lần lần học tập Phật pháp như pháp tu hành điều này há không tốt hay sao?

Người nào đã đến thỉnh hàng xuất gia làm Phật sự là muốn siêu độ bà con của họ, hoặc là có tâm hoài niệm muốn làm vui đi bao niềm đau nỗi khổ của người bà con, vì thế người chủ động làm Phật sự nên ứng theo tâm nguyện của họ mà làm.

Phật pháp rất xem trọng sự thành tâm có thành tâm quyết sẽ có sự cảm ứng, người xuất gia tụng kinh bái sám cố nhiên cần phải có tâm chí thành khẩn thiết mà tụng, người nào có tâm đến thỉnh hàng xuất gia tụng kinh bái sám cũng cần phải có tâm chí thành khẩn thiết, có tâm tin tưởng tuyệt đối vào

Phật sự mà người xuất gia làm, được như thế nhất định người chết sẽ đạt được sự lợi ích vô cùng.

Phật pháp xem trọng sự cảm ứng, động lực chính của sự cảm ứng là tâm chí thành khẩn thiết, tâm chí thành có cạn hay sâu thì sự cảm ứng sẽ có nhỏ hay lớn, ví như người đánh chuông nếu đánh mạnh thì tiếng kêu vang xa, còn bằng đánh nhẹ thì tiếng kêu chỉ vang gần mà thôi.

Nhân đây, đồng ở một đạo tràng làm Phật sự nhưng hiệu quả thu được lại lớn nhỏ bất đồng là do tâm chí thành có sai khác. Phật giáo chủ trương tự thân mỗi người làm Phật sự nguyên nhân là ở điểm này. Vì thế “Người nào ăn người đó no, người nào chết người đó biết”, nếu như nhờ người khác thay mình làm Phật sự, ở trên chỗ thọ dụng sẽ có sự sai khác, không bằng bản thân mình tự làm rất nhiều.

Ngộ nhớ người nào chưa kịp tin Phật học Phật mà đã chết, người bà con có mối quan hệ huyết thống nên thay họ làm Phật sự là tốt nhất. Bởi vì tâm của người có mối quan hệ huyết thống thì có liên đới rất dễ hỗ trợ, trong khoảng thâm tình sau khi chết cũng rất dễ dẫn phát tâm chí thành cung kính. Cho nên Bồ tát Địa tạng trong nhiều kiếp quá khứ xa xưa từng đã nhiều kiếp làm thân hiếu nữ, mỗi lần như thế đều đem tâm khẩn thiết chí thành vì vong linh mẹ mà làm Phật sự, lễ bái Phật, cúng dường Tam bảo, tụng kinh niệm Phật, cầu Phật gia bị và đều được Phật hoặc La hán hiện thân chỉ dẫn, khiến vong linh mẹ Ngài đều được siêu độ.

Nếu như người chết chẳng có bà con cốt nhục, lúc này người nào có mối quan hệ với người chết khi còn sanh tiền, hoặc người tuy không có mối quan hệ nhưng họ dễ dẫn phát tâm chí thành khẩn thiết, với các hạng người như thế mà vì người chết làm Phật sự cũng rất dễ thành tựu sự cảm ứng.

Nhân đây, chúng ta nên dặn bảo những người đó, các vị đã có tâm đến chùa thỉnh Tăng Ni làm Phật sự, trọng tâm của việc làm Phật sự là vì các vị và bà con thân thích chứ không phải là Tăng Ni, Tăng Ni làm Phật sự là công khóa thường ngày của họ, các vị làm Phật sự là vì siêu độ vong linh, cho nên các vị cùng với người bà con đều nên tham gia tụng kinh bái sám, nếu như không tụng kinh bái sám được tối thiểu cũng ở trong ngày đó tắm gội sạch sẽ, giữ gìn trai giới, không được ăn mặn và quan hệ vợ chồng mà chuyên tâm trì niệm “Nam mô A Di Đà Phật”.

VI. TỤNG KINH ĐỂ LÀM GÌ ?

Kinh điển là những lời Phật dạy về những phương pháp tin Phật học Phật cho đến thành Phật. Phương pháp thì vô biên cho nên số lượng kinh điển và danh mục của kinh cũng nhiều vô tận. Ở tại Trung hoa chúng ta có một vài bộ kinh rất thích hợp và thông dụng như kinh Hoa nghiêm, kinh Pháp hoa, kinh Địa tạng Bồ tát bốn nguyện, kinh Dược sư Lưu ly quang Như lai bốn nguyện, kinh Kim cang Bát nhã Ba la mật, kinh Phật thuyết A Di Đà, Tâm kinh... .

Khởi nguyên của việc tụng kinh vốn xuất phát từ thời đại của Phật Thích ca mâu ni tại Ấn độ. Nhân vì kinh điển thời đó vốn không dùng văn tự để sao chép, cũng không có ấn loát mà đều nương vào sự truyền khẩu rồi từ người này truyền sang người khác, vì thế cần nghe chúng đệ tử của Phật thay Phật thuyết pháp, thỉnh thoảng nghe các vị đệ tử đem các bản kinh đã từng nghe qua một lần mà tụng ra, hoặc như bản thân muốn thuộc lòng một bộ kinh nào cũng phải quyết tâm hạ thủ công phu đem bộ kinh ấy ra mà tụng; đến đời sau này tụng kinh đã trở thành công tác cơ bản của việc học tập Phật pháp và tuyên truyền Phật pháp.

Có điều, tín đồ Phật giáo vì sao thường đem một bộ kinh sau khi đã tụng thuộc lòng cũng vẫn đem bộ kinh đó đối trước bàn Phật để tụng? Sở dĩ như thế là do hai lý do sau :

1. Lúc đang tụng kinh, đọc lại lời kinh như là một tấm gương soi lại mọi hành vi tâm chúng ta, bởi vì phạm phu rất khó giữ tâm không phạm sai lầm, chúng ta có lúc sai lầm nhưng vẫn không biết được mình sai để sửa, ngay lúc đối trước Phật miệng đang đọc lời kinh, bấy giờ cũng như đích thân được nghe những lời pháp trực tiếp từ kim khẩu của Phật nói ra. Ngài dạy bảo răn nhè chúng ta khiến chúng ta mỗi lần tụng kinh là mỗi lần tự soi xét, cảnh sách, khích lệ tu hành, những việc sai lầm lỡ phạm liền mau sửa đổi còn những việc sai lầm chưa phạm quyết tâm không phạm, các công đức lành đã tu nỗ lực tăng thêm, các công đức lành chưa tu lập chí để làm.

2. Ngay lúc đang tụng kinh là chúng ta lãnh sứ mạng thần thánh thay Phật thuyết pháp, đối tượng giáo hóa chủ yếu của Phật giáo là con người, ngoài con người ra trong sáu đạo chúng sanh còn có trời, thần, quỷ và một số ít bàng sanh cũng có thể tín thọ Phật pháp. Vì thế tuy ở chỗ không có người, chỉ cần chúng ta tụng kinh ngay đó sẽ có các loài chúng sanh như trời, thần, quỷ, bàng sanh đến nghe kinh. Ba loại chúng sanh trời, thần, quỷ cho đến

một bộ phận súc sanh, các vị đó ít nhiều đều có thần thông. Khi chúng ta tụng kinh chỉ cần chuyên tâm chí thành sẽ cảm ứng được họ đến nghe kinh. Nếu người nào vì bà con của mình đã chết mà làm Phật sự tụng kinh, khi tâm chí thành của người đó mới chuyển, vong linh ngay lúc đó đã nghe được tin tức quyết định sẽ đến trước người đó nghe kinh, linh tánh của vong linh đặc biệt rất cao, giả sử khi sanh tiền vong linh chưa từng nghe qua một câu Phật pháp, sau khi chết được nghe kinh cũng có thể nương vào công đức lành này mà hiểu rõ Phật pháp và theo đó mà tín thọ phụng hành.

---o0o---

VII. BÁI SÁM ĐỂ LÀM GÌ ?

Bái sám còn gọi là lễ sám, đó là lễ sám chư Phật, Bồ tát, để sám hối tất cả tội lỗi bản thân đã tạo ra. Lời nói và việc làm của phạm phu, nếu như khảo sát một cách tinh vi có thể nói tất cả những lời nói và việc làm đó đều là phạm tội tạo nghiệp. Phạm phu sở dĩ luân hồi sanh tử là do bản thân tạo các tội lỗi và chính tội lỗi đó dẫn dắt khiến phải trôi lăn trong lục đạo. Nếu như chúng ta đời quá khứ không tạo bất cứ một tội lỗi nào, tức hiện tại sẽ không làm phạm phu, hoặc như đời này chúng ta đoạn trừ được tất cả các tội nghiệp thì ngay lúc đó chính là cảnh giới của các bậc Thánh giả.

Phạm phu vốn rất khô não, do vì tội lỗi trong quá khứ che đậy không thể làm gì được, đối với tội nghiệp đời này cũng không thể làm gì được, từ nay về sau dầu muốn không tạo tội lỗi vẫn không thể làm được. Nhân đây đức Phật đã vĩ đại của chúng ta dụng tâm từ bi vì chúng phạm phu mà thuyết ra một pháp môn thù thắng, đó là pháp sám hối nghiệp chướng.

Bài trước chúng tôi đã giảng về pháp tụng kinh, mục đích là đối trước tấm gương chuẩn mực của Phật pháp để soi rọi tâm mình. Hiện nay sẽ giảng về pháp sám hối là dạy chúng ta đem tâm cấu nhiễm, tâm dục vọng bỏ vào trong nước Phật pháp để tẩy rửa. Như thế công dụng bài sám là để tẩy rửa mọi cấu nhiễm dục vọng của tâm chúng ta.

Vì vậy, khi chúng ta đối trước Phật sám hối, không phải là cầu Phật xá tội mà là cầu Phật chứng minh, hướng về Phật bệch bạch những tội lỗi bản thân đã lỡ tạo, hạ tâm quyết định nguyện từ nay về sau không làm điều ác nữa. Đối với người khác không khởi lòng ác gọi là sám, đối với bản thân nhận sai lầm gọi là hối. Chư Phật Bồ tát vốn có tâm từ bi vĩ đại và thanh tịnh viên mãn như thế, các Ngài cũng mong mỏi chúng ta sẽ trở thành những bậc

Thánh nhân có tâm từ bi vĩ đại và thanh tịnh viên mãn như vậy, nhưng chúng ta hiện vẫn đang còn nhào lộn ở trong vòng tội lỗi tự làm tự thọ, do đó cần phải chí thành sám hối. Chúng ta sám hối có tác dụng là để rửa sạch mọi cấu bần tội lỗi của bản thân, giống như đãi cát để tìm vàng. Cứ kiên trì đãi cát nhất định sẽ có được vàng ròng, kiên trì đem tội cấu sám hối thì có thể đạt được tâm thanh tịnh giải thoát như chư Phật Bồ tát.

Các nghi thức sám hối xưa nay ở Trung hoa là do các vị Tổ sư căn cứ vào kinh điển mà biên soạn thành. Trong đó thịnh hành nhất là Lương hoàn bảo sám, Tam muội thủy sám, Đại bi sám, Dược sư sám, Tịnh độ sám, Địa tạng sám, Thiên Phật sám... Người thực hành các nghi thức sám hối này từ trước đến nay đều có rất nhiều sự linh nghiệm, được truyền tụng và ghi chép trong sách vở, đích xác có thể nói là “Thật không uổng công” vậy.

Về pháp sám hối đương nhiên tốt nhất là tự bản thân mình thực hành, nếu như bản thân chúng ta chưa làm được, hoặc sự hiểu biết về nghi thức sám hối chưa được đầy đủ thì có thể mời Tăng Ni đến làm, hoặc các vị đó thay cho vong linh người bà con của mình mà làm tự nhiên cũng có công đức. Ý nghĩa của sám hối đại để tương đồng với ý nghĩa tụng kinh

---o0o---

VIII. CÚNG CÔ HỒN ĐỂ LÀM GÌ ?

Diêm khẩu là chỉ các Nạ quỷ trong loài Nạ quỷ, chúng sanh trong loài Nạ quỷ có thể chia thành ba bậc như sau :

1. Người nào khi còn sống làm được rất nhiều việc lành, sau khi chết nếu đầu thai vào loài Nạ quỷ tức thành quỷ đa tài. Loại quỷ này có phước đức và thế lực lớn. Dân gian tin ngưỡng thần hoàng, thổ địa...chính là loại Nạ quỷ này.

2. Người nào khi còn sống chưa tuy có làm việc lành nhưng không nhiều, sau khi chết nếu đầu thai loài Nạ quỷ tức thành quỷ thiếu tài. Loại Nạ quỷ này có phước đức và thế lực nhỏ hơn. Dân gian tin ngưỡng quỷ thần chính là loại Nạ quỷ này.

3. Người nào khi còn sống tham lam bòn sẻn một đồng cũng không rời, chuyên tâm chiếm đoạt tài sản của người khác, sau khi chết sẽ đầu thai vào loài Nạ quỷ gọi là quỷ hy tự. Loại Nạ quỷ này vốn không có phước đức và

thể lực. Một số người cho rằng trong Cô hồn dã quỷ có Nga quỷ, đó chính là loại Nga quỷ này.

Loại Nga quỷ này vốn có thực lượng cực lớn nhưng yết hầu lại cực nhỏ, chúng đâu có đầy đủ vật thực cũng rất khó mà ăn no được. Huống nữa, do quan hệ nghiệp báo loại Nga quỷ này rất khó nhìn thấy vật thực. Giả sử có được vật thực nhưng khi đưa vào miệng vật thực liền biến thành vật ô uế và máu mủ, vì thế loại Nga quỷ này thường bị lửa đống thiêu đốt. Do vì ngọn lửa từ trong miệng bốc ra nên Nga quỷ này còn có tên là “ Diệm khẩu”.

Nhân thấy sự khổ đau cùng tột của các loại Nga quỷ đó, đức Phật với tâm từ bi đã thuyết ra rất nhiều chơn ngôn thần chú, như Tịnh nghiệp chướng chơn ngôn, Biến thực chơn ngôn, Biến thủy chơn ngôn, Khai yết hầu chơn ngôn...Người nào y theo thần chú chơn ngôn này trì tụng, do oai lực của thần chú Nga quỷ sẽ được triệu thỉnh đến. Đồng thời loại Nga quỷ này nương nhờ vào thân thông nguyện lực của Phật mà được ăn no, sau khi ăn no lại vì họ mà tuyên dương Phật pháp khiến cho họ vĩnh viễn thoát hẳn khổ não của loại Nga quỷ. Đây là tác dụng và mục đích của việc cúng Cô hồn (Phóng diệm khẩu).

Nhân đây, cúng Cô hồn đối với loài Nga quỷ mà nói, cũng giống như là phát chẩn không hạn chế, vì thế pháp cúng Cô hồn còn gọi là “Thí thực”. Nếu như bản thân chúng ta có người bà con đã chết tuy người này không đọa vào loài Nga quỷ, nhưng việc cúng Cô hồn cũng như là thay họ làm công đức chẩn bản cúng tế, vì thế họ vẫn hưởng được sự lợi ích..

---o0o---

IX. PHẬT SỰ GIỮA NGƯỜI VÀ QUỶ

Có một số người ngộ nhận khi làm Phật sự để rồi trở thành những người chuyên vì người chết mà bày vẽ ra các nghi thức cúng tế. Nhân đây, tôi một lần nữa cảnh báo họ : đối tượng giáo hóa chủ yếu của Phật giáo là người sống chứ không phải là người chết, nếu vì vong linh cầu siêu độ đó chỉ là biện pháp thứ yếu chứ không phải là sứ mạng căn bản của Phật giáo.

Vì thế, chúng ta khi còn sống nên cố gắng làm Phật sự, còn bằng đối với người chết cố nhiên cũng cần làm Phật sự, cho đến các việc như kết hôn, sanh nở, cầu an, đảo bệnh, thăng chức, khai trương, giao dịch, kiến thiết, đi buôn... đều nên làm Phật sự. Cố gắng tích công bồi đức làm lành tạo phước

chứ đâu phải làm Phật sự chỉ vì siêu độ người chết mà thôi. Cho nên, Phật pháp có thể tạo phước cho đời này có thể tạo phước cho đời sau, có thể tạo phước thế gian khiến con người được giàu sang phú quý, đặc biệt có thể tạo phước đức và trí tuệ để đạt thành viên mãn quả vị Phật.

Tập quán dân gian xưa nay cho rằng việc tụng kinh bái sám là để cấp cho loài Ngạ quỷ ở cõi âm một số tiền để có thể sử dụng, lại đốt giấy tiền vàng mã là ban tặng cho loài Ngạ quỷ ở cõi âm có thêm tài vật để hưởng thụ. Thật ra trong Phật giáo hoàn toàn không có quan niệm này. Mục đích của việc tụng kinh, bái sám là để siêu độ tăng phước cho người chết, và người chết không phải ai cũng đều đầu thai vào loài Ngạ quỷ. Thứ nữa chúng sanh ở loài Ngạ quỷ cũng không cần người sống cung cấp cho họ tiền bạc, bởi tiền bạc chỉ có công dụng mua bán đổi chác nơi người sống. Còn việc đốt giấy tiền vàng mã cũng chỉ là phong tục dân gian của người Trung hoa, xuất phát từ thời đại Hán, Đường lưu truyền cho đến ngày nay mà thôi.

Cố nhiên con người sau khi chết nếu không được giải thoát cũng chỉ có một trong sáu phần có khả năng đầu thai vào loài Ngạ quỷ. Vì thế mong các vị, không nhất thiết người bà con của mình chết đầu thai vào loài Ngạ quỷ, chỉ cần các vị có tâm chí thành khẩn thiết làm Phật sự để cầu nguyện chư Phật, Bồ tát từ bi gia hộ người bà con của mình, nhờ phước phần đó nếu không được vãng sanh thì tối thiểu cũng làm cho họ được sanh vào cõi người hưởng thọ sự giàu sang, hoặc sanh về các cảnh giới trời hưởng thọ các điều an vui.

Tại Trung hoa đại lục ngày nay vẫn còn tồn tại các hủ tục, như là người nam sau khi chết gia đình thỉnh vị Hòa thượng đến làm một lễ Phật sự “Quá độ kiều” (Đốt hồn qua cầu) hoặc “Phá Địa ngục” (Phá cửa Địa ngục) ; người nữ sau khi chết thì làm lễ Phật sự “Phá huyết hồ” (Phá hồ máu). Phong tục này vốn không có căn cứ trong Phật giáo và Phật giáo cũng không chủ trương tất cả con người sau khi chết đều đọa vào Địa ngục. Vì sao chúng ta nhất định đem vong linh mới chết dẫn vào trong Địa ngục, một phen tới lui nơi cầu Nại hà và ao máu ư!

Vì thế, tôi xin khuyên các vị nào có duyên đọc bản văn này, bản thân các vị khi còn sống nên cố gắng làm Phật sự đồng thời hiểu rõ vì sao cần làm Phật sự ? Và nên làm những Phật sự gì?

PHỤ KÝ

Bản văn này là ứng theo lời thỉnh cầu của các đạo tràng lớn như chùa Thiện đạo, chùa Thập phổ, Hoa nghiêm liên xã, chùa Tùng sơn... ở thành phố Đài bắc mà biên soạn thành. Viết xong vào tháng ba Dân quốc 56 nhưng đến Dân quốc 64 mới xuất bản. Ấn tống nhờ các thí chủ ở các ngôi chùa trên. Sau đó tại các địa phương như Hương cảng, Tinh mã... có các vị hỷ cúng để ấn tống, tại Đài loan cũng có rất nhiều vị thí chủ có thiện tâm tiếp tục hỷ cúng để ấn tống.

Pháp sư Thánh nghiêm

---o0o---

D. RỐT CÙNG CỦA CUỘC ĐỜI

Đại Sư Hoằng Nhất

Tháng mười hai năm nhâm ngo, tại chùa Diệu thích ở Nhạn môn tô chức pháp hội niệm Phật mời tôi đến thuyết giảng và đúc kết thành bản thảo này. Lúc đó luật sư Liễu thích đang bệnh nặng ngày đêm muôn vàn sầu khổ, khi luật sư đọc qua bản thảo nổi buồn vui lẫn lộn, liền buông xả thân tâm tạ từ thuốc thang dốc lòng niệm Phật. Gặp lúc bệnh khởi bèn phát tâm lễ thêm Đại bi sám, lớn tiếng tụng niệm quỳ dài không đứng, đồng mãnh tinh tấn vượt qua người thường. Việc đồng mãnh tu hành của luật sư làm cho kẻ thấy người nghe thấy đều kinh ngạc hoan hỷ tán thán cho rằng lực cảm động của bản thảo này là vô cùng to lớn.

Tôi nhân đây suy nghĩ, bản thảo này tuy chỉ có vài trang nhưng đã tóm thâu được những lời vàng ngọc xưa nay và kinh nghiệm cá nhân mình, kẻ thích ngắn gọn có thể sử dụng. Do đó, bèn giám định để in ra lưu thông xa gần.

Đại Sư Hoằng Nhất ghi.

---o0o---

CHƯƠNG 1 : LỜI MỞ ĐẦU

Cổ thi nói : “ Ta nay thấy người chết. Trong lòng nóng xót xa. Chẳng xót vì kẻ chết. Vì phải đến phiên ta”. Việc lớn sau cùng của đời người há có

thể tạm quên chốc lát hay sao ! Nay tôi sẽ nói rõ việc này xin phân thành sáu chương như sau :

---o0o---

CHƯƠNG 2 : LÚC BỊNH NẶNG

Ngay lúc bịnh nặng nên đem tất cả việc nhà cho đến thân thể của mình thầy đều buông xả. Chỉ chuyên tâm niệm Phật một lòng cầu nguyện vãng sanh Tây Phương. Làm được như thế nếu như thọ mạng đã hết quyết định vãng sanh Tây Phương. Bằng như thọ mạng chưa hết, tuy cầu vãng sanh nhưng bịnh tình cũng thuyên giảm. Do bởi tâm tha thiết thành khẩn nên có thể tiêu trừ các ác nghiệp đời trước. Trái lại nếu chẳng buông xả mọi duyên chuyên tâm niệm Phật, như thọ mạng đã hết quyết định không thể vãng sanh, do vì bản thân chỉ chuyên cầu khỏi bịnh chứ không cầu vãng sanh nên không do đâu mà được vãng sanh. Bằng như thọ mạng đã hết, do tự thân chỉ mong cầu khỏi bịnh rồi vọng sanh lòng bi ai sâu khổ, thế rồi không những bịnh tình đã không thuyên giảm trái lại ngày một tăng thêm.

Lúc bịnh chưa nặng cũng có thể uống thuốc nhưng vẫn nên tinh tấn niệm Phật, chớ nghĩ rằng uống thuốc bịnh tình sẽ thuyên giảm. Khi bịnh đã đến lúc nguy kịch không nên uống thuốc nữa. Tôi trước đây bịnh nặng nằm ở Thạch Thất có người khuyên mời lương y đến bốc thuốc, tôi bèn nói lời kệ tạ từ : “ Đức A Di Đà Phật là Vô thượng y vương. Nếu bỏ đây không cầu ấy là kẻ si cuồng. Một câu hồng danh Phật là thuốc diệu Đà đà. Nếu bỏ đây không uống thật lắm to lắm mà”. Do thường ngày tôi đã thâm tín pháp môn Tịnh độ tha thiết vì người giảng nói. Nay bản thân mình có bịnh nặng có sao lại bỏ niệm Phật mà tìm cầu thuốc thang, như thế há chẳng phải là kẻ si cuồng đại sai lầm lắm sao ?

Nếu lúc bịnh nặng, nổi thống khổ vô cùng kịch liệt cũng chớ sanh lòng kinh sợ. Bởi vì bịnh khổ này là do nghiệp chướng đời trước phát hiện. Hoặc là do chuyển quả khổ trong ba ác đạo đời vị lai mà ngày nay bản thân cảm có chút bịnh khổ để sớm đền lại những nợ xưa.

Bản thân nếu có các tài vật, y phục nhân lúc bịnh nặng nên y theo lời dạy trong phẩm Như Lai tán thán trong kinh Địa Tạng Bồ tát bản nguyện mà đem bố thí cúng dường ... thì công đức lành càng thêm tăng trưởng.

Nếu lúc bệnh nặng, nhân lúc thần thức còn thanh tỉnh gia đình nên mời vị thiện tri thức đến vì người bệnh mà thuyết pháp an ủi. Thiện tri thức nên nói ra những công đức mà người bệnh khi sanh tiền đã tạo được, khiến người bệnh sanh tâm hoan hỷ dứt hẳn mọi sự lo sầu. Người bệnh tự biết rõ sau khi mạng chung nương nhờ vào công đức lành này, quyết được vãng sanh Cực Lạc.

---o0o---

CHƯƠNG 3 : LÚC LÂM CHUNG

Thời điểm người bệnh sắp mạng chung, gia đình chớ nên thưa hỏi di chúc cũng không được cười giỡn nói chuyện tạp. Nếu không, người bệnh sẽ bị dây tình ái lôi kéo khởi lòng tham luyến thế gian chướng ngại cho sự vãng sanh. Nếu muốn lưu lại di chúc nên lúc còn khoẻ chuẩn bị sẵn giao phó cho gia đình cất giữ.

Nếu như lúc này người bệnh có ý muốn tắm rửa thay quần áo, gia đình nên thuận theo ý họ mà làm. Bằng như họ không tỏ ý hoặc do cảm khẩu không thể nói được thì chớ đụng vào thân thể họ. Do vì con người trước khi mạng chung, thân thể không tránh khỏi sự đau nhức thống khổ. Nếu như gia đình xúc chạm hoặc di chuyển để tắm rửa thay quần áo, tức sự đau nhức thống khổ lại càng tăng thêm. Thế gian có nhiều người khi sống phát nguyện cầu sanh Tây Phương, do khi lâm chung bị bà con quyến thuộc xúc chạm quấy nhiễu phá hoại chánh niệm, do đó mà họ không được vãng sanh. Trường hợp này đã xảy ra rất nhiều, rất nhiều !

Hoặc có kẻ mạng chung đáng lẽ được sanh về cõi lành, nhưng bởi thân bằng quyến thuộc không biết, hành xử không như pháp khiến họ khởi tâm sân hận chết đọa vào đường ác. Như trong Kinh có chép, xưa vua A kỳ đạt chết đọa làm thân con rắn, như thế chẳng đáng sợ hay sao ?

Lúc lâm chung, người bệnh hoặc ngồi hoặc nằm chớ nên gắng gượng. Nếu bản thân biết sức lực của mình đã suy yếu chỉ có thể nằm, thì chớ vì muốn người khác xem cho ra vẻ mà gượng sức ngồi dậy. Khi nằm, nên nằm nghiêng hông bên phải khuôn mặt quay về hướng tây. Nếu do thân thể thống khổ, hoặc nằm nghiêng hông bên trái, khuôn mặt xoay về hướng đông, hoặc nằm giữa, gia đình cũng nên để người bệnh tự nhiên không được gò ép họ.

Lúc đại chúng chuẩn bị trợ duyên niệm Phật, nên thỉnh Thánh tượng Phật A-Di-Đà tiếp dẫn an trí trong phòng bệnh, sao cho người bệnh trông thấy.

Người trợ niệm càng nhiều càng tốt. Nếu số người nhiều nên chia thành hai ban luân phiên trợ niệm, làm sao cho tiếng niệm Phật liên tục không gián đoạn. Hoặc niệm sáu chữ hay bốn chữ, hoặc niệm nhanh hay niệm chậm đều nên hỏi ý kiến người bệnh, tùy theo tập quán và sự ưa thích lúc sống của người bệnh, khiến người bệnh có thể duyên tâm niệm Phật thâm theo được. Ngày nay, tôi thấy phần nhiều người trợ niệm đều niệm theo ý mình không hỏi qua người bệnh, như thế là trái ngược với tập quán và sự ưa thích lúc sống của người bệnh, thử hỏi làm sao người bệnh có thể duyên tâm niệm thâm theo được. Tôi mong từ nay về sau vị nào đảm nhận trách nhiệm trợ niệm, đối với vấn đề này cần lưu tâm chú ý.

Lại thấy, thường khi người trợ niệm đều sử dụng khánh hoặc mõ nhỏ. Theo kinh nghiệm cá nhân, khi bệnh là lúc thần kinh suy yếu rất sợ âm thanh khánh hoặc mõ nhỏ. Nhân vì âm thanh của các thứ này, thường chát chúa đình tai nhức óc kích thích thần kinh khiến cho tinh thần người bệnh khó được an ổn. Theo thiên ý, khi trợ niệm nên tránh sử dụng khánh hay mõ nhỏ, chỉ nên niệm suông là thỏa đáng hơn cả. Nếu có dùng thì nên dùng thứ chuông lớn, mõ lớn bởi âm thanh của những pháp khí này âm thanh hùng tráng, làm cho người bệnh nghe được sanh niệm nghiêm trang cung kính, thích hợp hơn đánh khánh hay mõ nhiều. Nhưng cũng tùy theo sở thích của mỗi người không đồng, việc này tốt nhất là nên hỏi qua người bệnh, tùy theo ý kiến của họ mà sử dụng. Hoặc có chỗ nào không thích hợp thì cũng nên tùy theo đó mà cải biên, chớ nên quá cố chấp.

---o0o---

CHƯƠNG 4 : SAU KHI MẠNG CHUNG MỘT NGÀY

Sau khi người bệnh đã mạng chung điều khẩn yếu là không được va chạm di chuyển xác chết. Hoặc dính chất nhơ cũng chớ nên vội tắm rửa. Cần phải trải qua tám giờ đồng hồ mới được tắm rửa thay quần áo. Con người phần nhiều là không để ý việc này, nhưng đây là điều vô cùng quan trọng. Chỉ xin rộng khuyên mọi người nên y theo đây cẩn thận mà làm.

Thời gian trước và sau khi mạng chung gia đình chớ nên bi ai khóc lóc. Bởi vì khóc lóc là điều không ích lợi, lúc này cần phải phát tâm niệm Phật trợ

niệm mới thật sự làm cho người chết đạt được sự ích lợi. Nếu không nên được nổi bi ai thì phải đợi sau tám giờ đồng hồ mới được khóc lóc.

Về thuyết thăm dò hơi nóng tuy có Kinh điển căn cứ nhưng cũng không nên quá cố chấp. Nếu người bệnh khi sanh tiền có tâm tín sâu nguyện thiết, lúc lâm chung lại chánh niệm phân minh quyết định sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Sau khi lâm chung, trợ niệm niệm Phật đã xong liền đóng cửa phòng lại, để tránh người bên ngoài vào phòng xúc chạm cơ thể người chết. Cần phải trải qua sau tám giờ mới có thể thay quần áo. Nhân vì trong thời gian tám tiếng nếu xúc chạm người chết tuy không nói được nhưng cũng còn thống khổ.

Sau tám giờ đồng hồ mới thay quần áo, nếu tay chân người chết cong cứng không thể chuyển động được, nên lấy nước nóng lau rửa. Dùng vải cũ nhúng vào nước nóng húp quanh các đốt tay chân khoảng vài ba phút có thể mềm mại y như người đang sống.

Việc tắm liệm người chết nên dùng quần áo cũ không nên mặc quần áo mới. Các quần áo còn lại của người chết nên đem bố thí, điều này có thể làm cho họ tăng thêm phước đức. Không nên dùng quan tài sang trọng cũng không nên xây lăng mộ to cao. Các việc xa xỉ như thế đều không có lợi ích mà còn gây tổn hại cho người chết.

---o0o---

CHƯƠNG 5 : CÁC VIỆC CÚNG TẾ...

Trong thời gian bốn mươi chín ngày, mời tăng ni đến làm lễ cầu siêu thì nên lấy việc niệm Phật là chính. Nếu làm các pháp sự như tụng kinh, bái sám, chẩn tế bạt độ...tuy có công đức bất khả tư nghì, nhưng tăng chúng hiện nay đối với các pháp sự này, phần nhiều chỉ chạy theo hình thức phô diễn sao cho dễ xem, bởi không đúng như pháp để làm nên khó đạt được sự lợi ích. Trong Ấn Quang pháp sư văn sao đã có bài xích việc này, cho rằng làm pháp sự chỉ lo phô diễn hình thức nên rốt cùng thành ra giỡn cợt. Nếu gia đình ai cũng chuyên tâm niệm Phật thì mọi người đều có thể niệm được. Việc này rất thiết thật sẽ đạt được sự lợi ích không thể nghĩ bàn.

Phàm làm tất cả các công đức như niệm Phật...đều hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh, thì công đức cực kỳ rộng lớn. Phước đức của người chết cũng nhờ đó mà thêm tăng trưởng.

Người đến viếng tang nên đi chay chớ nên dùng mặn, cho đến việc sát sanh...đều hoàn toàn không có lợi ích đối với người chết.

Tang lễ chớ nên phô trương, đồng thời cũng không nên chạy theo thị hiếu thế gian mà nên vì người chết tích phước.

Sau bốn mươi chín ngày cũng nên làm các việc cúng tế ngõ hầu tỏ lòng hiếu đạo. Đại sư Liên trì dạy hàng năm nên thường truy tiền người chết, không nên cho rằng chết là giải thoát rồi mà không cử hành truy tiền.

---o0o---

CHƯƠNG 6 : KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN CÁC HỘI TRỢ NIỆM KHI LÂM CHUNG

Việc trợ niệm khi lâm chung là điều vô cùng thiết yếu, cho nên ở các địa phương làng, xã cần nên thành lập hội trợ niệm. Trong quyển Lâm chung bờ bến có nói vấn đề này rất rõ, cần xem kỹ lại.

---o0o---

CHƯƠNG 7 : LỜI KẾT

Ngày qua tháng lại nháy mắt đã đến ba mươi tháng chạp là ngày sau cùng của một năm. Nếu chưa chuẩn bị tiền bạc cho ổn đáng thì trăm công ngàn việc tiêu xài làm sao an ổn. Chúng ta đến lúc mạng chung, đó là ngày ba mươi tháng chạp của đời người. Nếu chưa chuẩn bị tư lương vãng sanh cho ổn đáng tất sẽ bị cảnh hốt hoảng kêu vợ trách chồng, ác nghiệp nhiều đời phát hiện làm sao thoát được. Cho dù người nào lâm chung có duyên lành được thiện hữu trợ niệm mọi việc diễn ra đều như pháp, nhưng bản thân thường ngày phải có công phu tu trì mới có được lâm chung an nhiên tự tại. Tôi xin có lời khuyên các bậc hiền giả, tốt nhất là khi còn sống chuẩn bị tư lương vãng sanh mới là thoả đáng.

---o0o---

TINH YẾU PHÁP THẬP NIỆM :

Do lời thỉnh cầu pháp sư Tịnh Không bèn khai thị giảng yếu pháp Thập niệm tất sanh, vì một số vị ở tịnh tông học nhân lấy đó làm nội quy để tự tu và đồng tu.

Tự tu : Trong một ngày có chín thời niệm mười câu Phật hiệu, là buổi sáng mới thức dậy cho đến tối trước khi đi ngủ mỗi buổi đều niệm một lần; ba bữa cơm sáng, trưa, chiều trong ngày mỗi bữa đều niệm một lần; trước ngọ mới đầu thời công phu và sau khi công phu xong đều niệm một lần, sau ngọ mới đầu thời công phu và công phu xong đều niệm một lần, tổng cộng là chín lần. Mỗi lần xưng mười câu Phật hiệu bốn chữ hay sáu chữ, như có định khoá thường ngày cũng nên chiếu theo đó mà hành trì.

Đồng tu : Phạm khi giảng Kinh, khai hội, thọ trai...không đặt định nghi thức tập hội nào, đầu tiên ở nơi hành sự tập thể mà hành trì pháp thập niệm này. Tức là đại chúng đồng chấp tay xưng niệm mười câu Phật hiệu “ Nam mô A Di Đà Phật”, sau đó mới tiến hành các công việc tụng kinh, khai hội thọ trai...Xét pháp Thập niệm tự tu và cộng phu này có sự lợi ích vô cùng đặc biệt. Xin nêu ra như sau :

1. Pháp này đơn giản dễ hành trì, hành trì ít mà thâm hiệu quả nhiều, xác thật thiết yếu công đức càng lâu càng lớn.
2. Là phương pháp hiệu quả cụ thể của “Phật hoá gia đình”. Ví như: Trong gia đình ba bữa cơm thì mọi thành viên trong gia đình dù tin hay không tin đều được năng lực Phật nhiếp trì không sót một ai. Lại còn Phật hoá thân bằng quyền thuộc phổ cập toàn xã hội.
3. Do đơn giản dễ hành trì một ngày chín lần, từ sáng đến tối Phật khí không đoạn, trong sanh hoạt một ngày Phật hiệu niệm liên tục, ngày lại qua ngày dần dà như thế thì khí chất tâm tánh của người hành trì lần lần thanh tịnh, tín tâm và pháp lạc tăng trưởng phước đức lớn mạnh vô cùng.
4. Nếu có thể thân ái tùy thuận xưng mười câu Phật hiệu, liền có thể khừ trừ tạp nhiễm tâm niệm thanh tịnh, tâm thần ngưng tụ chuyên tâm phục vụ đạo cho đến mọi việc dễ thành, đều gặp việc hoan hỷ được Phật gia hộ công đức sẽ bất khả tư nghì.

5. Tự tu và cộng tu : Có sự hỗ trợ lẫn nhau tư lương tu tập. Cá nhân chắc chắn vắng sanh mà nghiệp lớn Bồ đề của công phu cũng do đây thành tựu.

Pháp này có thể lấy hai tên xin nêu danh sau :

a. “ Tịnh nghiệp gia hạnh thập niệm pháp” là đối với bản thân có định khoá tu hành mà nói, nhân pháp này là khoá nghiệp vốn có mà càng thêm tăng tiến.

b. “ Giảm yếu tắt sanh thập niệm pháp” là trước mắt phê bình đối với một số vị ở trong tịnh nghiệp học nhân ngày nay niệm Phật không có định khoá.

Nhân xã hội hiện nay thay đổi, bận rộn không rảnh rất ngại chuyện khó. Mà pháp thập niệm này dễ tích tập tư lương Tín, Nguyện, Hạnh, bình dị tròn đầy, nhưng tiêu chuẩn “ Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối nhau” cũng rất thích hợp không thiếu.

Nhân thời gian mỗi lần niệm Phật rất ngắn, nên dễ nhiếp tâm vì không giải đãi. Lại bởi công hành chín lần niệm Phật đều phân bố quán xuyên toàn ngày, toàn ngày thân tâm không đâu là không Phật. Cũng tức là sanh hoạt toàn ngày niệm Phật hoá, niệm Phật sanh hoạt hoá.

Tóm lại, pháp này giản yếu nhưng thỏa mái không có chút khổ nhọc, như pháp này hành trì thời tịnh nghiệp học nhân mừng lắm ! Chúng sanh vị lai mừng lắm ! Chư Phật vô cùng hoan hỷ !!!.

---o0o---

E. CHUẨN BỊ CHO CÁI CHẾT

Nguyễn Liên

Tiết 1 : TRẠNG THÁI CHẾT CỦA CON NGƯỜI

A. DẪN NHẬP

Cổ thi có câu:

“Ta nay thấy người chết

Trong lòng nóng xót xa

Chẳng xót vì kẻ chết

Vì phải đến phiên ta”.

Bài thơ nói lên tâm trạng lo âu đầy sợ hãi của con người khi đối diện với cái chết, rồi một ngày nào đó cũng phải đến phiên mình. Cuộc sống thì quá mong manh cái chết lại chắc chắn. Do vậy, sống chết là vấn đề lớn, chúng ta dù cố né tránh cũng không thể thoát khỏi. Có chăng, chúng ta hãy can đảm đối diện với cái chết để tìm hiểu quá trình chết của con người như thế nào? Sau khi chết con người đi về đâu? Ngõ hầu trong cuộc sống hiện tại chúng ta có sự định hướng và chuẩn bị tư lương trước một cuộc sắp đi xa này.

---o0o---

B. CHÁNH ĐỀ

I. QUAN ĐIỂM CHẾT CỦA ĐẠO PHẬT VÀ CÁC TÔN GIÁO KHÁC :

Trạng thái chết và sau khi chết con người còn hay mất, nếu còn con người sẽ có sự tái sinh như thế nào luôn là vấn đề nóng bỏng của các nhà tôn giáo, các nhà khoa học cũng như của đạo Phật. Có rất nhiều quan điểm được trình bày xoay quanh chủ đề này. Mỗi quan điểm đưa ra ít nhiều đều có sự biện minh cho quan điểm của mình là chính xác. Tựu trung, chúng ta có thể phân biệt thành ba quan điểm nổi bật trình bày trạng thái chết và sau khi chết như sau:

1. Quan điểm của các nhà khoa học (Duy vật) :

Các nhà khoa học cho rằng con người là một dạng vật chất do tinh cha huyết mẹ tạo thành. Thân mạng này sau khi chết là hết, cát bụi sẽ trở về với cát bụi. Như thế các nhà khoa học chủ trương chỉ có đời hiện tại không có đời sau. Quan điểm này đạo Phật gọi là “Đoạn kiến ngoại đạo”.

2. Quan điểm của các nhà tôn giáo (Duy tâm) :

Các nhà tôn giáo chủ trương con người sau khi chết thân thể tan rã và linh hồn sẽ đầu thai sang kiếp khác. Quá trình đầu thai theo họ, con người nếu

sau khi chết sẽ đầu thai tiếp tục làm người, loài trời sau khi chết sẽ tiếp tục đầu thai làm trời... Quan điểm hiện đời làm loại gì đời sau sẽ đầu thai tiếp tục đầu thai làm loài đó của các nhà tôn giáo chủ trương, đạo Phật gọi là “Thường kiến ngoại đạo”.

3. Quan điểm của đạo Phật :

Đối với vấn đề trạng thái chết và sau khi chết như thế nào đạo Phật hoàn toàn không chấp nhận hai quan điểm trình bày trên. Đạo Phật cho rằng con người (chúng sanh) là một hợp thể của năm uẩn. Do vậy, khi con người chấm dứt thân mạng phần sắc thân sẽ tan rã, tứ đại trả về với tứ đại nhưng phần tinh thần (thần thức) thì không hoại diệt. Thần thức đó sẽ tùy theo nghiệp thiện hay ác đã tạo trong quá khứ mà thác sanh một trong sáu cảnh giới luân hồi.

Như thế, đạo Phật chủ trương chết chỉ là một quá trình vận động và thay đổi con người từ xác thân loài này xác thân loài khác, dưới sự chủ đạo của nghiệp và nghiệp lực. Chỉ khi nào con người tự chấm dứt được nghiệp, tức sẽ đạt đến cảnh giới Niết bàn giải thoát thì không còn luân quản trong vòng sống và chết đầy bi ai khổ lụy này.

---o0o---

II. TRẠNG THÁI CHẾT

Tìm hiểu về trạng thái chết và sau khi chết là một vấn đề khó lý giải, nếu không nói là việc làm không tương đối với hạng người chưa chứng ngộ như chúng tôi. Do vậy, tất cả những vấn đề được đặt ra và trình bày trong bài viết này chúng tôi đều y cứ theo kinh điển.

1. Các nguyên nhân dẫn đến cái chết :

Theo đạo Phật có bốn nguyên nhân dẫn đến việc chấm dứt thân mạng của một con người (chúng sanh).

a. Sự kiệt lực của nghiệp tái tạo: Thân mạng con người sở dĩ tồn tại là do nghiệp, khi năng lực nghiệp (làm người) từ quá khứ đã hết thì những sanh hoạt của nguồn cơ thể ở trong đó cũng chấm dứt.

b. Tuổi thọ hết : Tuổi thọ dài hay ngắn tùy theo phước báo của mỗi cảnh giới. Khi tuổi thọ con người đã hết (ví như tuổi thọ của con người trong giai đoạn hiện nay trung bình là bảy mươi lăm tuổi), dù nghiệp lực chưa chấm dứt con người cũng phải chết.

c. Nghiệp tái tạo và tuổi thọ đồng chấm dứt: Khi nghiệp tái tạo và tuổi thọ đồng một lúc chấm dứt con người phải chết.

d. Một nghiệp lực ngược chiều ngăn chặn nghiệp tái tạo: Trường hợp nghiệp tái tạo chưa hết tuổi thọ chưa chấm dứt, nhưng do một nghiệp lực ngược chiều thật mạnh ngăn chặn nghiệp tái tạo làm cho con người phải chết. Những cái chết đột ngột, bất đắc kỳ tử... đều rơi vào tình huống này.

Sự chấm dứt thân mạng của con người không thoát ra ngoài một trong bốn trường hợp kể trên. Do vậy, chúng ta dễ cảm nhận được thân phận mong manh đèo treo trước gió của đời người. Chỉ có việc xả ly huyền thân chứng đắc pháp thân chúng ta mới có thể an tâm yên nghỉ, mới là làm xong việc lớn. Nào ai là bạn tri âm!

2. Tiến trình chết của sắc thân :

Sắc thân con người (chúng sanh) vốn do tứ đại (đất nước gió lửa) giả hợp mà thành. Do vậy, khi thân này hoại chung tứ đại sẽ trở về cho tứ đại. Nói cách khác, tiến trình chết của con người là tiến trình phân tán của tứ đại. Tiến trình chết nơi sắc thân con người lần lượt diễn bày như sau.

a. Địa đại lần áp thủy đại: Đầu tiên người bệnh cảm thấy cơ thể nặng nề, mệt mỏi, các đốt xương trong thân nhức mỗi vô ngần. Thế nên bệnh nhân có các hiện tượng như tay chân co rút, gân mạch run rẩy... Đây là trạng thái địa đại lần áp thủy đại.

b. Thủy đại lần áp hỏa đại: Tiếp theo bệnh nhân cảm thấy như có một luồng hơi lạnh từ ngoài xâm nhập vào cơ thể, khiến toàn thân lạnh cóng tợ như nằm trên băng tuyết... Thế nên bệnh nhân có các hiện tượng hơi thở buốt lạnh tứ chi lóng cóng... Đây là trạng thái thủy đại lần áp hỏa đại.

c. Hỏa đại lần áp phong đại: Giai đoạn này mạng sống chỉ còn một nửa. Bây giờ người hấp hối cảm như một luồng hơi cực nóng từ bên ngoài thổi vào thiêu đốt cơ thể, sự nóng bức còn hơn ngồi trên hố lửa... Thế nên bệnh nhân

có hiện tượng sắc mặt ửng đỏ, ngực ran nóng, tinh thần tối tăm. Đây là trạng thái hỏa đại lần áp phong đại.

d. Phong đại phân ly: Sau cùng bệnh nhân cảm nhận như có một luồng gió cực mạnh thổi bạt làm cho cơ thể tan nát như vi trần, đau đớn rã rời. Đến giai đoạn này xác thân đã chết, bốn đại đều phân tán, các giác quan đều bại hoại, chỉ còn thần thức chuẩn bị lìa khỏi thân để tùy theo nghiệp duyên đã tạo trong quá khứ và hiện tại mà tái sinh vào các cảnh giới tương ứng.

Sự chấm dứt thân mạng của con người quả thật là vô cùng đau đớn. Nỗi đau đớn khi tứ đại phân tán trong kinh đức Phật đã dùng rất nhiều ví dụ để diễn bày. Đại đức Ngài dạy rằng, nỗi khổ của con rùa bị đem đốt trên đồng lửa cũng không thể sánh bằng nỗi khổ đau của con người khi tứ đại phân ly. Trong sự đau đớn tột cùng của xác thân ấy mấy ai là người có thể làm chủ có thể an lòng nhớ Phật niệm Phật. Nếu chúng ta suốt đời không nỗ lực dụng công tu hành thì làm sao thoát ra khỏi cảnh “Thiên đường hữu lộ vô nhân vấn. Địa ngục vô môn hữu khách tầm”.

3. Tiến trình chết của tâm thức:

Sau khi Tứ đại phân ly, tâm thức người chết rơi vào trạng thái hôn muội mà không có chiêm bao. Bảy giờ minh liễu ý thức không có tác dụng hiện khởi, không thể biết được cảnh sở duyên của sáu chuyển thức. Tâm thức của con người sẽ tùy theo sự chỉ đạo của Nghiệp đã tạo, từ đó diễn tiến Hiện tượng của nghiệp và Biểu hiện lâm chung có đau khổ hay hạnh phúc dẫn dắt thần thức đi tái sinh.

Theo Phật giáo, có ba giai đoạn xuất hiện cho con người thấy khi sắp lâm chung, đó là Nghiệp, Hiện tượng của nghiệp và Biểu hiện lâm chung.

Nghiệp là những hành động thường ngày huân tập, đến khi lâm chung tâm thức sẽ nhớ lại rõ ràng. Hiện tượng của nghiệp là những biểu tượng xuất hiện trong tâm thức người lâm chung dưới hình thức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Biểu hiện lâm chung là dấu hiệu có tương quan đến cảnh giới mà người chết sắp tái sinh, khiến họ có những biểu lộ lo âu hoặc vui mừng.

Ví như một người lâm chung và tái sinh vào cảnh người. Đối tượng của phần tư tưởng cuối cùng là nghiệp lành. Hiện tượng của nghiệp này là họ thấy mình đang lễ Phật làm việc bố thí... Biểu hiện lâm chung là thân không bệnh khổ, sanh lòng chánh tín, quy y Tam bảo...

Tâm thức tái sanh đó gọi là Tán hữu tâm hay Sanh tử tâm. Tâm này vô cùng nhạy cảm có công năng dẫn dắt thần thức đi tái sanh vào các cảnh giới tương ứng. Cảnh giới thác sanh khổ đau hay hạnh phúc hoàn toàn tùy thuộc vào nghiệp lực hiện tiền mà mỗi người đã tác tạo và những sự trợ duyên hộ niệm của Tăng ni cùng Phật tử lúc thần thức chuẩn bị tái sanh.

---o0o---

III. XÁC ĐỊNH CẢNH GIỚI TÁI SANH

Con người lúc sắp chết do sự diễn tiến của Nghiệp và Hiện tượng của nghiệp mà có Biểu hiện lâm chung mỗi người mỗi khác. Cũng như khi sắp chết, xác thân sẽ có những chỗ nóng ấm sau cùng. Tìm hiểu biểu hiện lâm chung và hơi nóng đi ra cuối cùng trên xác thân người chết, chúng ta có thể biết được cảnh giới họ đang chuẩn bị tái sanh.

1. Xác định dựa vào hơi nóng sắc thân

Con người khi chết toàn thân lạnh dần, chỗ nào trên cơ thể còn hơi nóng sót lại là nơi đó thần thức xuất ra khỏi thân. Chỗ nóng sau cùng trên cơ thể người chết giúp chúng ta xác định được cảnh giới tái sanh của họ. Bài kệ trong Đại thừa tạng nghiêm kinh luận đã chỉ rõ cho chúng ta vấn đề này.

Đánh sanh cõi Thánh, mắt sanh Trời

Bụng nóng Ngạ quỷ, tim nóng Người

Bàng sanh nóng ở nơi đầu gối

Nóng ở bàn chân Địa ngục thôi.

Ví như chúng ta sờ vào cơ thể người mới chết, nếu thấy toàn thân lạnh hết chỉ còn hơi nóng ở đỉnh đầu, tất biết người đó được vãng sanh Tịnh độ. Hoặc như toàn thân lạnh hết nhưng còn hơi nóng giữa hai con mắt tức biết người đó sẽ tái sanh về cảnh trời... Các cảnh giới còn lại chúng ta có thể xác biết qua hơi nóng còn sót lại nơi nào trên cơ thể người mới chết như bài kệ trên đã trình bày.

Có điều, chúng ta cần nên tránh sự hiếu kỳ quá đáng tìm kiếm hơi nóng làm động chạm cơ thể người chết, khiến họ phát sanh phiền não rất dễ đoạ lạc. Việc này nên để những vị tu cao, các Ngài có năng lực vận chuyển hơi nóng đi lên, xác định cảnh giới sắp tái sanh của người mới chết để tìm phương cứu độ.

2. Xác định theo biểu hiện lâm chung

Con người sau khi chết tùy nghiệp mà tái sanh vào cảnh giới tương ứng. Do thân thức cảm nhận cảnh giới tái sanh khổ đau hay hạnh phúc mà tâm thức có lo âu hay sung sướng, biểu hiện qua hình thức trước khi chết. Cho nên, nhìn vào biểu hiện lâm chung của người sắp chết chúng ta có thể đoán định được cảnh giới tái sanh của họ.

Đại để người nào sắp tái sanh về cõi trời... thì biểu hiện sung sướng, thân tâm thư thái, miệng mỉm cười... Người nào sắp đoạ vào tứ ác thú biểu hiện có sự run sợ, thân thể xú ối, tay chân quờ quạng... Chung quy, do cảnh giới tái sanh có khác, mà người chết có những biểu hiện lâm chung không giống nhau (Vấn đề này chúng tôi sẽ trình bày kỹ nơi tiết ba: “Các cảnh giới tái sanh”)

---o0o---

C. KẾT LUẬN

Trong kinh Pháp cú câu 253, Đức Phật dạy : “ Thân ông bây giờ như lá héo ! Sứ giả thần chết đang chờ ông ! Ông đang đứng trước ngưỡng cửa tử vong! Ông sắp phải làm cuộc lữ hành trên đường trường của cái chết. Vậy mà sao ông chưa chuẩn bị lương thực gì cả?” Chúng ta đang sống và chuẩn bị làm lữ khách trên đường trường của cái chết. Sống và chết luôn là hai việc lớn nhất của đời người, chúng ta dầu muốn dầu không cũng không thể tránh khỏi cái chết. Ai là người có chút lo xa chẳng thể dừng dung qua ngày, buông thả đời mình trong nhục dục, mà ngay bây giờ hãy chuẩn bị lương thực Tín, Hạnh, Nguyện đừng để phải rơi vào cảnh: “Tiền lộ mang mang vị tri hà vãng” (Quy sơn cảnh sách).

---o0o---

Tiết 2 : TRẠNG THÁI SAU KHI CHẾT

A. DẪN NHẬP

Theo quan điểm của Phật giáo thì đời sống của một con người chỉ hoàn toàn chấm dứt khi cơ thể người hấp hối toàn thân lạnh hết. Lúc đó là thời điểm mà thần thức rời khỏi thể xác, giai đoạn này mới được tính là chết. Nếu như khi người bệnh vừa mới chấm dứt hơi thở nhịp tim vừa ngưng đập, nhưng hơi ấm xác thân vẫn còn thì mọi sự cảm thọ của họ vẫn đồng như người đang còn sống, chỉ có điều họ không thể nói năng,...được mà thôi.

Sau khi lìa khỏi xác thân, thần thức đi về đâu ? Quá trình thọ dụng trước khi chưa tìm ra chỗ thọ sanh của thần thức ra sao ? Quá trình nhập thai và cảnh giới thọ dụng trong thai như thế nào ? Đó là những vấn đề chúng ta cần tiếp tục tìm hiểu.

---o0o---

B. CHÁNH ĐỀ

I. TRẠNG THÁI CON NGƯỜI SAU KHI CHẾT

1. Trường hợp nào thọ thân trung ấm?

Thân thể con người vốn do vật chất tạo thành do vậy khi “chết” là sự phân tán của tứ đại, còn phần tinh thần của con người thì không mất mà tùy nghiệp thọ báo. Thần thức của con người sau khi lìa khỏi xác thân sẽ rơi vào một trong hai trường hợp sau:

a. Trường hợp không thọ thân trung ấm: Đối với hạng người nào khi sanh tiền hay tạo các nghiệp nhân cực ác (như ngũ nghịch, thập ác), hoặc hạng người khi sanh tiền đã tu tạo rất nhiều công đức lành (tu mười điều thiện), hoặc hạng người khi sanh tiền có tâm tín sâu, nguyện thiết, một lòng niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương; hoặc hạng người có công phu thiền định sâu mầu đã đoạn trừ được Kiến tư hoặc, những người này ngay khi vừa chấm dứt hơi thở họ sẽ trực chỉ đọa vào địa ngục A-Tỳ, hoặc sanh lên cung trời, hoặc vãng sanh về Tịnh độ của mười phương chư Phật, hoặc chứng đắc các Thánh vị.

b. Trường hợp thọ thân trung ấm: Đối với hạng người phổ thông bình thường, khi sanh tiền tuy tạo nghiệp nhưng không rơi vào một trong hai nghiệp cực thiện hay cực ác kể trên. Với hạng người trong tâm họ có nghiệp

thiện ác lẫn lộn nên không thể xác định họ thuộc nghiệp ác hay nghiệp thiện, để định sẵn cảnh giới tái sinh tương ứng. Trong trường hợp này, thần thức của những chúng sanh đó phải trải qua giai đoạn thọ thân trung ấm.

2. Thân trung ấm là gì ?

Mỗi con người chúng ta đều có ba thân, đó là thân tiền ấm, thân trung ấm và thân hậu ấm. Thân tiền ấm là thân hiện đời chúng ta đang có là thân vật chất năm hay bảy chục ký lô này. Thân trung ấm là thân sau khi chết, đang ở trong khoảng thời gian tìm kiếm một thân khác tương ứng để nương gá. Thân hậu ấm là thân đời sau tức là thân đã tái sinh vào một cảnh giới khác.

Đúng theo ý nghĩa của chữ thân là “tích tụ” thì sau khi thân này đã chết và chưa tìm ra chỗ đầu thai trong giai đoạn này không thể gọi là thân được. Vì trong giai đoạn này chỉ có thần thức mà thôi, chưa có tinh huyết của cha mẹ hoà hợp và chưa có những nguyên chất khác để tạo thành. Tuy nhiên trong giai đoạn này có thể tạm gọi là thân, vì nó có đủ sự thấy, nghe, hay, biết...nhưng đó chỉ là cái ảo ảnh do thần thức biến hiện, trong kinh Phật có chỗ gọi là “sắc công năng” là cái thân do nơi chủng tử của thần thức hiện hành.

Thân trung ấm còn gọi là thân trung hữu là thân quả báo ở khoảng giữa đời này và đời sau; ví như sau khi ta rời thân tiền ấm nhưng chưa thác sanh vào thân khác, trong khoảng trung gian đó gọi là Trung, do vì quả báo thân này vốn có chẳng phải không, mà con người phải gánh trả nên gọi là Hữu.

---o0o---

II. CẢNH GIỚI THỌ DỤNG CỦA THÂN TRUNG ẤM

1. Hình dáng màu sắc thọ mạng và thần lực

Trung ấm có hai loại hình sắc xinh đẹp và dung mạo xấu xa. Đại để trung ấm chuẩn bị tái sinh về loại nào thì có hình dáng tương đồng với chúng sanh loài đó. Trung ấm chư thiên đầu hướng lên, trung ấm người, Bàn sanh và Quỷ nằm ngang mà bay đi, trung ấm của chúng sanh ở địa ngục đầu chúc xuống.

Về màu sắc, trung ấm của địa ngục hình rất xấu sắc đen như than. Trung ấm của Bàn sanh sắc nám như khói. Trung ấm của Nga quỷ sắc đậm như nước.

Trung âm người và trời Dục giới sắc như vàng ròng. Trung âm của chư thiên Sắc giới rất đẹp màu tươi trắng sáng tỏ. Về ánh sáng, trung âm của kẻ tạo nghiệp ác ánh ra sắc đen hay xám như đêm tối, trung âm của kẻ tạo nghiệp thiện ánh ra sắc trắng như điện trong sáng.

Mắt của thân trung âm nhìn suốt xa như thiên nhãn không bị chướng ngại, thấy các trung âm khác và chỗ mình sẽ thọ sanh. Trong giây phút, trung âm có thể bay vòng quanh giáp núi tu di, lại có thể xuyên qua tường vách núi non không bị chướng ngại. Chỉ trừ bào thai mẹ một khi trung âm đã vào rồi thì không thể đi ra được và toà Kim cang của Phật, do thần lực của Phật trung âm không thể vượt qua được.

Thọ mạng tối đa của thân trung âm là bảy ngày, nếu quá thời hạn mà chưa tìm được chỗ thọ sanh trung âm sẽ chết đi rồi sống lại, nhưng trong vòng 49 ngày cũng sẽ tìm được chỗ thọ sanh. Trung âm khi chết, do nghiệp lành hay dữ chuyển biến mà đổi thành thân trung âm loài khác.

2. Tâm lý thọ báo

Trong thời gian này trung âm luôn luôn ở trạng thái mờ mịt phiêu phiêu không định. Các ý tưởng buồn vui lẫn lộn làm cho thân trung âm luôn từ khổ đau sang hạnh phúc thay đổi liên tục. Nói chung thời điểm này tâm thức trung âm vô cùng thống khổ và bất ổn.

Hoặc do cảm thương thân phận của mình đã chết mà sanh tâm đau buồn thương cảm, hoặc nhân tham luyến vợ con, tài sản mà khó dứt trừ tâm thương yêu trói buộc, hoặc do các tâm nguyện chưa thành đột nhiên cái chết lại đến khiến bứt rứt ngồi đứng không yên, hoặc do oan ức chưa kịp bày tỏ khiến lòng đê nén bức tức mà không chịu nhắm mắt lại... Tất cả những tâm lý đã giày xéo làm cho trung âm đã thống khổ lại chồng chất thêm thống khổ.

Bấy giờ lại do nghiệp lực quá khứ chiêu cảm, lại có những luồng gió nghiệp cực mạnh thổi nát trung âm, lại có những ánh sáng chớp loè như giông tố khiến cho trung âm hoảng hốt sàu lo, lại có những âm thanh vô cùng chói chói khiến trung âm đình tai nhức óc, lại có vô số loài ác quỷ hình thù kỳ dị cầm giáo mác đến đe dọa mạng sống ... Tất cả những cảnh tượng rùng rợn ấy đều do nghiệp lực chiêu cảm, khiến cho thân trung âm sợ muốn ngất hoảng hốt không nơi nương tựa. Bấy giờ trung âm chỉ mong cầu bà con người sống tạo phước để cứu giúp mà thôi.

Lúc đó lại có những luồng hào quang của chư Phật và ánh sáng của lục phàm phóng đến. Hào quang chư Phật với những đại hào quang rực rỡ và mạnh mẽ như hào quang sắc xanh chói loà, hào quang sắc trắng rong sạch, hào quang sắc vàng trong như bóng ngọc, hào quang sắc đỏ mãnh liệt. Còn ánh sáng lục phàm thì yếu ớt hơn.

Ánh sáng của cõi trời thì hơi trắng, ánh sáng của cõi người thì hơi vàng, ánh sáng của cõi A tu la thì hơi lục, ánh sáng của cõi Địa ngục thì như khói đen, ánh sáng của cõi Ngạ quỷ thì hơi đỏ, ánh sáng của cõi Súc sanh thì hơi xanh. Trong đó thân trung âm tùy nghiệp duyên với cõi nào thì ánh sáng của cõi ấy sẽ rực rỡ hơn. Nhân vì nghiệp duyên bất thiện của kẻ chết, thân trung âm phần nhiều chỉ thích ánh sáng của lục phàm hơn.

---o0o---

III. TRẠNG THÁI NHẬP THAI VÀ Ở TRONG THAI

1. Trạng thái nhập thai

Theo quan điểm của đạo Phật, sự kết thai của mỗi chúng sanh là do ba điều kiện hỗn hợp là tinh cha, huyết mẹ và thần thức. Tuy nhiên, dù có đủ ba yếu tố nhưng phải đủ các duyên mới hình thành bào thai. Về phần sinh lý, cha mẹ khi giao hợp tinh cha ra mà tinh mẹ không ra, hay ngược lại, hay cả hai đều không ra, lại nếu người mẹ quá mập, hay có các chứng bệnh về phụ khoa, hay uống thuốc ngừa thai. Về phần nghiệp báo, nếu cha mẹ tôn quý mà con ty tiện hay ngược lại cũng không thể thành thai.

Nếu các nghiệp duyên đều thuận, khi cha mẹ giao hợp trung âm ở xa thấy ánh lửa dục liền bay đến. Lúc đó do túc nghiệp, trung âm khởi ra vô số vọng tưởng. Như là trung âm duyên theo tâm dục của cha mẹ phát sanh ý niệm thoả thích lẫn sân hận. Với trung âm là nam thì đối với người mẹ sanh tâm ái nhiễm, tưởng như đang cùng mẹ giao hợp và sanh tâm ghét bỏ người cha. Với trung âm là nữ, đối với người cha sanh tâm ái nhiễm tưởng như đang cùng cha giao hợp và sanh tâm ghét bỏ người mẹ. Ngay lúc trung âm sanh ái tâm sân tâm cũng chính là lúc trung âm chuẩn bị vào thai mẹ.

Bấy giờ trung âm bỗng có cảm giác nóng hoặc lạnh, hoặc thấy mưa to gió lớn, mây mù nổi lên, hoặc nghe nhiều tiếng huyền não đáng chán buồn, hay tiếng thanh tao đáng ưa thích, khi các cảnh huyền này hiện ra trung âm lại

khởi ra mười huyệt tướng khác nhau: Nay ta vào nhà, ta muốn lên lầu, ta lên đền đài cao đẹp, ta lên ngồi trên giường ghế, ta vào am tranh, ta vào chòi lá, ta đi vô rừng, ta vào lùn bụi, ta xuyên qua lỗ tường vách, ta chui vào hàng rào. Khi các tướng niệm ấy xong trung âm liền vào bào thai.

2. Trạng thái ở trong thai

a. Sinh lý thọ báo:

Sau khi đầu thai vào loài nào, thai nhi phải trải qua thời gian ở trong thai tương đương với loài ấy rồi mới được sanh ra. Thai tạng khi sanh trưởng đều trải qua tám vị sai biệt :

- Yết la lam vị: Là lúc tinh huyết mới đọng lại còn hơi lỏng như hình mũi tên.
- Yết bộ đàm vị : (còn gọi An phù đà) Lúc thai tạng chưa sanh thịt trong ngoài như sữa đặc.
- Bế thi vị: Là lúc thai nhi mới tượng hình, có dáng hai tay khép lại thịt đã sanh mà còn rất mềm.
- Kiên nam vị: (còn gọi Đà na) Là lúc khối thịt đã hơi cứng có thể xoa rờ được.
- Bát la xa khô vị: (còn gọi Ban la xa khô) Là lúc thai nhục lớn lên hiện ra tướng tay, chân và đầu.
- Phát mao thảo vị: Là lúc tóc, lông, móng tay và chân hiện ra.
- Căn vị: Là lúc phát sanh tay, mắt, mũi, miệng và đường đại tiểu tiện.
- Hình vị: Là lúc các tướng nơi thân hiện ra đầy đủ rõ ràng.

b. Tâm lý thọ báo:

Sơ lược về nỗi khổ đau về tâm lý của thai nhi như thế nào ? Tâm thức thai nhi do chịu sự chi phối của phiền não khiến thai nhi luôn sống trong trạng thái lo âu đầy sợ hãi. Từ nơi vọng tưởng điên đảo chi phối, thai nhi khởi ra

các tướng huyền nghiệp và bị sự tác động ngược lại của cảnh tướng huyền nghiệp ấy, làm cho đau đớn bức bách và khó chịu vô cùng.

Đặc biệt tâm lý thai nhi trong thời gian trụ thai trải qua các tướng dị biệt, hoặc có khi thai nhi vọng tưởng điên đảo như thấy mình đang ngồi trên xe ngựa, hay đi thuyền ở lầu cao, nằm trên giường, nghe suối chảy...có khi thai nhi sanh niệm buồn chán đến tột độ, đau đớn bức bách...Chung quy, tâm lý thai nhi không ngoài tâm lý điên đảo vì khởi lòng tham cầu nhưng không được đáp ứng, tâm lý sân hận chán ghét vì sự luôn thọ dụng sự bất tịnh, tâm lý buồn bực vì sự đàm dãi máu mủ hôi nhơ, tâm lý bức bách vì trong bào thai ngục tối, tâm lý chán nản đeo đẳng vì không lối thoát. Tất cả những cảnh trạng đó đều không ngoài nghiệp nhân bất thiện trong quá khứ mà thai nhi đã tạo tác để biến hiện thành cảnh thọ dụng bất như ý khi thai nhi ở trong bào thai của mẹ.

---o0o---

C. KẾT LUẬN

Do nghiệp nhân đã tạo trong quá khứ mà phần nhiều chúng sanh sau khi chết đều phải trải qua giai đoạn thọ thân trung ấm. Vì vậy, chúng sanh phải chịu vô vàn sự khổ khi ở trong giai đoạn trung ấm, rồi bao cảnh nhọc nhằn khi vào thai, ở trong thai và khi xuất thai. Để rồi dòng chảy cuộc đời cứ cuộn cuộn cuốn tất cả chúng sanh trôi nổi dập dề trong sông mê biển ái đáng ngán đáng sợ dường nào.

Tất yếu đã có thân là có khổ, bởi khổ là do chúng ta có ý niệm chấp ngã về thân như Lão tử nói : “Ngô hữu đại hoạn vị ngô hữu thân” (ta có hoạn lớn vì ta có thân). Chúng ta chỉ có con đường “Thoát ly huyền thân, chứng nhập pháp thân” mới chấm dứt sự khổ. Con đường đó chư Phật đã diễn bày rõ ràng trong kinh điển. Nói tóm lại, chúng ta chỉ cần “Nói theo những gì Phật đã nói, làm theo những gì Phật đã làm, nghĩ theo những gì Phật đã nghĩ” tức chúng ta sẽ hoàn toàn thoát khổ. Khổ đau hay hạnh phúc, trói buộc hay giải thoát việc đó hoàn toàn do mỗi cá nhân chúng ta tự quyết định./.

---o0o---

Tiết 3 : CÁC CẢNH GIỚI TÁI SANH

A. DẪN NHẬP

Tùy theo nghiệp nhân con người đã gây tạo trong quá khứ có sai khác, mà đến khi lâm chung mỗi người hấp hối đều có những biểu hiện lâm chung khác nhau. Hoặc có người biết trước giờ chết vui vẻ niệm Phật mà chết, hoặc có người đầy sự thảng thốt, run sợ... thậm chí có người khi sắp chết đã có những tướng biểu hiện của các cảnh giới Ngạ quỷ, Súc sanh... Như thế tùy theo nghiệp nhân thiện hay ác mà con người sắp chết có những biểu hiện lâm chung khổ đau hay hạnh phúc để rồi tái sanh về cảnh giới lành hay dữ. Chung quy, cảnh giới mà con người tái sanh là cảnh giới tương ứng với sự khao khát và thoả mãn tự thân của mỗi người.

Tựu trung các cảnh giới mà con người sẽ tái sanh vào là cảnh giới gì ? Do động lực căn bản nào dẫn dắt thần thức con người đi tái sanh? Sự thọ dụng khổ đau hay hạnh phúc của từng cảnh giới ra sao? Nỗi bình an hay hốt hoảng để tương ứng với từng cảnh giới chuẩn bị tái sanh của con người như thế nào? Các yếu tố cần và đủ để biện minh về sự hình thành một cảnh giới là yếu tố gì? Đó là những vấn đề mà người Phật tử chúng ta không thể không biết.

---o0o---

B. CHÁNH ĐỀ

I. NGHIỆP VÀ CÁC CẢNH GIỚI TÁI SANH

1. Nghiệp – Nhân tố quyết định cho sự tái sanh:

Theo quan điểm đạo Phật con người sau khi chết không phải là mất hẳn, đó chỉ là một trạng thái biến dạng của nghiệp thức. Thể xác phân tán nhưng phần tâm thức tiếp tục cuộc truy cầu trong sự khao khát được thoả mãn về đối tượng (cảnh giới) tương ứng. Và cứ như thế con người chúng ta khi chưa đạt đến Thánh vị, thì mãi luân quản trong cuộc rượt bóng bắt hình nơi trò chơi luân hồi huyễn mộng hư hư thực thực này.

Ai là tác giả của cuộc chơi hư hư thực thực này ? Đó chính là nghiệp- là nguyên động lực dẫn dắt con người đi vào tái sanh trong các cảnh giới luân hồi. Nghiệp là những hành động có tác ý, từ nghiệp tạo thành sức mạnh của nghiệp hay còn gọi là nghiệp lực. Nghiệp lực chi phối tái sanh của con người qua một trong bốn loại sau:

a. Cự trọng nghiệp : Nghĩa là những hành động trọng yếu hay là những hành nghiệp nhân cự trọng. Nếu Cự trọng nghiệp thuộc về loại bất thiện đó là những nghiệp như : Ngũ nghịch, Thập ác. Bằng như Cự trọng nghiệp thuộc về loại thiện đó là những nghiệp như : Người chứng đắc các quả vị tứ thiên sắc giới trở lên.

b. Tập quán nghiệp : Còn gọi là Thường nghiệp. Tập quán nghiệp là những việc làm, lời nói hàng ngày chúng ta hay làm và thường nhớ đến ưa thích hơn hết. Những thói quen lành hay dữ dần dần uốn nắn tạo thành bản chất của con người. Ngay trong lúc vô thức đôi lúc nó vẫn hiện khởi. Trong các loại nghiệp thì nghiệp này đóng vai trò rất quan trọng.

c. Tích lũy nghiệp : Đời sống của con người hôm nay là sự tích góp bởi vô số các nghiệp từ trong quá khứ đã tạo. Trong sự luân hồi bất tận con người ai cũng đã tích lũy cho mình một số lượng lớn tài sản nghiệp. Như thế, Tích lũy nghiệp là những nghiệp do tích lũy nhiều đời. Nghiệp này có công năng dẫn dắt con người đi tái sanh, khi ba loại nghiệp trên vắng mặt.

d. Cận tử nghiệp : là nghiệp nhân sau cùng con người nhớ tưởng lúc lâm chung. Tâm niệm sau cùng của con người nếu là niệm ác tức sẽ tái sanh vào một trong các cảnh khổ. Tâm niệm sau cùng của con người nếu là niệm thiện tức sẽ tái sanh vào một trong các cảnh giới lành, đây gọi là Cận tử nghiệp.

Khi con người lâm chung, nếu không có Cự trọng nghiệp hay Tập quán nghiệp nào làm động cơ cho sự thúc đẩy tái sanh thì Cận tử nghiệp sẽ dẫn dắt con người thọ sanh. Hoặc nếu không có cả ba loại nghiệp kể trên thì Tích lũy nghiệp sẽ dẫn dắt con người tái sanh.

2. Các cảnh giới tái sanh:

Trong vũ trụ mênh mông có tất cả mười cảnh giới mà tùy theo nghiệp lực của mỗi người tạo ra, tương ứng để tái sanh vào một trong mười cảnh giới đó. Mười cảnh giới đó bao gồm bốn cảnh giới Thánh và sáu cảnh giới phàm.

Thần thức con người sau khi chết sẽ có hai tình huống xảy ra. Nếu người nào có công phu tu hành đạt đến được cảnh giới nghiệp sạch tình không, tùy mức đoạn vô minh vi tế có sâu hay cạn hoặc dứt sạch mà sanh về một trong bốn cảnh giới Thánh là Phật, Bồ Tát, Duyên giác và Thanh Văn. Hoặc như người nào tuy tu hành nhưng chưa đoạn được phiền não, chưa đạt đến cảnh giới nghiệp sạch tình không...nhưng do tâm nguyện khẩn thiết cầu sanh thế

giới Cực lạc và thường trì Thánh hiệu Phật A Di Đà, người đó cũng được thoát ly sanh tử, khi lâm chung được vãng sanh về thế giới Tịnh độ của chư Phật, lần hồi tiến tu cho đến ngày thành Phật.

Còn bằng người nào còn nghiệp sau khi chết đều phải tái sanh vào một trong sáu cảnh giới luân hồi. Tùy theo nghiệp nhân quả của mỗi con người có sai khác mà họ phải sanh vào cảnh giới khổ đau hay hạnh phúc. Sáu cảnh giới mà con người phải luân hồi qua lại đó là: Thiên đạo, Nhân đạo, A tu la đạo, Súc sanh đạo, Ngạ quỷ đạo và Địa ngục đạo. Trong đó hai cảnh giới đầu là cảnh giới thiện đạo đây là cảnh giới hạnh phúc, bốn cảnh giới sau là cảnh giới ác đạo là cảnh giới khổ đau. Chung quy, con người trong dòng sống bất tận, phần nhiều vì vô minh che lấp tạo ra các nghiệp lành hay dữ rồi phải tùy theo nghiệp lành hay dữ mà tái sanh vào một trong sáu cảnh giới luân hồi.

II. Luân hồi trong lục đạo

Trong phạm vi bài viết chúng tôi xin trình bày giản lược về cảnh giới thọ dụng và nghiệp nhân tái sanh, biểu hiện lâm chung...trong sáu cảnh giới luân hồi và cảnh giới Tịnh độ mà thôi. Nơi cảnh giới Tịnh độ chúng tôi triển khai về cảnh giới Tây phương Tịnh độ (thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà) làm đại biểu.

1. Sanh về ác đạo

a. Địa ngục đạo:

Địa ngục tiếng phạn là Nại lạc ca, có nghĩa là Khổ cụ, Phi đạo, Ác nhân... Địa ngục là cảnh giới trong đó không có hạnh phúc, nơi có đầy đủ muôn vàn sự khổ đau mà những người tạo ác nghiệp phải sanh về để trả lại những nghiệp nhân bất thiện trong quá khứ.

a.1 Cảnh giới thọ dụng:

*** Khổ lạc thọ dụng:**

Chúng sanh ở cảnh địa ngục phải chịu sự thống khổ vô cùng, như trong kinh Địa tạng có dạy: Chúng sanh ở cõi này, một ngày một đêm trải qua trăm vạn lần chết đi sống lại để chịu các khổ báo như ăn hoàn sắt nóng, uống nước đồng sôi, bị kéo lưỡi cho trâu cày...

*** Âm thực thọ dụng:**

Chúng sanh ở cảnh địa ngục đều dùng thức thực mà duy trì thân. Loại này cũng có thọ dụng phần đoạn thực vi tế, tạng phủ có hơi gió thoảng động, do nhân duyên này mà được sống lâu.

*** Dục nhiễm thọ dụng:**

Chúng sanh ở cảnh địa ngục không có hành dâm, vì bị quá nhiều sự hình phạt đau khổ.

a.2 Nghiệp nhân và biểu hiện lâm chung:

*** Nghiệp sanh tái sanh:**

Người nào hiện đời bất tín Tam bảo, tạo các nghiệp cực ác như ngũ nghịch, thập ác...sau khi chết sẽ đọa vào cảnh giới khổ đau này.

*** Biểu hiện lâm chung:**

Nếu ai lâm chung, đọa vào cảnh giới địa ngục sẽ có những biểu hiện sau:

- Nhìn ngó thân quyến với con mắt ghét giận.
- Đi đại tiện, tiểu tiện mà không hay biết.
- Nằm úp mặt hoặc che dấu mặt.
- Thân hình và miệng mồm đều hôi hám.
- Cơ thể co lại, tay chân bên trái chắm xuống đất.

b. Ngạ quỷ đạo:

Ngạ quỷ tiếng phạn Preta, Ngạ là đói khát, Quỷ là khiếp sợ. Ngạ quỷ là chỉ những chúng sanh thường xuyên bị nạn đói khát và khiếp sợ đe dọa đời sống. Thân tướng Ngạ quỷ có nhiều hình thù rất xấu xa, mắt thường con người không thể thấy được. Ngạ quỷ không có một cảnh giới riêng biệt, mà sống trong rừng bụi, ở những nơi dơ bẩn...

b.1 Cảnh giới thọ dụng :

*** Khổ lạc thọ dụng:**

Chúng sanh ở cảnh giới Nga quý chịu nhiều phần khổ não về sự đói khát chỉ có chút ít phần vui. Đại để loài Nga quý phân thành ba loại là: Quý đa tài, hạng Quý này do đời trước có tu phước nên hiện đời được ăn uống sung mãn có đầy đủ thân lực; loại thứ hai là Quý thiếu tài, hạng Quý này đời trước tuy có tu phước nhưng không nhiều, nên hiện đời tuy có đủ vật ăn uống nhưng không được như ý và thân lực kém cỏi; loại thứ ba là Quý Hy tự, hạng Quý này bụng to như cái trống cổ nhỏ như cây kim, bởi do đời trước tham lam bòn xén, nên hiện đời luôn phải chịu cảnh đói khát liên tục...

*** Âm thực thọ dụng:**

Chúng sanh ở cảnh giới Nga quý đều dùng thô đoạn thực, tức ăn uống những vật thực như con người. Có điều, loài Nga quý Hy tự (Quý kém phước) chỉ ăn thuần đồ bất tịnh. Loài Nga quý này khi thấy nước hay thức ăn thì những vật này đều hoá thành máu lửa và cát sạn.

*** Dục nhiễm thọ dụng:**

Chúng sanh ở cảnh giới Nga quý do vì có khổ vui xen lộn nên có sự dâm dục. Ở cõi này khi hai giống giao hợp, trong tâm khoái lạc tột độ liền có chất bất tịnh chảy ra.

b.2 Nghiệp nhân tái sanh và biểu hiện lâm chung:

*** Nghiệp nhân tái sanh:**

Người nào hiện đời tạo những nghiệp ác cộng với tánh hay tham lam keo kiệt, không thích làm các việc lành bố thí, cúng dường...sau khi chết sẽ đọa vào cảnh giới đau khổ này.

*** Biểu hiện khi lâm chung:**

Nếu ai lâm chung đọa vào cảnh giới Nga quý sẽ có những biểu hiện sau :

- Thân nóng như lửa.

- Thường lo nghĩ đói khát, hay nói đến việc ăn uống.
- Không đại tiện nhưng đi tiểu tiện nhiều.
- Đầu gối bên phải lạnh trước.
- Tay bên phải nắm lại biểu hiện lòng bồn xồn.

c. Súc sanh đạo:

Súc sanh hay còn gọi là bàng sanh. Bàng sanh là loại chúng sanh có xương sống nằm ngang. Lại chữ bàng có nghĩa là “biển mẫn” vì bàng sanh có nhiều chi loại và các cõi đều có loài này. Đây là cảnh giới thuần đau khổ, hình thù kỳ dị.

c.1 Cảnh giới thọ dụng :

*** Khô lạc thọ dụng:**

Chúng sanh ở cảnh giới bàng sanh chịu nhiều phần khổ về ăn nuốt lẫn nhau, chỉ có chút ít phần vui. Chúng sanh ở cảnh này phải chịu nhiều sự đánh đập, cày bừa, bị banh da xẻo thịt và nấu nướng, bị người nhai nuốt...Nói chung, họ luôn sống trong tâm trạng si mê xen lẫn đầy nỗi sợ hãi.

*** Âm thực thọ dụng :**

Chúng sanh ở cảnh giới súc sanh đều dùng thô đoạn thực. Các loài rồng thường dùng rùa, cá, ếch, nhái...làm thức ăn, loài kim sưý điều dùng rồng làm thức ăn, những vị long vương có phước báo cũng thọ dụng các trân vị như hương phạn, cam lồ, nhưng miếng ăn sau cùng đều biến thành ếch nhái. Còn lại các loài bàng sanh khác đều ăn uống những vật bất tịnh.

*** Dục nhiễm thọ dụng:**

Chúng sanh ở cảnh giới Súc sanh, do vì có khổ vui xen lộn nên có sự hành dâm. Ở cõi này khi hai giống giao hợp, trong tâm khởi niệm khoái lạc tột độ liền có chất bất tịnh chảy ra.

c.2 Nghiệp nhân tái sanh và biểu hiện lâm chung:

*** Nghiệp duyên tái sanh:**

Người nào hiện đời tạo các ác nghiệp cộng với tánh si mê, ngu độn...bướng bỉnh không nghe theo lời dạy của các bậc trưởng thượng, cố chấp không chịu sửa sai, sau khi chết đọa vào cảnh giới khổ đau này.

*** Biểu hiện lâm chung:**

Nếu ai lâm chung đọa vào cảnh giới bàng sanh sẽ có những biểu hiện sau :

- Sanh lòng yêu mến vợ con đăm đuôi không bỏ.
- Ngón tay và ngón chân đều co quắp.
- Ngu si mờ mịt như rơi vào mê sương.
- Khắp trong thân mình đều toát mồ hôi.
- Tiếng nói khò khè miệng hay ngậm đồ ăn.

---o0o---

Tiết 4 : CÁC CẢNH GIỚI TÁI SANH (tt)

d. A tu la đọa

A tu la còn gọi là A tố lạc dịch là vô đoan chánh, phi thiên.... đây là hạng chúng sanh không bao giờ hớn hở tươi vui, đa số có hình tướng không được đoan chánh tâm luôn sân hận và hay sanh ái dục. A tu la có bốn bậc đó là Thiên A tu la, Nhân A tu la, Ngạ quỷ A tu la và Súc sanh A tu la.

d.1 Cảnh giới thọ dụng:

*** Khổ lạc thọ dụng :**

Chúng sanh ở cảnh giới A tu la thọ sự khổ vui xen tạp, hoặc nhiều hoặc ít tùy theo tội phước hơn kém của mỗi người. Nói chung, A tu la tùy theo ở cảnh giới nào thì có sự khổ lạc thọ dụng tương tự như ở cảnh giới đó, vì thế họ không có chủng loại và trụ xứ riêng biệt.

*** Âm thực thọ dụng:**

Chúng sanh ở cảnh giới A tu la thọ dụng có thô đoạn thực và tế đoạn thực. A tu la ở trong Súc sanh, Ngạ quỷ và cõi người dụng các vật bất tịnh. Riêng loài thiên A tu la dù có ăn các món ăn trân vị, song miếng sau cùng tự nhiên hóa ra bùn hay sâu nhái.

*** Dục nhiễm thọ dụng :**

Chúng sanh ở cảnh giới A tu la có sự hành dâm tương đồng như chúng sanh loài người, quỷ, bàng sanh.

d.2. Nghiệp nhân tái sanh và biểu hiện lâm chung.

*** Nghiệp nhân tái sanh :**

Người nào hiện đời tuy có tu ngũ giới nhưng tâm còn nhiều sân hận và lòng dục nhiễm, sau khi chết sẽ đọa vào cảnh giới khổ đau này.

*** Biểu hiện lâm chung :**

Có thể nói A tu la là một dạng khác của Ngạ quỷ, do vậy biểu hiện lâm chung của người nào sắp tái sanh về cảnh giới A tu la, thời có những biểu hiện như chúng sanh tái sanh về cảnh giới Ngạ quỷ.

Có điều, tại sao trong A tu la có thiên A tu la thể mà loại này vẫn xếp sau nhân đạo. Sở dĩ như thế do vì hạng A tu la ở cõi trời, do tâm sân hận và ái nhiễm của họ mà có sự việc kém hơn cõi người :

- Dù loài này có ăn các món ăn trân vị song miếng ăn sau cùng tự nhiên hoá thành bùn hay ếch nhái.

- Ở trong cõi trời mưa hoa hoặc châu báu, nơi cõi người mưa nước cõi A tu la mưa xuống những binh khí dao gậy.

- Loài người tâm điềm tĩnh nên dễ thực hành theo chánh pháp của Như lai, loài A tu la tâm sôi nổi hơn thua nên khó tu đạo giải thoát.

2. Sanh về thiện đạo

a. Nhân đạo:

Nhân đạo là nẻo người. Nhân có nghĩa là nhân chỉ cho loài người khi gặp cảnh thuận nghịch đều có năng lực nhẫn nại an chịu với duyên phần. Chúng sanh ở cảnh giới này sự thọ hưởng có hạnh phúc lẫn đau khổ chứ không phải thuần khổ như bốn cảnh giới trước. Ở loài này có đầy đủ những thuận lợi để học và thực hành các giáo lý của đức Phật.

a.1 Cảnh giới thọ dụng :

*** Khổ lạc thọ dụng :**

Chúng sanh trong cảnh giới nhân đạo thọ sự khổ vui xen tạp, hoặc ít hoặc nhiều tùy theo nghiệp nhân mỗi người đã tạo ra. Nói chung, bên cạnh sự hạnh phúc đôi chút con người phải bị chi phối tám nỗi khổ lớn. Đó là : Sanh là khổ, bệnh là khổ, già là khổ, tử là khổ, cầu bất đắc là khổ, ái biệt ly là khổ, oán tăng hội là khổ và ngũ ấm xí thành là khổ.

*** Âm thực thọ dụng :**

Chúng sanh trong cảnh giới nhân đạo về âm thực thọ dụng có tể đoạn thực và thô đoạn thực. Tể đoạn thực là khi ở trong thai thọ dụng huyết phần của mẹ. Thô đoạn thực là ăn những thức ăn như : cơm, rau, cá, thịt...Nói rộng ra, các sự thọ dụng khác như : phòng nhà, chiếu, gối, tắm...cũng gọi là tể đoạn thực.

*** Dục nhiễm thọ dụng :**

Chúng sanh ở cảnh giới nhân đạo vì có sự khổ vui xen lộn nên có hành dâm. Sự hành dâm tương đồng như loài bàng sanh, quỷ, thần...khi hai thân khác giống giao hợp, trong tâm khởi niệm khoái lạc tột cùng, liền có chất bất tịnh chảy ra.

a.2 Nghiệp nhân tái sanh và biểu hiện lâm chung:

*** Nghiệp nhân tái sanh :**

Người nào hiện đời có niềm tin kiên cố đối với Tam Bảo và giữ gìn năm giới cấm, có lòng nhân từ hiếu đạo, giúp đỡ yêu thương kẻ nghèo khó, phát tâm bố thí kẻ cúng dường...sau khi chết sẽ được tái sinh vào cảnh giới người.

*** Biểu hiện lâm chung :**

Nếu ai lâm chung được tái sinh vào cảnh giới nhân đạo sẽ có những biểu hiện sau :

- Khởi niệm lành sanh lòng hòa dịu ưa việc phước đức.
- Sanh lòng chánh tín thỉnh Tam Bảo đến đối diện quy y.
- Thấy bà con trông nom sanh lòng vui mừng.
- Tâm chánh trực không ưa dua nịnh.
- Dặn dò giao phó các công việc lại cho thân quyến rồi từ biệt ra đi.

b. Thiên đạo :

Thiên đạo là nẻo trời, chữ Thiên có nghĩa là thiên nhiên, tự nhiên, lại chữ thiên ở đây còn có bốn nghĩa ẩn : Tối thắng, tối thiên, tối lạc, tối tôn. Chúng sanh ở cảnh giới này thân tướng trang nghiêm hưởng phước lạc tự nhiên, sự ăn mặc thọ dụng đều tùy niệm hóa hiện.

b.1 Cảnh giới thọ dụng :

*** Khổ lạc thọ dụng :**

Chúng sanh ở cảnh giới này khổ ít vui nhiều. Chư thiên ở cõi dục thọ dụng nhiều phần vui, có ít phần khổ về sự suy não đoạ lạc. Chư thiên ở cõi sắc giới từ sơ thiên đến tam thiên lấy định cảnh làm vui, sự vui cùng cực duy ở cõi tam thiên. Từ tứ thiên cho đến chư thiên cõi vô sắc thì không có khổ lạc thọ.

*** Âm thực thọ dụng :**

Chư thiên ở cõi dục thọ dụng những trân vị như cam lồ, tô đà. Tuy nhiên, tùy theo phước báu của mỗi vị sai khác mà có vị thọ dụng đầy đủ có vị thọ

dụng không đầy đủ, đồng thời mùi vị của thức ăn có sự hơn kém. Chư thiên ở cõi sắc giới thọ phần tư thực, dùng sự vui thiên định để nuôi sắc thân. Còn chư thiên ở cõi vô sắc thì chỉ có thức thực.

*** Dục nhiệm thọ dụng :**

Chúng sanh ở cảnh thiên đạo, chỉ có chư thiên ở dục giới là có sự hành dâm, còn chư thiên ở cõi sắc và vô sắc giới đều tu phạm hạnh không có dục nhiệm thọ dụng.

Thiên chúng ở dục giới khi gần gũi với nhau không có chảy ra chất bất tịnh, chỉ nơi căn môn có hơi gió nhẹ thổi ra dục niệm liền tiêu. Trời Tứ thiên vương và Đạo lợi có sự giao cảm cũng như loài người. Trời Dạ ma nam nữ chỉ ôm nhau là đã thoả mãn dâm dục. Trời Đâu suất hai bên nắm tay nhau dục niệm liền tiêu. Trời Hoá lạc hai bên nam nữ chỉ chăm nhìn nhau cười là dục sự đầy đủ. Trời Tha hoá chư thiên chỉ liếc mắt nhau là đã xong rồi dục sự.

b.2 Nghiệp nhân tái sanh và biểu hiện lâm chung :

*** Nghiệp nhân tái sanh :**

Người nào hiện đời tu Thập thiện và chứng đắc các thiên định, sau khi lâm chung sẽ được tái sanh về cảnh trời. Trong đó người nào thành tựu mười nghiệp lành, sẽ tái sanh về cảnh giới Dục giới, người nào tu mười nghiệp lành cộng với chứng đắc một trong bốn thiên định (tứ thiên) sẽ tái sanh về cảnh trời Sắc giới, người nào tu mười nghiệp lành cộng với chứng đắc một trong bốn không định (tứ không) sẽ tái sanh về cảnh trời Vô sắc.

*** Biểu hiện lâm chung :**

Nếu ai lâm chung được tái sanh về cảnh trời sẽ có những biểu hiện sau :

- Phát khởi tâm lành.
- Chánh niệm rõ ràng.
- Đối với của cải, vợ con... lòng không lưu luyến.
- Không có những sự hôi hám.

- Ngửa mặt lên và mỉm cười, mà nghĩ tưởng thiên cung đến rước mình...

Lưu ý:

Biểu hiện lâm chung của sáu cảnh giới kể trên không phải con người khi sắp chết mỗi mỗi đều biểu hiện đầy đủ, mà đôi lúc chỉ có những điểm thiết yếu biểu hiện. Lại chúng ta cần phân biệt, ví như hai cảnh giới nhân đạo và thiên đạo thì tâm hồn họ đều trong sạch, nhưng một bên chỉ nghĩ đến thiên cung xao lãng việc đời, một bên thì thương nhớ bà con căn dặn việc nhà. Còn hai cảnh Nga quý và địa ngục thì tâm hồn họ đều mê man, nhưng một bên thì sanh tâm nóng nảy mất hết sự từ hòa, một bên thì biểu hiện tham lam hay nói đến chuyện ăn uống. Đến như loài Súc sanh thì thân thể tháo mồ hôi tiếng nói khàn nghệt nhưng còn luyện tiếc bà con.... đó là những điểm dị biệt trong sáu cảnh giới để chúng ta xác định rõ từng cảnh giới tái sanh.

Lại có đôi người đến khi chết tâm hồn trở thành vô ký (không biểu hiện lành hay dữ như thế nào). Hạng người này muốn dự đoán họ sẽ tái sanh về cảnh giới nào, chúng ta chỉ xác định dựa theo hơi nóng nơi nào trên thân mới có thể quyết đoán được.

---o0o---

III. BA YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH THÀNH TỰU MỘT CẢNH GIỚI

Xưa nay có một số người quan niệm rằng : Con người chúng ta khi tâm thanh tịnh chính là đang sống trong cảnh giới Tịnh độ, khi tâm đang ngu si, mê mờ...là đang sống trong cảnh giới địa ngục chứ không có cảnh giới Tịnh độ hay cảnh giới địa ngục nào khác. Quan niệm về cảnh giới như thế là hoàn toàn không chính xác, đôi khi dẫn đến nhiều sự ngộ nhận gây tác hại không nhỏ. Với những biểu hiện của tâm con người như thế, chúng ta chỉ có thể nói đó là nghiệp nhân Tịnh độ hay nghiệp nhân địa ngục mà con người đang tạo mà thôi.

Chung quy, cảnh giới mà mỗi khi chúng sanh thọ dụng phải đầy đủ ba yếu tố mới có thể thành tựu :

Vũ trụ quan : Là xác định vị trí địa lý của mỗi cảnh giới, như cảnh Tây phương Tịnh độ là cõi cực kỳ trang nghiêm nằm ở phía tây cõi Ta Bà, địa ngục là cảnh giới thuần khổ đau vị trí ở ngoài mé núi Thiết vi.

Nhân sanh quan : Là xác định thân tướng sai biệt của mỗi cảnh giới, bởi thân tướng của mỗi loài tùy theo phước báu có hơn kém mà mỗi loài đều có hình tướng sai biệt, như thân tướng của Thánh chúng cõi Tây phương Tịnh độ thì trang nghiêm đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, còn thân tướng của chúng sanh ở cảnh giới Ngạ quỷ thì bụng to như trống, cổ nhỏ như kim, thân tướng chúng sanh ở cảnh địa ngục thì xấu xa kỳ dị, đầu trâu mặt ngựa...

Tâm lý quan : Là xác định tâm lý sai biệt của mỗi cảnh giới, như tâm của Thánh chúng cõi Tây Phương Tịnh độ thì luôn thanh tịnh, tâm các Ngài luôn an trụ vào thiền định đồng thọ hưởng pháp lạc của thiền định tương đồng với Phật A Di Đà; còn tâm chúng sanh ở cảnh giới Ngạ quỷ luôn bị sự đốt cháy của đói khát... tâm của chúng sanh ở cảnh giới địa ngục luôn sân hận, sợ hãi...

Như thế, chúng sanh hiện đời gây tạo nghiệp nhân gì sau khi lâm chung sẽ tùy theo nghiệp nhân đó mà tái sanh về một trong sáu cảnh giới luân hồi. Do đó, cảnh giới tái sanh chỉ xác lập khi đã đầy đủ ba yếu tố kể trên, nếu chưa đủ ba yếu tố đó thì chưa có thể nói đó là cảnh giới chúng sanh đang thọ dụng. Hay nói một cách khác, ở mỗi cảnh giới đều có vị trí, thân tướng và tâm lý sai khác mà chúng sanh ấy phải thọ dụng.

C. Kết luận :

Tóm lại, bởi do vô minh và ái dục chi phối mà chúng sanh cứ sống rồi chết, chết rồi lại sống, cứ thế mãi mãi trôi lăn vào một trong sáu cảnh giới luân hồi. Trong sáu cảnh giới đó, bốn cảnh giới trước hoàn toàn khổ đau, hai cảnh sau trời và người tuy có hạnh phúc nhưng xét lại vẫn thuần là khổ.

Ví như chúng sanh ở cảnh giới địa ngục, thì một ngày một đêm phải trải qua cảnh vạn lần chết đi sống lại bị sự tra tấn của vạc dầu hầm lửa. Chúng sanh ở cảnh giới Ngạ quỷ thì bị sự thiêu đốt của nạn đói khát, ngàn vạn năm cái tên cơm, nước chưa từng nghe hưởng gì là được ăn no. chúng sanh ở cảnh giới Súc sanh thì bị sự khô của si mê dày vò, bị người khác banh da xẻo thịt nhai nuốt vào bụng. Chúng sanh ở cảnh giới A tu la thì bị sự sân hận và tham dục chi phối, suốt ngày luôn đánh giết lẫn nhau để tìm cầu sự thoả mãn của xác thịt. Còn chúng sanh ở hai cảnh giới trời, người tuy có hạnh phúc xen lẫn khổ đau nhưng ở cảnh người, chúng sanh phải chịu tướng bát khổ; ở cảnh giới trời vẫn bị năm tướng suy hao. Chi bằng muốn thoát ly sanh tử luân hồi tránh sự nhọc nhằn khi phải làm kẻ lữ khách qua lại nơi tam giới, chúng ta

nên cố gắng phát tâm tín sâu, nguyện thiết, chuyên trì danh hiệu Phật A Di Đà. Chúng ta chỉ mong làm sao hiện đời trả chút nghiệp còn lại lâm chung sớm được vãng sanh về nước Phật mà thôi.

---o0o---

Tiết 5 : CẢNH GIỚI TỊNH ĐỘ

A. DẪN NHẬP.

Chúng sanh nào hiện đời phát tâm tín sâu, nguyện thiết, chuyên trì danh hiệu Phật sau khi lâm chung sẽ được vãng sanh về thế giới Tịnh độ. Nói chi tiết, thế giới Tịnh độ bàng bạc khắp mười phương, nhưng khi luận bàn về cảnh Tịnh độ làm chỗ quy túc cho chúng sanh ở cảnh giới Ta Bà này, đức Phật Thích Ca Mâu Ni chúng ta đặc biệt nhấn mạnh về thế giới Tây Phương Tịnh độ do đức Phật A Di Đà làm giáo chủ hơn cả

Trong phần giới hạn của bài viết này chúng tôi xin trình bày ba điểm : Sự thù thắng y báo và chánh báo của thế giới Tây phương Tịnh độ. Nghiệp nhân vãng sanh và biểu hiện khi lâm chung. Bốn yếu quyết đưa đến sự thành công của pháp niệm Phật. Cầu nguyện tất cả chúng sanh khi lâm chung được sớm xum vầy nơi cảnh giới Tịnh độ của Phật A Di Đà.

---o0o---

B. CHÁNH ĐỀ

I. Sự thù thắng y báo và chánh báo của thế giới Tịnh độ (Cực Lạc)

1. Thế nào gọi là Tịnh độ :

Theo lời Phật dạy trong mười phương hư không có vô lượng quốc độ có những trạng huống khổ vui ngàn muôn sai biệt. Nếu phân chia tổng quát, các cảnh giới đó có thể chia thành hai loại là cảnh giới uế độ và cảnh giới Tịnh độ.

a. Cảnh giới uế độ : Là cảnh giới thuần khổ đau, cảnh giới này vốn do cộng nghiệp của chúng sanh duyên khởi. Cộng nghiệp này cảm thành quốc độ y báo chung để chúng sanh tùy từng biệt nghiệp thiện ác mà thọ quả báo hoặc khổ hoặc vui.

b. Cảnh giới Tịnh độ : Là cảnh giới hoàn toàn an vui hạnh phúc. Cảnh giới này là do Phật và Bồ Tát hoá hiện ra dùng để làm chốn đạo tràng giáo hoá chúng sanh.

2. Sự thù thắng của y báo và chánh báo.

a. Chánh báo :

- An lạc vô bệnh.
- Thọ mạng lâu dài.
- Thân tướng đẹp đẽ.
- Không có sự bất bình đẳng về giàu nghèo sang hèn.
- Tâm tánh nhu hoà đạo đức cao thượng.
- Đạo tâm kiên cố.
- Mọi người đều do hoá sanh mà có.
- Không có sự sai khác về nhỏ lớn, già trẻ, mạnh yếu.
- Không có như bản ô uế.
- Tâm trí phóng khoáng thông đạt.
- Hết luân hồi trong lục đạo.
- Đủ sáu món thân thông.
- Đầy đủ huệ nhãn chánh kiến.

Mười ba món trang nghiêm thanh tịnh trên đây thuộc phần chúng sanh thế gian (chánh báo).

b. Y báo:

- Đất đai bằng phẳng đầy châu ngọc trong suốt, không có khe núi gò lồi chõm và ao rãnh sông ngòi trời trũng.
- Không có các tai nạn thiên tai như lụt bão, sấm sét, đại hạn, địa chấn gây ra mất mùa đói khát.
- Bầu trời luôn quang đãng, không cần ánh sáng mặt trời, mặt trăng hay đèn nến.
- Tất cả vật dụng luôn luôn mới mẻ, không vỡ, không hư, không mục nát, không cũ nhóp.
- Phong cảnh xinh tươi, cây hoa đẹp đẽ, lầu gác mỹ lệ, không cần nhọc công kiến trúc trang hoàng mà tự nhiên hiện thành.
- Khí trời luôn mát mẻ.
- Âm nhạc nhiệm màu, hoà tấu tự nhiên hay ngừng dứt tùy theo sở thích của người nghe.
- Không có động vật nào khác ngoài loài người trừ sự biến hoá của Phật.
- Hồ nước trong thơm ngọt ngào, cạn sâu ấm áp tùy theo sở thích.
- Cảnh vật tiếp xúc gây được khoái cảm nhẹ nhàng, mà không làm chao động đạo niệm.
- Bảy báu và vật dụng tự nhiên thành tựu, để cung ứng đầy đủ mà không cần đến sức người.
- Không có các sự trần lao phiền não.
- Không có nạn nhân mãn, mặc dầu dân số ngày một tăng.
- Nhân dân sống trong cảnh thái bình an lạc, không có tà ma ngoại đạo ức hiếp.

Mười bốn món trên đây thuộc về phần khí thể gian (y báo).

Cảnh giới nào có đầy đủ hai phần y báo và chánh báo trang nghiêm thanh tịnh như thế mới được gọi là cảnh giới Tịnh độ. Ngược lại, cảnh giới nào không hội đủ hai điều kiện y chánh trang nghiêm kể trên thì cảnh đó là cảnh giới uế độ. Cảnh giới Tây Phương Cực Lạc do Đức Phật A Di Đà làm giáo chủ là cảnh giới thanh tịnh trang nghiêm hai mặt y báo và chánh báo, nên được gọi là cảnh giới Tịnh độ của Phật A Di Đà.

---o0o---

II. Nghiệp nhân vãng sanh và biểu hiện lâm chung

1. Nghiệp nhân vãng sanh:

Theo lời đức Phật dạy trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, người nào muốn được vãng sanh về cảnh giới Tây phương Tịnh độ do đức Phật A Di Đà làm giáo chủ phải tu ba món phước sau :

“Muốn sanh về nước ấy phải tu ba thứ phước, một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, giữ lòng từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành. Hai là thọ trì tam quy, giữ trọn vẹn các giới, đừng phạm oai nghi. Ba là phát lòng Bồ đề, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn người khác tu hành. Ba điều như thế gọi là chánh nhân tịnh nghiệp”.

Theo lời sơ giải của đại sư Thiên thai, cho rằng ba món tịnh nghiệp trên thuộc về tán thiện, còn ba món tư lương Tín, Nguyện, Hạnh (trong Kinh A Di Đà) mới là định thiện (Định thiện : là dứt tất cả mọi tư lự để tâm ngưng vào một cảnh, Tán thiện : là bỏ ác để tu hành mặc dầu tâm tán loạn).

Theo kinh A Di Đà, hành giả muốn được vãng sanh thế giới Cực Lạc phải hội đủ ba tư lương là Tín, Nguyện và Hạnh.

- Tín : Tin rằng thật có đức Phật A Di Đà thành lập nước Cực Lạc bằng bốn mươi tám đại nguyện để tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương thế giới niệm Phật cầu vãng sanh.

- Nguyện : Nguyện đến lúc lâm chung được Phật A Di Đà và Thánh chúng hiện thân đến tiếp dẫn, sau khi thành Phật trở lại Ta bà hoá độ chúng sanh.

- Hạnh : Là chuyên trì sáu chữ hồng danh “ Nam mô A Di Đà Phật”, niệm cho đến khi đạt được nhất tâm bất loạn.

2. Biểu hiện lâm chung :

Nếu ai lâm chung được vãng sanh về thế giới Cực Lạc sẽ có những biểu hiện sau :

- Tâm hồn không bị rối bời.
- Biết trước giờ chết đã đến.
- Tâm niệm chân chánh không mất.
- Biết trước mà tắm rửa và thay quần áo.
- Tự mình niệm Phật hoặc niệm có tiếng hay niệm thầm.
- Mùi thơm lạ khắp nhà.
- Có hào quang sáng soi rọi vào trong cơ thể.
- Tự nói ra bài kệ để khuyên dạy đệ tử.
- Nhạc trời trời dậy giữa hư không.

Nếu có ai có đầy đủ các điểm tốt kể trên thì phẩm vị chắc chắn rất cao. Còn ai chỉ được một vài điểm tốt cho đến năm điểm tốt mà thôi, người đó quyết cũng được vãng sanh về Tịnh độ.

---o0o---

III. Bốn yếu quyết đưa đến sự thành công

Theo đại sư Cổ côn (đời Thanh), người niệm Phật muốn được thành công phải nắm vững bốn yếu quyết sau :

1. Người niệm Phật không cần tham cầu Tịnh cảnh :

Xưa nay, có một số vị khi phát tâm niệm Phật chỉ lo ham cầu tịnh cảnh (như cầu thấy Phật hiện thân, cầu thấy cảnh giới Tịnh độ...), chứ không đặt nặng vào việc cầu vãng sanh Tịnh độ, đây quả thật là đại bịnh. Bởi cầu tịnh cảnh

mà không cầu vãng sanh Tây Phương, kẻ niệm Phật đó chẳng khác cầu cát mà bỏ vàng, niệm Phật với tâm như thế không phù hợp với ý Phật “chấp trì danh hiệu Phật, một lòng cầu nguyện vãng sanh” (kinh A Di Đà), không thể đạt thành công đức vô lượng và không thể vãng sanh.

2. Người niệm Phật không cần tham thoại đầu “ niệm Phật là ai ?”

Người niệm Phật lấy cái tâm thanh tịnh bản lai của mình mà niệm đức Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương, rồi nhờ đức Phật A Di Đà hiển lộ cái tâm bản lai thanh tịnh của mình. Mỗi khi khởi tâm niệm Phật là tâm ta hướng về tâm Phật, tâm Phật hướng về tâm ta. Tâm ta và tâm Phật rõ ràng, tâm ta và tâm Phật là một, lý cảm ứng đạo giao bất khả tư nghì. Vì thế đương lúc niệm Phật mà đi hỏi niệm Phật là ai, tức là trên cái đầu của mình lại đặt thêm một cái đầu nữa, cỡi lừa mà lại đi tìm lừa.

3. Người niệm Phật không cần dứt trừ vọng tưởng:

Ngày nay có nhiều người tu các pháp môn khác, thấy ai niệm Phật họ bèn khởi tâm chê bai : “ người niệm Phật mà còn vọng tưởng thì không đạt thành kết quả”. Nhưng họ không biết rằng, người niệm Phật tuy còn vọng tưởng vẫn có thể đời nghiệp vãng sanh. Ngài Linh Phong dạy: “kẻ tín thâm nguyện thiết mà tâm còn nhiều vọng tưởng thì kẻ đó sẽ được Hạ phẩm hạ sanh. Tuy là Hạ phẩm hạ sanh nhưng chẳng ngại gì, vì đồng được bậc thiện nhân câu hội chung một chỗ, cùng thọ dụng pháp lạc, há không phải là đại dụng hay sao ?”.

4. Người niệm Phật không cần cầu nhất tâm :

Người tán tâm niệm Phật thường ngày niệm không thoái chuyển, lâu ngày tự nhiên sẽ thành tựu sự nhất tâm. Như thế nhất tâm bất loạn là do tán niệm định số mà thành. Chúng ta niệm Phật tuy không cần cầu nhất tâm nhưng cứ tương tục niệm Phật thì nhất tâm bất loạn sẽ hiển bày.

Trái lại người nào niệm Phật chỉ lo cầu nhất tâm mà bỏ qua pháp tán niệm định số, thì chẳng khác nào kẻ không nấu cơm mà cầu có cơm ăn, không chịu khó học mà muốn thành tài giỏi...là điều không thể xảy ra.

Cho nên, đối với các bậc hữu duyên của tông Tịnh độ, chúng ta chỉ cần lập chí quyết định trì danh niệm Phật mà không cần phải tham cầu tịnh cảnh, không cần xem câu niệm Phật như một câu khấn thoại đầu; không cần nghĩ

đến chuyện còn vọng tưởng hay không vọng tưởng, không cần phải cầu nhất tâm bất loạn. Mà chúng ta thường ngày cứ chuyên trì Thánh hiệu Phật A Di Đà “ đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm Phật”, từ đây cho đến khi chết, chúng ta quyết định sẽ được vãng sanh.

---o0o---

C. KẾT LUẬN

Trên đây, chúng tôi đã trình bày khái lược về sự thù thắng của thế giới Tây Phương Tịnh độ của đức Phật A Di Đà, để rồi chúng ta có sự so sánh giữa cảnh Tịnh độ và sáu cảnh giới luân hồi, thì sự khổ đau và hạnh phúc của Tịnh độ và sáu cảnh giới kia khác xa như trời vực.

Tất nhiên, chúng ta cầu về Tịnh độ không chỉ là vì chán sợ cảnh luân hồi đau khổ, mà vì ở cảnh Tịnh độ là nơi có đủ thắng duyên để chúng ta tu hành. Khi nương vào Tịnh độ tu hành thành Phật rồi chúng ta sẽ cõi thuyền đại nguyện, trở lại cảnh khổ Ta Bà này để hoá độ vô số chúng sanh, tròn đầy công hạnh Bồ tát đạo. Nào ai là kẻ tự cho mình là hạng người bi lâm lai láng, trí huệ ngập trời lại còn chần chừ mà không chịu cầu nguyện vãng sanh Tịnh độ ư ?

---o0o---

Tiết 6 : DỰ BỊ LÚC LÂM CHUNG

A. DẪN NHẬP

Con người sau khi chết được vãng sanh về cảnh giới Tịnh độ hay đầu thai vào một trong sáu cảnh giới luân hồi là do động lực nào quyết định ! Theo đạo Phật tất cả mọi yếu tố đoạ lạc hay giải thoát, khổ đau hay hạnh phúc...đều do tự tâm quyết định. Như trong kinh Pháp cú đã từng dạy : “Tâm làm chủ tâm dẫn đầu các pháp...”, hay trong kinh Hoa nghiêm nói: “ Tâm như hoạ công sư, hoạ chủng chủng ngũ uẩn, nhất thiết thế giới trung, vô pháp nhi bất tạo”

Do vậy, tâm thức chánh niệm hay tán loạn của con người khi lâm chung là yếu tố quyết định cho sự vãng sanh hay đoạ lạc. Muốn đạt được tâm chánh niệm đó, người Phật tử khi còn sống phải chuẩn bị đầy đủ các duyên như thế nào? Cũng như đến lúc lâm chung tâm mình phải kiên định niệm Phật và

thân quyến của người quá vãng phải có sự trợ niệm, tiến vong ra sao? Cách thức cử hành tang lễ sao cho có lợi ích đối với người chết, tránh sự tốn kém không có ý nghĩa? Đây là những vấn đề vô cùng quan trọng, chúng ta cần phải biết để chuẩn bị sẵn, bởi vì những sự chuẩn bị này sẽ có tác dụng thay đổi cả một cảnh giới khổ đau hay hạnh phúc của một đời người.

I. Những dự bị cần thiết cho lúc lâm chung

Với những dự bị cần thiết cho lúc lâm chung, chúng ta cần phải dự bị qua hai phần là dự bị ngoại duyên và dự bị tinh thần.

1. Dự bị ngoại duyên :

a. Kết duyên với bạn đồng tu:

Người niệm Phật khi còn khoẻ mạnh cần phải kết duyên với bạn đồng tu, nhất là những người ở gần mình để sách tấn tu hành và trợ niệm cho nhau khi lâm chung. Tốt nhất là chúng ta nên tổ chức các đoàn niệm Phật trợ niệm; mỗi khi trong đoàn có người nào bệnh nặng mọi người đồng đến thay nhau niệm Phật trợ niệm cho vị đó.

Nếu chúng ta thường đến trợ niệm cho người khác khi lâm chung, sau này khi chúng ta lâm chung, quyết sẽ được người khác trợ niệm; đồng thời mọi việc làm của bà con lúc chúng ta lâm chung do sự chỉ đạo của mình mà mọi sự đều như pháp.

Nên nhớ, chúng ta phần nhiều đều bị nghiệp chướng nặng nề ràng buộc, khi lâm chung nếu không có người khác niệm Phật trợ niệm thì lúc nghiệp phát hiện, thân thể đau nhức, tâm thức dễ bị hôn mê, e khó có thể một lòng tương Phật, niệm Phật để cầu nguyện vãng sanh.

b. Mọi việc cần sắp đặt trước

Người niệm Phật khi tuổi già nên đem mọi việc từ nhà cửa, ruộng vườn tài sản...giao lại cho con cháu, lúc đó chỉ lo việc đi chùa, tụng kinh, niệm Phật mà thôi. Lại đến khi bệnh nặng thấy cơ thể mình ngày càng suy yếu nên đem hậu sự sắp đặt trước để khi lâm chung khỏi phải bận tâm.

Tốt nhất khi bệnh nặng nên viết di chúc, ngoài việc giao lại tài sản, nhà cửa cho con cháu, di chúc phải có những điểm sau :

-Khi mình đau nặng hoặc lâm chung, bà con quyến thuộc không được khóc lóc hoặc lộ nét bi sầu, nếu có thật tâm thương yêu hiếu thuận thì chỉ một lòng niệm Phật trợ niệm.

-Trong thời gian tang lễ con cái phải ăn chay, cúng chay, một lòng tụng kinh niệm Phật, làm mọi phước đức để hồi hướng cho người quá cố.

2. Dự bị tinh thần :

Nói về phần dự bị tinh thần nơi đây chúng tôi xin khái lược qua ba điểm:

a. Người niệm Phật phải có nhận thức chính xác về cuộc đời:

Người niệm Phật khi còn sống phải có nhận thức chính xác về cuộc đời, phải biết rằng cuộc đời mà con người phàm phu tham đắm bản chất của nó vốn là khổ, không, vô thường, là có ngã. Chúng ta vì vô minh che lấp mà mãi bị trôi lăn trong dòng sông khổ, không, vô thường, vô ngã này.

Khi xác định được bản chất của cuộc đời là khổ, không, vô thường, vô ngã, chúng ta sẽ không còn tâm niệm đắm trước nữa mà một lòng niệm Phật cầu nguyện sớm được sanh về cảnh giới Tịnh độ thường, lạc, ngã, tịnh đầy thanh tịnh trang nghiêm của đức Phật A Di Đà.

b. Phải một lòng niệm Phật :

Người niệm Phật muốn chắc thật vãng sanh cần phải tinh tấn niệm Phật từ khi biết pháp môn niệm Phật cho đến lúc lâm chung. Phải có niềm tin kiên cố vào Phật A Di Đà, tin rằng chúng ta ở cảnh Ta bà này niệm Phật thì cảnh giới Tây Phương đức Phật A Di Đà và chư thánh chúng ngày đêm mong ngóng chúng ta sớm về với Ngài. Tin rằng sau khi chúng ta mạng chung quyết định Phật A Di Đà và thánh chúng đồng hiện thân đến tiếp dẫn...

Kể đến người niệm Phật phải có tâm mong cầu giải thoát, phải xem từ tiền của, ruộng vườn cho đến thân bằng quyến thuộc đều là duyên giả tạm, sống tùy duyên cảnh chết rũ sạch không, luôn sanh tâm yếm ly Ta bà, một lòng cầu nguyện sớm được vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Tâm nguyện kiên cố cầu sanh đó như trong Di Đà sơ dạy: “Trông về Cực lạc như nhớ cố hương, ngưỡng mến đức Từ tôn như cha mẹ”

c. Cần dứt trừ các mối nghi:

Theo đại sư Từ Chiếu người niệm Phật khi lâm chung thường có ba điều nghi, bốn cửa ải hay làm chướng ngại cho sự vãng sanh. Ba điều đó là: 1- Nghi mình túc nghiệp sâu nặng thời gian công phu tu hành ít e không được vãng sanh; 2- Nghi mình bản nguyện chưa trả xong, tham, sân, si chưa dứt e không được vãng sanh; 3- Nghi mình niệm Phật Phật không đến rước e không được vãng sanh. Bốn cửa ải là : 1-Hoặc nhân bệnh khổ mà trở lại huỷ báng Phật không linh; 2-Hoặc nhân tham sống mà giết vật mang cúng tế; 3- Hoặc nhân uống thuốc mà dùng rượu cùng chất máu tanh hôi; 4- Hoặc nhân ái luyến mà tự ràng buộc với gia đình.

Những điểm nghi ngờ này người niệm Phật cần phải suy nghĩ để dứt trừ, phải nhớ rằng đức A Di Đà Phật đại từ đại bi không bao giờ rời bỏ chúng sanh. Người nào đã phát tâm niệm Phật đến khi lâm chung người đó sẽ được Phật tiếp độ. Chúng ta phải giữ vững niềm tin vào bản nguyện lực cứu độ chúng sanh của đức Phật để dự bị trước cho tinh thần được an ổn lúc lâm chung.

---o0o---

II.SỰ KHẨN YẾU LÚC LÂM CHUNG

1. Cần một lòng niệm Phật:

Người niệm Phật khi bệnh chưa nặng cũng nên uống thuốc, nhưng khi bệnh quá nặng có thể không cần dùng thuốc. Nên nhớ đến lúc bệnh nặng người niệm Phật cần phải buông bỏ mọi duyên xung quanh, không được đăm trước vợ con tài sản cho đến chính thân tâm của mình, chỉ chuyên nhất một lòng niệm Phật cầu nguyện Phật và thánh chúng đến tiếp độ.

Nếu hơi thở còn dài thì nên niệm bốn chữ A Di Đà Phật, bằng như hơi thở dứt quãng sức khỏe quá yếu thì trong tâm chỉ cần đề khởi một chữ Phật. Bấy giờ người niệm Phật lại quán tưởng Phật A Di Đà và thánh chúng đang hiện thân trước mặt, duỗi tay để tiếp độ mình vãng sanh theo Phật. Trong tâm lúc này chỉ có ý niệm về Phật và cầu vãng sanh chứ không có một ý niệm nào khác.

2. Tỉnh bậc thiện tri thức khai thị:

Lúc bệnh nhân đau nặng nhưng thần thức vẫn còn thanh tỉnh, người nhà nên thỉnh thiện tri thức đến vì người bệnh mà khai thị. Đại khái vị thiện tri thức vì người bệnh mà có đôi lời an ủi, tán thán công đức tu hành mà khi sanh tiền người bệnh đã có được.

Đồng thời nói rõ cảnh khổ của thế giới Ta bà và diễn tả những niềm vui của thế giới Cực lạc, để bệnh nhân phát lòng hâm mộ, thấy Ta bà là cảnh đáng chán miền Tịnh độ là nơi nên nguyện về để phát nguyện cầu sanh. Nếu trong tâm người bệnh còn có điều gì uẩn khúc, nghi ngờ thì nên tùy cơ giải thích để cho tư tưởng người bệnh được thông suốt.

Vị thiện tri thức còn có trách nhiệm khuyên bảo người nhà chớ nên sanh tâm buồn phiền khóc lóc làm chướng ngại sự vãng sanh của người bệnh. Phải nên một lòng niệm Phật để trợ niệm cho người bệnh sớm được vãng sanh, khuyên gia đình nên đem tài sản của người bệnh bố thí, cúng dường... để trợ tiền cho sự vãng sanh.

3. Cách thức trợ niệm:

Khi bệnh nhân sắp mãn phần, sự trợ duyên niệm Phật là vô cùng cần thiết. Cách thức trợ niệm cần phải y theo những điều kiện sau :

Trong phòng người bệnh phải thoáng mát không được gây ồn ào, không được cười giỡn và nói chuyện tạp. Bà con không được khóc lóc hay lộ nét ưu sầu để cho người bệnh nghe thấy sẽ sanh tâm bi luyến chướng ngại cho sự vãng sanh.

Thỉnh một bức tượng Phật A Di Đà (hoặc Thánh tượng Tây Phương tam Thánh) để trước mặt sao cho người bệnh trông thấy, cắm bình hoa tươi và đốt lò hương nhẹ. Người trợ niệm tùy theo số nhiều hay ít, chia thành hai hoặc ba ban luân phiên niệm Phật. Các ban phải canh đồng hồ (mỗi ban khoảng nửa giờ) mà chuyển nhau, đừng để cho câu niệm Phật gián đoạn, ít nhất là sau khi bệnh nhân tắt thở khoảng tám giờ đồng hồ mới được ngưng sự trợ niệm.

Lại có điều chú ý, tiếng niệm Phật không được quá bi ai khiến tâm người bệnh sanh luyến ái; lúc sắp lâm chung cho đến sau tám giờ đồng hồ, tiếng niệm Phật phải liên tục và niệm lớn. Khi người bệnh tâm thức qua hôn trầm, bảy giờ người trợ niệm phải kê miệng sát vào tai họ mà niệm mới có thể làm cho người chết được minh tâm.

---o0o---

III. Điều khẩn yếu sau khi mãn phần

1. Khi tắt hơi cho đến lúc truy tiên :

Sau khi người bệnh tắt hơi thở, người trợ niệm vẫn phải chia ban luân phiên niệm Phật cho tới tám tiếng đồng hồ sau, để cho sự vãng sanh được bảo đảm. Trong thời điểm này, người trợ niệm phải cấm không cho gia đình bà con khóc lóc hay rờ rẫm thể xác. Đối với phòng bệnh ngăn không cho người không am hiểu đổ xô vào xúc chạm, không cho chó mèo nhảy vào va chạm người bệnh.

Sau tám giờ đồng hồ, người trợ niệm mới dùng tay nhẹ nhàng thăm dò hơi nóng trên cơ thể người bệnh. Nếu cơ thể người bệnh toàn thân đã lạnh hẳn, thì phải qua hai tiếng đồng hồ mới tắm rửa thay đổi y phục. Ngoài ra không được làm điều gì khác, vì trong khoảng thời gian này người chết tuy không nói được nhưng vẫn còn cảm giác.

2. Cách thức cử hành tang lễ:

Mục đích của việc cử hành tang lễ là nói lên lòng tri ân và thương mến của người sống đối với người quá vãng. Do đó tang lễ phải trang nghiêm thanh tịnh và làm đúng với chánh pháp. Có như thế kẻ còn người mất đều có sự lợi ích.

Điều cốt yếu của tang lễ là làm lợi ích cho người chết, đó là làm sao trợ duyên cho người chết được vãng sanh Tây Phương, chứ không phải là lúc người sống lợi dụng để tiệc tùng hay mua tiếng khen của thiên hạ. Do đó trong đám tang người quá cố thân nhân nên làm đơn giản, đừng quá chạy theo tâm lý thế gian để làm những điều vô ích. Điều cần thiết nhất là gia đình nên ăn chay và cúng chay, đừng sát sanh để đãi đằng cúng tế. Suốt thời gian đám tang, gia đình nên phát tâm tụng kinh niệm Phật và làm những việc phước thiện như bố thí, cúng dường để trợ tiến cho hương linh sớm được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

3. Những việc cần làm sau đám tang :

Trong thời gian đám tang cho đến bốn mươi chín ngày là thời điểm quyết định cho thân thức người chết được vãng sanh Tây Phương, hoặc được tái sanh về cảnh giới trời, người, hoặc đọa lạc vào một trong bốn cảnh ác thú. Do đó người bà con nếu có tâm thương yêu người chết, trong thời gian này cần nên phát tâm ăn chay niệm Phật.

Mỗi ngày ba thời người thân quyến nên đối trước bàn Phật (hoặc bàn vong) lớn tiếng niệm Phật, mỗi thời độ khoảng nửa giờ đồng hồ rồi đem công đức hồi hướng cầu nguyện người chết sớm được vãng sanh. Lại trong thời gian này, thân quyến nên đem những tài sản của người chết mà làm các việc phước thiện để hồi hướng cho người chết.

Có điều, người thân quyến muốn được sự lợi ích cho người chết khi tụng kinh niệm Phật phải có tâm tha thiết chí thành, đồng thời phải ăn chay cử rượu thịt và không nên quan hệ vợ chồng trong thời gian bốn mươi chín ngày để cầu nguyện.

---o0o---

C. KẾT LUẬN

Chúng sanh vì nghiệp duyên sai khác mà sau khi chết phải tái sanh vào một trong sáu cảnh giới luân hồi. Tất nhiên còn sanh tử là còn khổ đau, chỉ có sự chấm dứt sanh tử được vãng sanh về thế giới Tịnh độ, chúng ta mới đạt đến sự hạnh phúc tuyệt đối.

Nên biết, việc lớn nhất của con người là sanh tử, như Cổ đức đã từng dạy : “ Sanh tử đại sự, tấp tốc vô thường”. Nhưng muốn chấm dứt nỗi khổ sanh tử đòi hỏi phải có sự nỗ lực tự tu của cá nhân và các duyên tố của thiện hữu tri thức giúp đỡ lúc lâm chung.

Để khi lâm chung một lòng niệm Phật cầu nguyện vãng sanh Tây Phương, ngay bây giờ chúng ta phải có sự chuẩn bị từ nội nhân (tinh thần) cho đến ngoại duyên, kéo không chuẩn bị đủ các duyên như thế, thì chúng ta những người niệm Phật đã có duyên lành tu tập, thế mà chẳng khác nào xảy ra cảnh kẻ đã leo lên thuyền giải thoát rồi lại rơi xuống sông và mãi mãi chìm đắm trong dòng sông sanh tử luân hồi.

---o0o---

Pháp môn Tịnh độ

Trong kinh Pháp hoa phẩm phương tiện đức Phật có dạy: “ Chư Phật vị nhất đại sự nhân duyên xuất hiện u thể dục linh chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến”, có nghĩa là: “ Các đức Phật vì một nhân duyên lớn xuất hiện ở thế gian, đó là khai thị tri kiến Phật cho tất cả chúng sanh để chúng sanh ngộ nhập vào tri kiến Phật ấy”. Câu nói đó đã xác định bản hoài của chư Phật thị hiện trong cuộc đời là đưa tất cả chúng sanh đạt đến quả vị giải thoát và giác ngộ, thể nhập vào bản thể uyên nguyên, cái mà trong thiền gọi là “Bản lai diện mục” trong Tịnh độ gọi là “Tự tánh Di Đà”. Bản tánh ấy vốn không hình không tướng vượt ra ngoài mọi ngôn ngữ và sự nhận thức của phàm phu, nhưng khi vọng tưởng lắng đọng thì bản thể hiện liền.

Cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ, tại vương quốc Aán độ nước Ca tỳ la vệ, dưới cội cây Tất bát la bên dòng sông Ni liên thiên, thái tử Sĩ đạt ta sau bốn mươi chín ngày ngồi tư duy thiền định đã ca lên khúc hát khai hoàn, xác nhận Ngài là bậc đã thành tựu quả vị, bậc đã hoàn toàn chứng được thể tánh, bậc tối thắng trong cõi đời. Nương nơi thể tánh thanh tịnh ấy trải qua bốn mươi chín năm hoằng hóa thuyết pháp độ sanh, với hơn ba trăm hội đàm kinh, những lời dạy của Ngài đã được các hàng Thánh đệ tử kết tập thành ba tạng kinh điển, trong đó triển khai tám vạn bốn ngàn môn tu tập, khai mở cho chúng sanh con đường dứt vọng tưởng thể nhập chân như. Một trong vô số pháp môn tu tập, với sự hành trì rất đơn giản nhưng thành tựu nhiệm mầu đó là pháp môn Tịnh độ.

Tông Tịnh độ là một trong mười tông phái của Phật giáo Trung hoa, Triều tiên, Nhật bản ... là tông phái siêu việt được các bậc cao đức liệt vào tông phái đại thừa viên đốn. Nói đại thừa bởi tông này lấy tâm bồ đề làm nhân, lấy quả vị cứu cánh Phật làm quả. Nói viên bởi tông này lý sự vẹn toàn tóm thâu bốn giáo trước (tiểu thừa giáo, đại thừa thi giáo, đại thừa chung giáo, đại thừa đốn giáo). Nói đốn bởi tông này không luận bàn về pháp tướng mà chỉ chuyên rỗng về chân tánh, không cần trải qua nhiều thứ lớp, mà tu tập trong một đời có thể chứng lên quả vị Bất thoái chuyển (A bệ bạt trí). Đây quả thật là điểm siêu xuất của tông Tịnh độ.

Hệ tư tưởng của Tịnh độ được y cứ và xiển dương trên ba bộ kinh và một bộ luận làm cơ sở nòng cốt để phát huy, đó là Phật thuyết A di đà kinh, Vô lượng thọ kinh, Quán vô lượng thọ kinh (còn gọi Thập lục quán kinh) và bộ luận Tịnh độ vãng sanh của Bồ tát Thế thân.

Nơi tinh xá Kỳ viên thuộc nước Xá vệ, đức Thế tôn tuyên thuyết kinh A di đà, Ngài tóm lược giới thiệu về vị giáo chủ và y báo trang nghiêm của thế giới Cực lạc, khuyên chúng sanh phát nguyện sanh về thế giới ấy bằng phương pháp chuyên trì danh hiệu Phật, đồng thời dẫn lời tán dương và ấn chứng của mười phương chư Phật để làm tăng tiến niềm tin cho người niệm Phật. Ôu núi Kỳ xá quật thuộc thành Vương xá Ngài tuyên thuyết kinh Vô lượng thọ, diễn tả quá trình hành Bồ tát đạo của tỳ kheo Pháp tạng (tiền thân Phật A di đà), trong khi tu nhân đã đối trước đức Thế tự tại vương Như lai phát bốn mươi tám đại nguyện thù thắng cao cả, để trang nghiêm Phật độ nhiếp hóa quần sanh. Kế đó Ngài trình bày về công đức tu hành, trí tuệ thần biến của Thánh chúng cõi ấy, khiến chúng sanh khát ngưỡng phát nguyện sanh về. Tại vương cung của Tần bà sa la thuộc thành Vương xá, do sự thỉnh cầu của hoàng hậu Vi đề hi, Ngài tuyên thuyết kinh Quán vô lượng thọ, chỉ bày mười sáu pháp quán làm nhân tố để cầu sanh về thế giới Cực lạc. Sau này Thế thân Bồ Tát y cứ vào kinh Vô lượng thọ kinh tạo bộ Tịnh độ vãng sanh luận, tán dương cảnh giới trang nghiêm thù thắng của và xiển dương pháp tu ngũ niệm môn (lễ bái, tán thán, phát nguyện, quán tưởng, hồi hướng) làm nhân vãng sanh. Ngoài ba kinh một luận trên, còn có rất nhiều kinh luận đại thừa khác như Pháp hoa, Hoa nghiêm ... Đại trí độ, Đại tỳ bà sa ... đều tán thán và đề cao tư tưởng Tịnh độ.

Khi Phật giáo mới truyền sang Trung hoa, pháp môn Tịnh độ đã sớm hòa nhập vào dòng tư tưởng của người bản xứ. Trung hoa quả thật là mảnh đất màu mỡ để tông Tịnh độ đâm chồi nảy lá. Sau Ca diếp ma đảnh và Trúc pháp lan đem Phật giáo truyền vào Trung hoa (nhằm đời Hán Minh đế năm Vĩnh bình 67), kế tiếp có các đại sư ấn Độ sang, phụng sắc chỉ dịch các bộ kinh từ chữ phạn sang Hán, kinh sách Tịnh độ cũng được theo đó mà truyền vào.

Thời Đông Tấn (317 – 419 T2) pháp sư Đạo an (312 - 385) đã làm sách luận về Tịnh độ, mở trường pháp phái nêu rõ chánh tông, phát huy những điểm đặc sắc của Tịnh độ. Dưới thời Tào Ngụy (220 – 280) Ngài Khang tăng khai (đến Trung hoa 252) dịch kinh Vô lượng thọ. Đời Dao Tần (còn gọi Hậu Tần 354 – 417), bậc dịch kinh nổi tiếng Cưu ma la thập (344 – 413) phụng dịch Phật thuyết A di đà kinh. Thời Lưu Tống (420) Ngài Cương lương da xá (383 - 442) dịch Quán vô lượng thọ kinh, từ đó giáo nghĩa tông Tịnh độ đã hoàn bị. Vào đầu thế kỷ thứ năm, hệ tư tưởng đã hình thành tông phái, tín ngưỡng Di đà giáo chính thức khai nguyên. Bậc cao tăng được đăng quang lên ngôi vị khai tổ là Huệ viễn đại sư (344 – 416) ở chùa Đông lâm Lô sơn,

lừng danh với hội “Bạch liên xã” mà âm hưởng còn vang vọng đến ngày nay.

Sau đó vào thời Tuyên đế Bắc ngụy (508) Bồ đề lưu chi (sang Trung hoa 508) dịch Tịnh độ vãng sanh luận của Bồ tát Thế thân, đây là bộ luận căn bản hoàn chỉnh hệ thống giáo nghĩa của Tịnh độ.

Pháp môn Tịnh độ còn gọi là pháp môn niệm Phật, chữ niệm ở đây có nghĩa là đem tâm thanh tịnh mà tưởng nhớ đến Phật. Thông thường tất cả chúng phàm phu luôn đem tâm buông lung theo năm món dục lạc, nhận vọng tâm điên đảo duyên theo sáu trần làm tâm, luôn nhớ nghĩ về quá khứ mơ mộng ở tương lai mà đánh mất thực tại, cho nên tâm thường xao động. Còn chữ niệm ở đây là một tâm sở trong năm biệt cảnh tâm sở, ý nghĩa của nó là nhớ nghĩ vào hiện tại, buộc tâm vào một đối tượng không rong ruổi theo niệm trần, nhưng niệm này không hề lụy vào một cảnh giới nào mà thông suốt cả ba đời, thường hiện rõ trước mặt. Về chữ Phật là chỉ cho bản thể bất sanh bất diệt, cái bản thể chân thật bình đẳng ở nơi chư Phật và chúng sanh. Hành giả niệm Phật là niệm danh hiệu Phật, danh này bao trùm tất cả công đức, trí tuệ, từ bi ... của các đức Phật. Do đức lập danh, nhờ danh chiêu cảm đức. Lấy danh hiệu Phật làm cảnh sở niệm, tâm thanh tịnh làm đối tượng năng niệm, thường trú vào bản tánh bất sanh bất diệt ấy tất đạt đến cảnh giới an vui chân thật. Thường trú vào câu Phật hiệu hay quán tưởng thân tướng trang nghiêm của đức Phật, với tâm thanh tịnh sẽ tạo một năng lực tuyệt đối, khơi dậy tự tánh Di Đà bên trong của mỗi chúng sanh. Từ đó vọng tưởng quyết dứt trừ, cảnh giới lặng màu sẽ hiển lộ, như trong Quán kinh có dạy: “ Chư Phật Như lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh, cho nên tâm của các người tưởng Phật thì tâm ấy là ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biến chánh biến tri của Phật từ nơi tâm tưởng mà sanh, vì thế các ông phải nhớ nghĩ và quán tưởng kỹ thân của đức Phật kia”

Lập trường của tông Tịnh độ được kiến tạo trên nền tảng của nhân quả, tức có gây nhân mới mong hưởng quả. Điều này xác định, hành giả nếu muốn mai hậu làm thánh chứng ở cảnh giới Cực lạc thì ngày hôm nay phải có tư cách của bậc Thánh. Vì vậy trong cuộc sống hiện tại, hành giả cần phải thường xuyên cải hóa thân, khẩu, ý, hướng đến chiều hướng thanh tịnh. Ví như học trò trong việc học tập phải có sự tiến bộ, từ lớp nhỏ tiến lên đến lớp lớn, có như vậy mới mong có ngày đỗ đạt. Người niệm Phật cũng thế, nếu ngày hôm nay cứ sống trong sự buông thả, không chịu nỗ lực tinh tấn tu hành, mà cứ van xin và tin rằng mai kia Phật sẽ cứu độ; nếu tin như thế thì

thật là trái lý nhân quả, chẳng khác nào luận thuyết của ngoại đạo và hoàn toàn không phù hợp với giáo lý nhà Phật.

Vẫn biết pháp môn niệm Phật là một trong các pháp môn phương tiện siêu thắng, cho dù đến bậc Đăng giác còn chưa thấu triệt rốt ráo, và nguyện lực tối thâm của đức A di đà thật là vô tận, hàm nhiếp tất cả mọi nguyện lực của mười phương ba đời chư Phật, đối với nghiệp lực của phàm phu, ngay cả đến các bậc Sơ địa Bồ tát nếu không nương vào oai lực tiếp độ của Phật, chỉ nương nơi sức tự lực tu hành của mình cũng không thể vãng sanh. Nhưng tha lực ấy chỉ thành tựu trên cơ sở hành giả phải có sức tự lực. Ví như người mẹ luôn luôn nghĩ đến con nhưng người con không nghĩ đến mẹ thì mẹ dầu thương con cũng đành cam chịu. Tha lực của đức Phật cũng thế, mặc dầu là vô song, nhưng điều quan trọng ở điểm là hành giả có hội đủ tư cách tu trì, có chân thành chịu nhận sự tiếp độ ấy hay không. Có rất nhiều người tu Tịnh độ không nhận ra được lý này, rồi quan niệm đức Phật như một đấng thần linh luôn ban ân cứu rỗi và cảnh giới cực lạc chẳng khác nào thiên quốc của thần giáo, để rồi từ đó có lắm kẻ thiên cận cho rằng pháp tu Tịnh độ là pháp ngoại đạo mê tín dị đoan hoặc là hành môn của hạng hạ căn. Đây quả thật là những ngộ nhận sai lầm đáng tiếc đã xảy ra.

Tóm lại, người niệm Phật muốn vãng sanh Tịnh độ ngoài lực hộ trì tiếp dẫn của Phật cần phải có chánh nhân Tịnh độ. Theo kinh Quán vô lượng thọ, hành giả phải hội đủ ba điều kiện sau:

“ Một là hiếu dưỡng phụ mẫu phụng thờ sư trưởng, giữ lòng từ không sát hại tu tập mười nghiệp lành. Hai là thọ trì ba pháp quy y, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Ba là phát Bồ đề tâm, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng kinh điển đại thừa, khuyên người khác cùng tu ...”

Trên đây là chánh nhân Tịnh độ, là điều kiện cần và đủ của người phát nguyện vãng sanh Tây phương. Ba điều này có thể tóm thâu vào hai việc, một là phát Bồ đề tâm, hai là nghiêm trì giới luật.

Điều kiện cần thiết thứ nhất của người niệm Phật là phải phát Bồ đề tâm. Thế nào là phát Bồ đề tâm? là phát tâm trên mong cầu quả vị Phật, dưới mong hóa độ các loài chúng sanh. Người tu Phật nếu không phát Bồ đề tâm dầu có tinh tấn tu trì thực hành các hạnh lành cũng chỉ là nhọc công vô ích mà thôi. Trong kinh Hoa nghiêm có dạy: “Vong thất Bồ đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp” (Quên mất tâm bồ đề, dầu tu các hạnh lành, cũng đều là nghiệp ma). Vì vậy người tu tịnh độ muốn thành tựu ước nguyện giải

thoát thì trước hết phải phát Bồ đề mà niệm, đây là điểm vô cùng quan trọng không thể thiếu đối với người tu Tịnh độ.

Điều kiện cần thiết thứ hai của người niệm Phật là phải nghiêm trì giới luật. Tùy theo giới luật mình đã phát nguyện thọ mà hành trì. Bởi vì bất cứ tông phái nào trong đạo Phật cũng đều không thể ly khai tinh thần giới luật, vì giới luật là nền tảng của đạo, là thọ mạng của Phật pháp. Nếu không có giới thì định huệ không thể phát sanh, giới định huệ đã không phát sanh thì Pháp thân biết nương vào đâu mà thành tựu. Lại đối với tông Tịnh độ giới luật càng thiết yếu, chúng ta có thể nói Luật tông và Tịnh độ tông là hai tông phái hỗ trợ bao trùm nhau và không thể tách rời nhau. Hai tông này bao trùm toàn bộ tám tông phái khác của Đại thừa, như đại sư Thái hư có nói: “Luật là nền tảng của Tam thừa, Tịnh độ là mái che chung của Tam thừa”. Hành giả gìn giữ giới luật, trên nền tảng đó câu niệm Phật mới hiển lộ hết công năng mâu nhiệm, như trong kinh Quán vô lượng thọ có dạy: “Một câu niệm Phật, có thể tiêu trừ tám mươi ức kiếp sanh tử trọng tội”.

Nhưng muốn cho tâm Bồ đề khỏi bị thôi thất và tư cách thánh hạnh được vẹn toàn, tròn đầy chánh nhân vĩnh sanh Tịnh độ, người niệm Phật phải hội đủ ba đức tính quyết định, ấy là tín sâu, nguyện thiết và trì chuyên.

Tín là đức tin, là yếu môn để nhập đạo, là cội nguồn của mọi công đức, người tu Phật nếu thiếu mất yếu tố này thì sẽ không thể thoát ly sanh tử, đạt thành kết quả an vui giải thoát. Bởi vì tất cả mọi công đức vô lậu đều nương vào tín mà lập và do tín mà thành, như trong kinh có dạy: “Phật pháp như bê cả, do tín mà vào”. Hành giả ngoài việc có đức tin trong sạch tuyệt đối với Tam Bảo, với sự tìm hiểu bằng kiến chiếu của trí tuệ bát nhã kiên định không ngờ vực, trên nền tảng đó, gia thêm lòng tin kiên cố vào pháp môn Tịnh độ. Đức tin này được dựng lập trên ba điểm. Điểm thứ nhất, hành giả tin rằng đức Phật Thích ca là bậc đã thân chứng Tịnh độ, những lời dạy của Ngài về cảnh giới Cực lạc và khuyên chúng sanh vãng sanh là hoàn toàn thật có. Điểm thứ hai, hành giả tin rằng đức A di đà với bốn mươi tám đại nguyện độ sanh vĩ đại, nếu ai mong cầu sanh về thế giới của Ngài thì người ấy sẽ được tiếp độ. Điểm thứ ba là hành giả tin vào tự tánh thanh tịnh, vào khả năng sẵn có của mình, nếu hiện đời quyết tâm niệm Phật thì tương lai quyết định vãng sanh Tịnh độ.

Trên nền tảng của tín, hành giả cầu sanh Tịnh độ cần phải có đủ yếu tố thứ hai là khẩn thiết phát nguyện. Trong Phát Bồ đề tâm văn của đại sư Tĩnh am có dạy: “Nhập đạo yếu môn phát tâm vi thủ, tu hành cấp vụ lập nguyện cư

tiên, nguyện lập tắc chúng sanh khả độ, tâm phát tắc Phật đạo kham thành” (Cửa yếu vào đạo lấy sự phát tâm làm trước, việc cấp thiết tu hành lấy sự lập nguyện làm đầu, nguyện có lập thì chúng sanh mới độ, tâm có phát thì Phật đạo mới thành), lời dạy ấy đã cho chúng ta thấy được tầm quan trọng của sự phát nguyện như thế nào.

Tâm nguyện cầu sanh Tây phương theo Thiên thai Trí giả đại sư phải hội đủ hai yếu tố là yếm ly và hân nguyện. Tâm yếm ly là tâm chán lìa, hành giả phải ý niệm rằng sắc thân năm ấm này vốn là hư tướng, chỉ là sự tổ hợp của năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức luôn nhuốm màu khổ đau và bất tịnh. Thân phận con người so với chư thiên cũng chẳng khác nào bầy giòi chen chúc trong hầm phân. Mọi phiền não của cuộc đời luôn cấu xé tâm can, như những mũi tên độc găm vào da thịt như những trận tra tấn cực hình. Nhờ thường xuyên quan sát như thế hành giả sẽ nhàm chán, đối với thân xác và mọi thú vui của dục lạc ở đời sẽ không sanh tâm đắm nhiễm.

Tâm chán bỏ thế giới Ta bà càng lớn thì ý nguyện mong cầu vãng sanh về Cực lạc càng mạnh. Người niệm Phật chỉ có một ước nguyện duy nhất là mong cầu sớm thoát khỏi lao tù Ta bà hiện tại, nguyện thoát sanh về thế giới Cực lạc trong ngày mai. Tâm nguyện tha thiết cầu sanh đó ngàn trâu kéo không lại. Chẳng khác nào như kẻ tha phương trông ngóng cố hương, kẻ xa cha mẹ mong ngày đoàn tụ, như trong Di Đà Sớ có câu “Trông về Cực lạc như nhớ cố hương, ngưỡng mến đức Từ tôn như cha mẹ”. Trên đây chúng tôi lược nêu ý nghĩa phát nguyện, là yếu tố thứ hai trong sự cầu sanh Tây phương.

Tín nguyện đã đầy đủ nhưng thiếu phần hạnh, người tu Tịnh độ cũng khó thành tựu, vì vậy cần phải chú trọng về vấn đề hành trì. Đại sư Ngẫu Ích đã từng dạy: “Được vãng sanh cùng không đều do ở tín và nguyện; phẩm vị cao hay thấp là bởi chỗ hành trì có cạn hoặc sâu”. Tín và nguyện đã có tức đã đầy đủ tư lương, nhưng muốn đạt mục đích hành giả cần phải thực hành các sự nghiệp phước đức trí tuệ, ấy là phải có hạnh. Đây là món tư lương thứ ba của người tu niệm Phật.

Ngoài việc tu tạo phước đức trí tuệ, và giữ gìn giới luật làm trợ hạnh để cầu sanh, Hành giả cần phải thực hành chánh hạnh. Chánh hạnh ở đây là phát tâm thanh tịnh thường trì Phật hiệu. Theo tông chỉ của Tịnh độ thì pháp niệm Phật bao gồm bốn môn sau.

Một là Thật tướng niệm Phật, đó là nhập vào đệ nhất nghĩa đế niệm tánh Phật bản lai của mình. Bản thể ấy xưa nay vốn thanh tịnh vắng lặng không bị phiền não cấu nhiễm. Hành giả trụ tâm vào tánh Phật bản lai ấy, khiến tâm không vọng động không chạy theo niệm trần, tâm lần hồi trong sáng thể nhập vào cảnh giới nhất chân. Hai là Quán tưởng niệm Phật, hành giả quán tưởng chánh báo, y báo trang nghiêm của thế giới Cực lạc, cho đến khi nhắm mắt hay mở mắt, cũng đều thấy cảnh giới Cực lạc rõ ràng.

Ba là Quán tượng niệm Phật, là người tu luôn nhiếp tâm vào hình tượng của đức Phật A di đà, cho đến khi có đối trước hay không đối trước tượng, hình tượng nghiêm của Phật A di đà vẫn hiện ra trước mắt. Bốn là Trì danh niệm Phật, đó là niệm thầm hay niệm ra tiếng bốn hay sáu chữ “ Nam mô A di đà Phật”. Hành giả niệm với tâm tha thiết chí thành không xen lẫn tạp niệm, chỉ chú tâm vào danh hiệu Phật lần hồi sẽ đi vào cảnh giới nhất tâm.

So với ba môn trước thì pháp Trì danh có phần giản dị dễ tu và dễ thành tựu. Đây quả là phương tiện thù thắng trong các phương tiện, là đường tắt trong mọi đường tắt, như trong Di đà sơ có câu: “Ví như chim hạt tung mình đậu bằng đại bàng cất cánh, ngựa ký ruồi vó đậu bằng rỗng chúa tung bay”

Do căn tánh của chúng sanh có sự sai biệt, nên pháp trì danh niệm Phật cũng được các bậc cổ đức chia thành nhiều cách khác nhau, như Phán văn trì danh, Sổ châu trì danh, Tùy tức trì danh, Truy đánh trì danh, Giác chiếu trì danh, Lễ bái trì danh, Liên hoa trì danh, Quang trung trì danh, Quán Phật trì danh và Ký thập trì danh. Trong ấy có thể nói pháp Ký thập trì danh là pháp tu rất dễ thành tựu và dễ đưa hành giả đi đến cảnh giới nhất tâm.

Sanh tiền đại sư Aán quang thường khuyên các liên hữu áp dụng cách thức này, đó là cách niệm ký số, cứ lấy mười câu Phật hiệu làm một đơn vị, người hơi dài có thể niệm thành hai lượt một lượt năm câu; hoặc chia thành ba lượt, hai lượt đầu ba câu và lượt sau bốn câu. Sau khi niệm đủ mười câu đều lần qua một hạt chuỗi. Niệm theo lối này, tâm đã niệm Phật lại còn ghi nhớ số. Như thế dù không chuyên cũng bắt buộc phải chuyên, nếu không chuyên thì sẽ bị sai lạc số mục. Cho nên pháp này là một phương tiện cưỡng bức làm cho hành giả phải chuyên tâm, rất có công hiệu và đưa đến thành tựu cho người niệm Phật một cách nhiệm mầu.

Ngoài ra, vấn đề quan trọng của pháp niệm Phật là trong khi niệm phải giữ tâm thanh tịnh, bởi tâm thanh tịnh là nhân tố quyết định cho sự thành tựu cảnh giới nhất tâm. Muốn đạt được điều này theo đại sư Aán quang thì : “

Khi hành giả đề khởi câu Phật hiệu, tai phải nghe rõ ràng từng chữ, tâm phải trụ vào câu Phật hiệu, không chạy theo vọng trần, cứ niệm xoay vần và nhiếp tâm liên tục hành giả sẽ tiến sâu vào chánh định”. Theo đại sư Liễu nhất “ Khi tâm chuyên nhất vào câu niệm Phật, quên hết cả thân tâm ngoại cảnh, tuyệt cả không gian thời gian, đến lúc sức lực công thuần ngay nơi niệm trần mà vọng hoặc tiêu tan, tâm thể bùng sáng, hành giả có thể chứng được niệm Phật tam muội”

Trên đây là những điểm chúng tôi trình bày sơ lược về ba yếu tố tín, nguyện, hạnh quan trọng của pháp môn Tịnh độ. Qua đó cho chúng ta thấy được pháp môn Tịnh độ có phần đơn giản dễ thực hành mà kết quả lại cao tuyệt. Môn này quả thật là pháp môn siêu việt, là thuyền từ ra khỏi Ta Ba là cửa màu để vào Phật đạo “ Xuất Ta bà chi bảo phiệt, thành Phật đạo chi huyền môn”. Sự thành tựu nhiệm màu ấy được các bậc cổ đức đánh giá : “Tu các pháp môn khác, chẳng khác nào con kiến bò dọc theo ống tre, hành trì môn Tịnh độ như con kiến đục thủng ống tre ra ngoài”.

Phải chăng, pháp môn Tịnh độ là pháp môn duy nhất trong thời Mạt pháp để cho chúng sanh y cứ tu tập, ngõ hầu thoát ly sanh tử luân hồi. Như trong kinh Đại tập nguyệt Tang Đức Phật có dạy: “Mạt pháp ức ức nhân tu hành hãn nhứt đắc đạo, duy y niệm Phật đắc độ sanh tử” (thời Mạt pháp ức ức kẻ tu hành song ít có người đắc đạo, chỉ nương vào pháp môn niệm Phật mà thoát khỏi luân hồi). Phải chăng đó là mật ý vi diệu, là tình thương bao la của bậc đại trí tuệ đối với chúng sanh căn cơ hèn kém, như trong kinh Vô lượng thọ đức Phật dạy: “Đương lai chi thế kinh đạo diệt tận, ngã dữ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế. Kỳ hữu chúng sanh trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện giai khả đắc độ” (Trong đời tương lai khi kinh đạo diệt hết, ta dùng sức từ bi thương xót, riêng lưu trụ kinh này một trăm năm. Chúng sanh nào gặp kinh này, tùy theo sở nguyện đều có thể đắc độ)

Vì tính cách khế cơ ấy mà từ trước đến nay, không biết bao nhiêu người niệm Phật được kết quả vãng sanh. Sự màu nhiệm đó như rồng bay phượng múa ngọc chạm vàng khua mà trong “ Tịnh Độ thánh hiền lục” đã thuật lại rõ ràng. Pháp môn này lại bao quát cả ba căn, trên từ các bậc Đẳng giác Bồ tát các bậc đại đức cao tăng, dưới cho đến những kẻ cùng hung cực ác, nhẫn đến các loài súc sanh, như nhồng, sáo, uyên ương, se sẽ ... cũng nhờ niệm danh hiệu Phật A di đà mà được thoát ly thân cầm thú vãng sanh về cảnh giới Tịnh độ.

Trải qua bao thế hệ thăng trầm dòng thời gian biến đổi, tất cả mọi tông phái khác có nguy cơ bị hoại diệt hoặc trở thành một triết lý hổ tương. Riêng tông Tịnh độ với tính cách thiết thực đã đứng vững và phổ cập, trở thành một trong hai tông phái lớn của Phật giáo đại thừa, là Thiền tông và Tịnh độ tông. Đây có thể nói là hai tông phái bao trùm toàn bộ tinh hoa, đường lối tu tập của Phật giáo đại thừa.

Với sự tán dương và truyền thừa tông Tịnh độ, từ trước đến nay có biết bao vị cao tăng thạc đức, các bậc văn nhân chí sĩ ... đã làm các sở giải, các luận văn, làm truyện, làm kệ, làm phú, làm thơ ... để khen ngợi và cùng xiển dương tông phái này.

Ngoài ra các bậc cao đức chuyên tu tịnh nghiệp cầu sanh Tây phương cũng không sao xiết kể, như Bách trượng hoài hải với bản “Bách trượng thanh quy” làm quy củ cho Thiền tông cũng không ra ngoài ý nghĩa quy túc Tịnh độ. Các tổ bên Thiền tông như Vĩnh minh diên thọ, Thiên như duy tác, Thiên thai hoài ngọc ... bên Luật tông như các Ngài Nguyên chiếu, Hoài tổ ... bên Tam luận tông như các Ngài Cát tạng, Đạo lãng ... bên Duy thức tông như các Ngài Khuy cơ, Hoài cảm ... bên Mật tông như các Ngài Bất không, Hồ đồ khắc đồ ... bên Hoa nghiêm tông như các ngài Đỗ thuận, Trừng quán ... bên Pháp hoa tông như các ngài Trí giả, Quán đánh... Các bậc cao tăng xướng lãnh các tông trên đây và vô số danh tăng khác cũng đều phát nguyện cầu sanh Cực lạc.

Tại nước Việt nam, tư tưởng Tịnh độ đã sớm hoà nhập và phát triển mạnh mẽ. Trong thế kỷ XI có Ngài Tĩnh lược (thuộc phái Vô ngôn thông) là vị đã chứng Niệm Phật tam muội. Thảo đường quốc sư vị khai tổ giòng thiền thứ ba của Phật giáo Việt nam (vào thế kỷ XIII) đã khuyên đồ chúng nên tu Tịnh độ với bài Pháp ngữ thị chúng tuyệt vời. Tôn giả Pháp loa nhị tổ của thiền phái Trúc lâm cũng đã lập tháp Cửu phẩm liên đài để khích lệ tứ chúng cầu nguyện vãng sanh. Thời đại gần đây có các bậc cao tăng như hoà thượng Tâm tịnh, hoà thượng Phước huệ, hoà thượng Khánh anh, hoà thượng Hải tràng, hoà thượng Trí thủ, hoà thượng Thiên tâm... các Ngài đã tự tu và truyền bá pháp môn này từ bắc chí nam, làm cho Phật pháp được bảo tồn và lan tràn cho đến ngày hôm nay.

Thiết nghĩ, trên bước đường tu tập người xuất gia lẫn tại gia ai cũng mong muốn đạt đến quả vị giải thoát, nhưng thành tựu sở nguyện ấy, là điều không phải dễ dàng, khi trong tự thân luôn tràn đầy những nghiệp lực chi phối, cộng thêm hoàn cảnh xã hội luôn có năng lực tác động con người đi vào

trong quỹ đạo của dục vọng đê hèn. Chỉ một tập quán xấu nhỏ nhưng chúng ta diệt trừ nó không phải là đơn giản hoặc một chút điều lành nhưng thực hiện không phải là một sớm một chiều. Để rồi trong âm thầm, cuộc sống của chúng ta cứ trôi lăn trong vòng sanh tử, trong sự chỉ đạo của phiền não, tồn tại với bao ước vọng hão huyền. Rồi một mai khi tấm thân tứ đại này tan ra, biết hướng về đâu mà nương tựa.

Chi bằng, đặt trọn tấm lòng thành hướng về với Tam bảo, mỗi niệm mỗi niệm xả ly Ta bà, mỗi niệm mỗi niệm hướng về nơi Cực lạc. Quyết chí nương nhờ Phật lực phát nguyện cầu sanh Tây phương, đến khi thành tựu quả vị Bồ đề trở lại Ta bà tiếp độ chúng sanh. Có như vậy sự tu tập của chúng ta mới hợp với bản hoài thị hiện của đức Phật Thích ca, đúng với hạnh nguyện tiếp dẫn của đức Phật A di đà và không cô phụ tánh linh của mình.

---o0o---

Hết